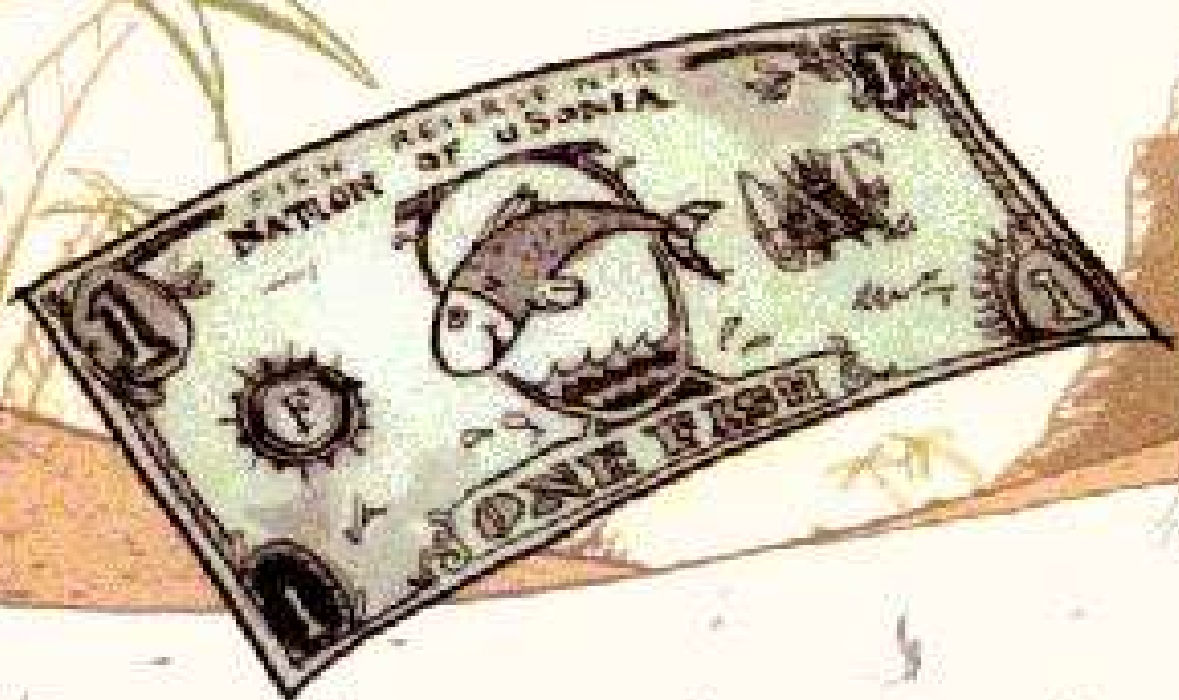


TỦ SÁCH DOANH TRÍ
Do PACE tuyển chọn và giới thiệu

NỀN KINH TẾ TĂNG TRƯỞNG VÀ SỤP ĐỔ NHƯ THẾ NÀO?

HOW AN ECONOMY GROWS AND WHY IT CRASHES



MỘT CÂU CHUYỆN NGUYỄN NGÔN THỜI KIẾN ĐẠI

PETER D. SCHIFF & ANDREW J. SCHIFF



dtbooks
A Member of PACE

Table of Contents

THÔNG TIN EBOOK

DỰ ÁN HẠNH PHÚC

LỊCH SỬ KINH TẾ MỸ NHƯ CÂU CHUYỆN NGỤ NGÔN
ĐỀ TẶNG

LỜI NGƯỜI DỊCH

TUYÊN BỐ CÔNG KHAI

GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ

DẪN NHẬP

CHƯƠNG I: MỘT Ý TƯỞNG RA ĐỜI

CHƯƠNG 2: CHIA SẺ CỦA CẢI

CHƯƠNG 3: NHỮNG CÁCH THỨC SỬ DỤNG TÍN DỤNG

Cho vay tiêu dùng (consumption loans).

Cho vay khẩn cấp (emergency loans).

CHƯƠNG 4: MỞ RỘNG KINH TẾ

CHƯƠNG 5: CÓ PHÚC CÙNG HƯỞNG

Hiệu suất và giảm phát

Việc làm

CHƯƠNG 6: CẮT VÀO KHO

Lãi suất

Đầu tư mang tính rủi ro cao

CHƯƠNG 7: CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ THƯƠNG MẠI

Thương mại

CHƯƠNG 8: NỀN CỘNG HÒA RA ĐỜI

CHƯƠNG 9: CHÍNH PHỦ TRỞ NÊN SÁNG TẠO

CHƯƠNG 10: CHÚ CÁ TEO LẠI

CHƯƠNG 11: SỢI DÂY CỨU HỘ TỪ XA

CHƯƠNG 12: KHU VỰC DỊCH VỤ BƯỚC LÊN VỮ ĐÀI

CHƯƠNG 13: ĐÓNG CỬA SỔ CÁ

CHƯƠNG 14: QUÁ NHIỀU LẪU

CHƯƠNG 15: GIÁ LÈU BỐ NHÀO

Kích cầu để giải cứu

CHƯƠNG 16: VỘI VÃ

Sinopia thức tỉnh

CHƯƠNG 17: MỌI CHUYỆN VỠ LỞ

LỜI BẠT

LỜI CẢM ƠN

VỀ CÁC TÁC GIẢ

VỀ NGƯỜI MINH HỌA

CHÚ THÍCH

THÔNG TIN EBOOK

Tên sách: Nền Kinh Tế Tăng Trưởng Và Sụp Đổ Như Thế Nào?

Nguyên tác: How an economy grows and why it crashes

Tác giả: Peter D. Schiff & Andrew J. Schiff - Minh Họa: Brendan Leach

Người Dịch: Nguyễn Dương Hiếu

Thể loại: Kinh tế

Nhà Xuất Bản Thời Đại - DT Books © 2011

The Happiness Project #7-NF

[TVE-4U](#) *Read Freely - Think Freedom*

Thực hiện: Hanhdb

Hoàn thành: 07/2015

DỰ ÁN HẠNH PHÚC

[The Happiness Project](#) #7-NF



Hạnh phúc luôn tồn tại xung quanh chúng ta, điều quan trọng ta phải biết nắm bắt, kéo nó về phía mình để đem lại an lành cho bản thân, cho cuộc sống! Cuốn sách này là một niềm vui nhỏ bé chúng tôi muốn dành tặng đến bạn, người đọc ạ!

"Hãy nhớ rằng không có hạnh phúc trong sự sở hữu hay sự thu nhận, mà chỉ có trong sự trao tặng. Hãy mở rộng vòng tay - Hãy chia sẻ - Hãy ghi ơn. Hạnh phúc là một loại nước hoa, mà khi bạn rưới lên những người khác, thế nào cũng có một vài giọt dính trên người bạn." Og Madino

LỊCH SỬ KINH TẾ MỸ NHƯ CÂU CHUYỆN NGỤ NGÔN

Cuốn sách được liệt vào hàng kinh điển trong thể loại sách truyền bá Kinh tế học trường phái tự do. Bản thân cha con Peter Schiff đều là những nhà kinh tế lớn của trường phái Áo. Trên thực tế Schiff cha ở tuổi 82 vẫn phải "chấn kiến" vì kịch liệt phản đối những chính sách kinh tế tham lam của chính phủ Mỹ.

Nếu như có giải Nobel cho tư duy kinh tế hài hước, cuốn sách của Peter Schiff sẽ là một ứng cử viên sáng giá... Giống như lưỡi dao mổ của bác sĩ phẫu thuật, nó cắt bỏ một cách lạnh lùng và chính xác những giáo lý sai lệch được viết suốt trong những năm gần đây về các căn bệnh của nền kinh tế thị trường. Xin chào mừng bạn đến với khóa học bổ túc kinh tế dành cho những "kẻ đần thối". Bằng cách lý giải thú vị với cốt truyện nhẹ nhàng, châm biếm, tác giả đã đưa Kinh tế học ra khỏi tháp ngà đến với tất cả mọi người, giúp chúng ta hiểu rõ hơn về cách thức vận hành của một nền kinh tế.

Tuyệt đỉnh hài hước

Lần đầu đọc nó tôi tưởng mình chọn nhầm cuốn truyện ngụ ngôn cho trẻ em. Hoàn toàn vắng bóng những con số khô khan, chẳng một biểu đồ rối rắm và vô cùng nhiều hình minh họa vui tươi hài hước. Tôi đảm bảo dù bạn có "ngần" đến đâu cũng bỏ túi được vài khái niệm căn bản nhất: Nền kinh tế, giá trị thặng dư là gì? Lãi suất và vai trò của ngân hàng Trung Ương... Tại sao một cốc trà đá nhẩy Lambada từ 500 đồng lên 3000 đồng? hay lương của bạn dù tăng lên 2-3 lần mà vẫn thấy nghèo hơn so với 10 năm trước. Khởi đầu câu chuyện thế này.

Ngày xưa ngày xưa trên một hòn đảo nhỏ mang tên "Chỉ đàn ông mới đem lại hạnh phúc cho nhau", có ba chàng độc thân cư ngụ. Họ phải dành cả ngày để bắt cá kiếm ăn bằng đôi tay trần, tuyệt nhiên không có một dụng cụ nào khác. Một ngày nọ, một người trong số họ nghĩ ra cách dùng vợt để bắt cá, sau đó là những dụng cụ bắt cá khác (lưới, thuyền), từ đó dân đảo

bắt đầu có những khoảng thời gian dôi dư để theo đuổi những công việc khác. Cá trở thành tiền tệ của hòn đảo, rồi một Ngân hàng trung ương mang tên Ngân hàng Dự trữ Cá ra đời. Mọi chuyện cứ thế tiếp diễn trong một nền kinh tế đảo, với vô vàn hi vọng ái ố ...

Cuối mỗi chương tác giả đều đưa ra những nhận xét dí dỏm sâu cay, giúp người đọc nhìn rõ hơn từng mảnh ghép trong bức tranh toàn cảnh. Tỉ dụ khi nói về việc kiểm soát lãi suất.

Các quyết định của Fed thường bị ảnh hưởng bởi những xét đoán về chính trị hơn là về kinh tế...Các vị Tổng thống Hoa Kỳ muốn tái đắc cử luôn kêu gọi giảm lãi suất, gây sức ép với Fed để giúp họ làm điều đó. Về phía mình, các nhà làm chính sách tại Fed cũng thích được xã hội nhìn nhận như những người tốt sẵn lòng giúp đỡ nền kinh tế, chứ không phải như những lão Scrooge bủn xỉn keo kiệt, kéo nền kinh tế vào suy thoái.

Những nội dung quan trọng:

- Nền kinh tế tăng trưởng thịnh vượng nhờ những lực lượng sản xuất trực tiếp biết cách cải tiến kỹ thuật - tăng năng suất và hoạt động hiệu quả hơn. Đồng thời nó phải dựa trên dự trữ tiết kiệm thực sự của nền kinh tế đó. *Chi tiêu ít hơn những gì bạn kiếm được chính là chìa khóa cho sự giàu có.* Những ngành dịch vụ ăn theo không làm tăng tổng sản phẩm quốc gia (GDP) ngay cả khi những "số liệu GDP chính thức" được báo đài ngày đêm ra rả. Cơn sốt bất động sản hay các ngành phụ trợ như trang trí nội thất, xây dựng... chẳng làm đất nước giàu lên. Trong một vài trường hợp, cơn rồ đất đai và chi tiêu công vô độ, nạn tham nhũng sẽ dẫn đến suy thoái tất yếu cho toàn bộ nền kinh tế: Đại khủng hoảng 1929, suy thoái 2008 tại Mỹ và bong bóng nhà đất năm 2011-2012 tại Việt Nam...

- Do một người Mỹ viết nên đương nhiên câu chuyện kể về chính phủ Mỹ, hồi tưởng lại sự kiện lịch sử Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) quyết định bỏ bản vị vàng - Schiff cho rằng chính quyết định này đã dẫn đến việc lạm phát trong suốt 100 năm qua của đồng Đô-la. Chính phủ Mỹ có thể in tiền mà không cần quan tâm dự trữ tiết kiệm trong ngân sách là bao nhiêu. Để bù đắp cho khoản thâm hụt, họ sử dụng chính sách xuất khẩu lạm phát sang các nước, khu vực khác.



- Tôi đặc biệt thích cách tác giả lý giải chính sách chi tiêu công phải dựa trên nguồn lực dự trữ nội tại. Ông phê phán sâu sắc thậm chí phỉ nhổ không thương tiếc những "con lừa" theo chủ nghĩa Keynes (quan niệm cho rằng chính phủ nên chi tiêu mạnh tay nhằm thoát khỏi khủng hoảng). Các khoản chi tiêu công ồ ạt của chính phủ Mỹ dưới thời Alan Greenspan, Bernanke đã đẩy số nợ mà nước này phải gánh lên đến 13 nghìn tỷ USD, tức khoảng 90% GDP. Dù đã chi 787 tỷ USD nhằm kích thích kinh tế nhưng tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ vẫn loay hoay quanh mức 10%. Schiff phê phán " *Keynes đã thực hiện một trò bịp bợm khó tưởng tượng nhất một cách khéo léo: ông ta đã biến một điều đơn giản thành một mớ hỗn độn phức tạp đến mức không sao hiểu được.*"



- Vạch trần mối quan hệ giao thương hai chiều giữa Mỹ - Trung Quốc: trong đó Trung Quốc trở thành kẻ sản xuất cung cấp sản phẩm, còn nước Mỹ là thị trường tiêu thụ chính. Khi cán cân thương mại này bị nghiêng, chú Sam chỉ việc bấm nút in tiền hay trả nợ bằng trái phiếu. Một chiêu bản nhưng vô cùng hiệu quả của Tư bản Mỹ, tuy nhiên về lâu dài họ sẽ phải trả giá đắt vì vận may không thể kéo dài mãi mãi. Sẽ có lúc quốc vương Tập vác hàng tải đô la mua đứt xứ sở cờ hoa.

Hạnh Nghĩa - Happiness Project

ĐỀ TẶNG

Nền Kinh Tế Tăng Trưởng Và Sụp Đổ Như Thế Nào?

Một Câu Chuyện Ngụ Ngôn Thời Hiện Đại

Tặng cha tôi - Irwin Schiff, và tất cả những người cha từng kể chuyện cho con nghe.

Tặng con tôi - Spencer, cùng những người con khắp nơi trên trái đất, những người sẽ tiếp tục chuyển những câu chuyện đó cho các thế hệ tương lai.

Peter

Tặng cha tôi - Irwin vì logic của ông, tặng mẹ tôi - Ellen vì sự quan tâm chăm sóc và hỗ trợ.

Tặng các con: Ethan vì sự nhiệt tình, Eliza vì những câu hỏi.

Tặng vợ tôi Paxton vì mái ấm của chúng ta.

Andrew

Đã bao giờ bạn tự hỏi....

Tại sao chính phủ có thể vô tư xài hoài mà... không hết tiền?

Tại sao nước này giàu còn nước kia lại nghèo?

Cái gì là liều thuốc cho nền kinh tế suy thoái: chi tiêu hay tiết kiệm?

Lạm phát từ đâu đến?

Làm sao mà bắt cá bằng tay không lại khó?

Hiểu được cách thức các mảnh của trò chơi xếp hình có tên "nền kinh tế" kết hợp lại với nhau quả là một việc khó khăn, nhất là khi ngay cả các chuyên gia cũng đầu hàng! Nhưng một khi bạn đào sâu vào những cái cốt lõi, căn bản nhất, mọi việc sẽ dễ hiểu hơn bạn nghĩ rất nhiều. Sử dụng những câu chuyện thú vị, những hình ảnh minh họa và tính hài hước cao độ, cuốn sách này như đã kéo kinh tế học xuống khỏi cái tủ thờ cao ngất, đặt nó xuống bàn ăn - vị trí thực sự của nó!

Câu chuyện cực kỳ thẳng thắn về lũ cá, lưới đánh cá, tiết kiệm và cho vay đã vạch trần những lỗ hổng toang hoác hiện vẫn còn bị che giấu trong các cuộc tranh luận kinh tế toàn cầu. Với sự sắc sảo, thông tuệ và hài hước,

anh em nhà Schiff - các tác giả cuốn sách - lần lượt giải thích nguồn gốc của tăng trưởng kinh tế, tầm quan trọng của thương mại, tiết kiệm, rủi ro, căn nguyên của lạm phát, tác động của lãi suất và kích thích kinh tế, bản chất tiêu cực của tín dụng tiêu dùng, cùng rất nhiều nguyên lý kinh tế khác - những thứ được người ta bàn luận quá nhiều nhưng thấu hiểu quá ít!

Câu chuyện thoạt trông có vẻ rất đơn giản, nhưng nó sẽ giúp bạn thấu hiểu làm sao mà một nền kinh tế có thể tăng trưởng hay sụp đổ....

Tủ Sách Doanh Trí - Do Pace Tuyển Chọn Và Giới Thiệu

LỜI NGƯỜI DỊCH

Hàng ngày, tất cả chúng ta đều tham gia vào các hoạt động kinh tế. Các phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình, báo chí, Internet v.v... cũng đầy rẫy những bài viết, phân tích hay đưa tin về các sự kiện kinh tế. Tuy nhiên, với đa số người dân, kinh tế học dường như vẫn là điều gì đó khó hiểu, trừu tượng, một lĩnh vực mà chỉ các “chuyên gia” mới biết và dám bàn đến mà thôi. Điều này hẳn nhiên là không tốt, không chỉ với những “dân ngoại đạo” với kinh tế học, mà còn với cả những người làm chính sách kinh tế, các cơ quan quản lý kinh tế, các doanh nghiệp. Do tất cả các cá nhân và tổ chức trong xã hội đều là các chủ thể kinh tế, sự hiểu biết cơ bản về kinh tế học là vô cùng cần thiết. Chính vì lẽ đó, trong những năm gần đây nhiều học giả kinh tế nước ngoài đã bắt đầu biên soạn những cuốn sách đơn giản, dễ hiểu, nhằm giới thiệu đến độc giả đại chúng những khái niệm cơ bản nhất của kinh tế học, hy vọng giúp lĩnh vực khô khan này trở nên gần gũi hơn với mọi người. Cuốn sách này cũng nằm trong số đó.

Các tác giả bắt đầu cuốn sách như một câu chuyện ngày xưa: trên một hòn đảo nhỏ, chỉ có ba người đàn ông cư ngụ. Họ phải dành cả ngày để bắt cá kiếm ăn bằng đôi tay trần, tuyệt nhiên không có một dụng cụ nào khác. Một ngày nọ, một người trong số họ nghĩ ra cách dùng lưới để bắt cá, sau đó là những dụng cụ bắt cá khác, từ đó dân đảo bắt đầu có những khoảng thời gian dôi dư để theo đuổi những công việc khác. Cá trở thành tiền tệ của hòn đảo, rồi một Ngân hàng trung ương mang tên Ngân hàng Dự trữ Cá ra đời. Câu chuyện cứ thế tiếp diễn trong một nền kinh tế đảo, với vô vàn những câu chuyện vui buồn, thăng trầm của nó...

Peter D. Schiff và Andrew J. Schiff đã biến những bài giảng khô khan về kinh tế học trở nên cực kỳ vui tươi và dễ hiểu. Rất nhiều tranh minh họa dí dỏm trong cuốn sách này cũng góp phần vào giá trị của nó. Độc giả hẳn sẽ có những tiếng “À!”, “Ồ!” thú vị và ngạc nhiên khi đọc tác phẩm này. Ai đó đã từng nói rằng không có gì dễ nghe và dễ nhớ hơn là một câu chuyện, bởi từ bé mỗi chúng ta đều đã quen và thích nghe những câu chuyện kể về

đủ mọi thứ trên đời. Cuốn sách này chính là như vậy: đây là một câu chuyện, và hơn nữa, có thể khẳng định rằng đây là một câu chuyện hay, bởi nó khiến chúng ta suy ngẫm!

Chuyện là chuyện do người Mỹ kể, đương nhiên sẽ liên tưởng chủ yếu đến nền kinh tế Mỹ. Đâu có hư cấu nào không dựa trên thực tế, phải không các bạn? Tuy nhiên, người dịch tin tưởng rằng độc giả Việt Nam vẫn có thể nhìn ra những nét liên quan thú vị đến kinh tế và thị trường Việt Nam. Sau gần ba thập niên đổi mới và mở cửa kinh tế, nền kinh tế nước ta đang hội nhập ngày càng cao vào nền kinh tế toàn cầu, câu chuyện kinh tế nói chung đã trở thành chuyện không của riêng ai, từ những nhà hoạch định chính sách cao nhất của Chính phủ đến những bà nội trợ lo toan từng bữa ăn cho gia đình. Những biến động và phản ứng của các chủ thể kinh tế trên các thị trường chứng khoán, thị trường vàng, thị trường bất động sản, thị trường tài chính tiền tệ v.v... trong thời gian gần đây cho thấy sự quan tâm vô cùng lớn, cũng như những bất cập và lỗ hổng trong hiểu biết thấu đáo về kinh tế thị trường của khá nhiều chủ thể kinh tế. Trong bối cảnh này, những cuốn sách như cuốn sách này có thể mang lại một giá trị nhất định. Bản chất của kinh tế thị trường hàm chứa khả năng xảy ra những đợt tăng trưởng và khủng hoảng kế tiếp nhau, đó là quy luật khó tránh khỏi. Hiểu biết thấu đáo về những khái niệm cơ bản nhất của kinh tế học nói chung và kinh tế thị trường nói riêng sẽ giúp chúng ta, dù là cá nhân hay doanh nghiệp, có những ứng xử đúng đắn và hiệu quả trước những biến động của thị trường trong và ngoài nước.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách hết sức thú vị và dí dỏm này đến bạn đọc!

Sài Gòn, tháng 9/2011

Nguyễn Dương Hiếu

TUYÊN BỐ CÔNG KHAI

Ngoài việc là Tổng Giám đốc, Peter Schiff còn là đại diện được đăng ký và là chủ sở hữu của Euro Pacific Capital Inc. (Euro Pacific). Ngoài nhiệm

vụ Giám đốc Truyền thông, Andrew Schiff còn là nhà môi giới chứng khoán tại công ty này. Euro Pacific là công ty môi giới và kinh doanh chứng khoán được đăng ký tại FINRA [1](#), là thành viên của SIPC (Securities Investor Protection Corporation).

Cuốn sách này được biên soạn thuần túy vì mục đích thông tin. Cuốn sách không phải là lời chào mua / bán, tư vấn mua / bán bất kỳ loại chứng khoán hay công cụ tài chính nào, hay tư vấn áp dụng bất kỳ chiến lược đầu tư nào.

GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ

Trong câu chuyện ngụ ngôn về lịch sử kinh tế Mỹ này, độc giả có thể nhận ra nhiều nhân vật và sự kiện có thật. Tuy nhiên, cũng như khi phải phác họa để cô đọng một câu chuyện phức tạp thành một cuốn truyện tranh, ở đây nhiều chi tiết, nhân vật đã được hòa trộn vào nhau.

Ngoài việc khai thác những nhân vật lịch sử, các nhân vật trong câu chuyện của chúng tôi cũng đại diện cho các luồng ý tưởng và quan điểm rộng hơn. Ví dụ, tuy nhân vật Ben Barnacle rõ ràng là phiên bản của vị Chủ tịch Fed đương nhiệm Ben Bernanke, nhưng hành động của nhân vật Barnacle không chỉ thuần túy lấy từ nguyên mẫu Bernanke mà thôi. Hơn thế, nhân vật này là tiêu biểu cho các nhà kinh tế theo đuổi việc chấp nhận lạm phát cao để chống lại suy thoái.

Trong thực tế, tiền giấy của Fed - Hệ thống Dự trữ Liên bang Mỹ được phát hành hai mươi năm trước khi Franklin D.Roosevelt nhậm chức Tổng thống. Tuy nhiên, xét tới sự ưa thích đặc biệt của vị Tổng thống này với các chương trình chi tiêu của Chính phủ, chúng tôi gán phát minh này cho ông trong câu chuyện của mình! Tương tự, tuy Chris Dodd chỉ là một đứa bé khi Fannie Mae thành lập, nhưng sự hỗ trợ lớn lao của ông cho định chế này sau đó khiến chúng tôi gán cho ông ta danh hiệu “người sáng lập” ra nó. Các quốc gia trong câu chuyện ngụ ngôn phần nào tương ứng với một số quốc gia trên thực tế, nhưng đồng thời chúng cũng là hình ảnh ẩn dụ của mọi quốc gia trong thế giới này.

Vì mục tiêu của câu chuyện, chúng tôi mong quý độc giả chấp nhận và lượng thứ cho những tùy tiện trong việc sử dụng các nguyên mẫu, cả về thời gian lịch sử cũng như tính cách nhân vật.

DẪN NHẬP

Suốt một thế kỷ qua, giới học thuật đã đem lại cho con người những tiến bộ trong hầu hết mọi ngành, mọi lĩnh vực, chỉ trừ một bộ môn - kinh tế học.

Được trang bị bởi các thành tựu của toán học và vật lý, các nhà khoa học đã phóng một con tàu không gian vượt hàng trăm triệu dặm để thám hiểm bề mặt của một trong những vệ tinh của Sao Thổ, nhưng đáng buồn thay, các chuyên gia của bộ môn *khoa học buồn chán* là kinh tế học lại chẳng đạt được thành tựu nào tương tự!

Nếu các kỹ sư của NASA có kỹ năng dự báo tương tự như các nhà kinh tế, thì sứ mệnh Cassini phóng tàu không gian lên thám hiểm các vệ tinh của Sao Thổ đã có kết cục hoàn toàn khác: không chỉ không thể bay vào quỹ đạo của Sao Thổ, mà có rất nhiều khả năng là tàu này sẽ quay đầu ngược trở lại trái đất, đâm thẳng vào lớp đá magma nóng chảy dưới lòng đất và nổ tung dưới đó!

Năm 2007, khi thế giới sắp rơi vào thảm họa kinh tế lớn nhất trong ba thế hệ, hầu như không có nhà kinh tế nào nhận ra tiềm năng khủng hoảng đang lấp ló nơi chân trời cả. Ba năm chìm trong khủng hoảng sau đó, các nhà kinh tế lại đưa ra những giải pháp khiến ai cũng ngạc nhiên - đơn giản là những giải pháp ấy quả là cực kỳ vớ vẩn. Chúng ta được khuyên rằng cần phải dẫn sâu hơn nữa vào nợ nần để giải quyết vấn đề nợ, và phải chi tiêu nhiều hơn nữa để kinh tế thịnh vượng. Lý do cho cả tầm nhìn nghèo nàn trước đó cũng như những giải pháp nhảm nhí hiện nay của những chuyên gia này nằm ở chỗ rất ít nhà kinh tế hiểu được thực chất môn khoa học của họ vận hành như thế nào.

Lỗ hổng kiến thức đó là kết quả của việc chấp nhận trên toàn cầu đối với lý thuyết của John Maynard Keynes - một học giả Anh cực kỳ thông minh hồi đầu thế kỷ XX, người đã phát triển một vài ý tưởng cực kỳ ngu xuẩn về

việc cái gì làm cho kinh tế tăng trưởng, về căn bản mà nói, Keynes đã thực hiện một trò bịp bợm khó tưởng tượng nhất một cách khéo léo: **ông ta đã biến một điều đơn giản thành một mớ hỗn độn phức tạp đến mức không sao hiểu được.**

Vào thời của Keynes, các nhà vật lý lần đầu biết đến khái niệm về vật lý lượng tử, theo đó hành tinh của chúng ta chịu sự tác động của hai nhóm quy tắc vật lý: một nhóm quy tắc áp dụng cho các phần tử vô cùng nhỏ như các proton và electron, và nhóm thứ hai áp dụng cho các vật chất còn lại. Có lẽ cảm thấy rằng môn kinh tế học buồn chán cần có một liều thuốc mạnh mẽ hơn, Keynes đi đến ý tưởng tương tự cho bộ môn này: một bộ quy luật kinh tế áp dụng ở tầm vĩ mô (cá nhân và hộ gia đình), một bộ quy luật khác áp dụng cho vĩ mô (các quốc gia và các Chính phủ).

Công trình của Keynes ra đời vào thời điểm sau cuối của một giai đoạn phát triển kinh tế mạnh mẽ nhất trong lịch sử. Nói theo ngôn ngữ kinh tế, thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX chứng kiến một giai đoạn chưa từng có trong việc tăng trưởng sản lượng và mức sống tại các nước phương Tây. Trung tâm của giai đoạn huy hoàng này là chủ nghĩa tư bản thị trường tự do tại Mỹ, đất nước cực kỳ coi trọng tự do cá nhân và hạn chế vai trò sự can thiệp của Nhà nước.

Tuy nhiên, những yếu tố phi tập trung hóa, hay tản quyền, vốn là đặc trưng của chủ nghĩa tư bản thị trường tự do, đã đe dọa cấu trúc tập quyền vững chắc và thâm căn cố đế tại nhiều nơi trên thế giới. Ngoài ra, tăng trưởng kinh tế tư bản chủ nghĩa thường đi kèm với sự phân biệt hai cực giàu nghèo khá lớn, khiến một số nhà khoa học xã hội và những người cấp tiến tìm kiếm một giải pháp thay thế cho chủ nghĩa tư bản theo kiểu thị trường tự do. Trong nỗ lực tìm kiếm những hướng dẫn của khoa học hiện đại cho thị trường dường như chưa công bằng, vô tình Keynes biện hộ cho những nhà cầm quyền và những nhà xã hội không tưởng, tin rằng hoạt động kinh tế phải được lập kế hoạch từ trên xuống!

Trọng tâm trong quan điểm của ông ta là Chính phủ phải xóa bỏ tính chất không ổn định của thị trường tự do bằng cách gia tăng cung tiền hay chấp nhận thâm hụt ngân sách vào những thời kỳ kinh tế khó khăn.

Khi lập luận này ra đời vào thập niên 1920, 1930, những môn đệ của Keynes (những người Keynesian) vấp phải xung đột với những người theo “trường phái Áo”, ủng hộ lập luận của các nhà kinh tế như Ludwig Von Mises. Trường phái Áo cho rằng suy thoái là cần thiết, để bù lại cho những quyết định thiếu khôn ngoan trong giai đoạn bùng nổ kinh tế trước đó, và kinh tế luôn bùng nổ trước khi suy thoái. Họ tin rằng tăng trưởng trong giai đoạn đầu là do những tín hiệu sai lầm phát ra cho các doanh nghiệp, khi Chính phủ kích thích kinh tế bằng cách hạ thấp lãi suất.

Như thế, trong khi những người theo Keynes tìm cách giảm tác hại của suy thoái, thì những người theo trường phái kinh tế Áo lại lo ngăn ngừa những đợt tăng trưởng giả tạo.

Trong thời kỳ suy thoái kinh tế sau đó, những người Keynesian có một lợi thế nổi bật.

Do giải pháp của họ đưa ra là “không đau đớn”, họ được các chính trị gia ủng hộ. Hứa hẹn giải quyết thất nghiệp và đảm bảo tăng trưởng mà không cần phải tăng thuế và cắt giảm chi tiêu công, những chính sách mà Keynes ủng hộ cũng tương tự như những phương pháp giảm cân thần kỳ, không yêu cầu người áp dụng phải ăn kiêng hay tập thể thao! Tuy rất phi lý, nhưng những hy vọng này mang tính an ủi cao, và hết sức ấn tượng trong những chiến dịch tranh cử.

Tư tưởng kinh tế kiểu Keynes cho phép các Chính phủ giả vờ tin rằng có thể nâng cao mức sống của người dân qua việc bấm nút chạy máy in tiền!

Do khuynh hướng thân Chính phủ, ủng hộ sự can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế, so với các nhà kinh tế thuộc trường phái Áo thì các nhà kinh tế Keynesian dễ được Chính phủ bổ nhiệm hơn vào các cơ quan quản lý kinh tế. Các trường đại học đào tạo ra những Bộ trưởng Tài chính hay Thống đốc Ngân hàng Trung ương dĩ nhiên có được uy tín cao hơn những trường khác. Và tất nhiên các khoa kinh tế học sẽ ưa thích các giáo sư ủng hộ Keynes hơn. Những người theo trường phái kinh tế Áo dần dần bị đẩy ra ngoài lề.

Tương tự, các định chế tài chính, nơi tuyển dụng chính của các nhà kinh tế, cũng ưa thích lý thuyết của Keynes hơn. Các ngân hàng lớn, các hãng

đầu tư sẽ dễ thu lợi nhuận hơn trong môi trường kinh tế Keynesian, nơi mà tín dụng lỏng lẻo, đầu tư dễ dàng. Niềm tin rằng chính sách của Chính phủ phải hỗ trợ đầu tư giúp các ngân hàng đầu tư mở tung hầu bao của những nhà đầu tư thận trọng nhất. Kết quả là các định chế tài chính cũng thường tuyển dụng các nhà kinh tế ủng hộ quan điểm này.

Với lợi thế to lớn trong học thuật trước các đối thủ, sự ngưỡng mộ của xã hội đã tạo ra một loạt kinh tế gia ngay từ ban đầu đã trung thành tuyệt đối với quan điểm của Keynes.

Các nhà phân tích đó coi điều này là hiển nhiên: chính sách kinh tế kiểu Keynes đã giúp chặn đứng cuộc Đại Suy thoái 1929-1933. Rất nhiều người lập luận rằng nếu không có gói kích thích của Chính phủ (bao gồm cả những khoản chi tiêu cần thiết trong Thế chiến II), nền kinh tế đã rơi vào vực thẳm. Các phân tích bỏ qua một sự kiện: cuộc suy thoái đó có quy mô lớn nhất trong lịch sử, và cũng là đợt suy thoái đầu tiên mà người ta dùng các chính sách kiểu Keynes để giải quyết. Việc những can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế là nguyên nhân gây ra khủng hoảng hay là liệu pháp chữa trị khủng hoảng lại chưa bao giờ được các nhà kinh tế xem là đáng bàn ở đây cả!!!

Với những người Keynesian tràn ngập các khoa kinh tế, các bộ tài chính và các ngân hàng đầu tư, tình hình như thế chúng ta phó thác cho các chiêm tinh gia, thay vì các nhà thiên văn, việc tính toán tốc độ quay của các vật thể trong thiên hà. (Ồ, vệ tinh đã đụng phải một tiểu hành tinh, nhưng điều này là ngoài dự tính, không chừng có thể có những chuyện hay ho thì sao! - các chiêm tinh gia sẽ nói đại loại như vậy).

Khía cạnh dở khóc dở cười của tình hình là ở chỗ hầu bao nhiều lần những nhà kinh tế không hoàn thành nhiệm vụ, bao nhiêu lần những hỏa tiễn nổ tung ngay khi rời khỏi đường băng, thì cũng không ai trong số những kẻ gánh chịu hậu quả đặt ra bất kỳ nghi vấn nào cho những hình mẫu của họ cả!

Đa số những người bình thường trong chúng ta đều dần dần hiểu ra rằng những nhà kinh tế thực ra chẳng hiểu gì về những thứ họ đang nói cả. Nhưng mọi người cũng cho rằng điều đó là không có bằng chứng, vì lĩnh

vực này quá rộng lớn và mù mịt, phi logic, do đó ngay cả những đầu óc thông minh nhất cũng không thể dự đoán chính xác được.

Nhưng nếu tôi nói với các bạn rằng tính chất lưỡng diện ² của kinh tế mà những người theo Keynes đề xuất là hoàn toàn không tồn tại, thì sao? Nếu kinh tế học đơn giản hơn rất nhiều thì sao? Nếu cái gì là tốt cho con ngan ắt hẳn cũng tốt cho con ngỗng thì sao nào? Nếu một gia đình cũng như một quốc gia đều không thể chỉ chi tiêu mà thịnh vượng, giàu có được, thì sao???

Nhiều người quen thuộc với việc tôi dự đoán chính xác cuộc khủng hoảng năm 2008 cho rằng trí tuệ thông thái của tôi là nguồn gốc của tầm nhìn sáng suốt đó. Tôi cam đoan với các bạn rằng tôi chẳng mấy thông minh hơn hầu hết các nhà kinh tế, những người không thể nhận ra một bong bóng tài sản ngay khi bong bóng ấy ngồi chễm chệ trong phòng khách nhà họ cả tháng trời! Cái mà tôi có, ấy là sự hiểu biết căn bản và sâu sắc về những nguyên lý cơ bản của kinh tế học mà thôi.

Tôi có lợi thế đó, vì khi tôi còn nhỏ, cha tôi đã cho tôi một bộ công cụ để có thể chui qua mớ bùng nhùng mang tên kinh tế học. Bộ công cụ đó được trao cho tôi dưới dạng những chuyện kể, những ẩn dụ hay ngụ ngôn, và những bài tập thử nghiệm tư duy. Một trong những câu chuyện đó sẽ là cơ sở cho cuốn sách này.

Cha tôi, Irwin Schiff, được biết tới nhiều nhất như là một thành viên của phong trào phản đối chính sách thuế thu nhập Liên bang. Suốt 35 năm, ông đã đấu tranh chống lại những phương pháp của Sở Thuế vụ Liên bang (*Internal Revenue Service, hay IRS - ND*), đồng thời khẳng định rằng việc đánh thuế thu nhập là vi phạm ba điều khoản về thuế quy định trong Tu chính án số 16 của Hiến pháp Mỹ, cũng như vi phạm luật thu nhập, ông đã viết nhiều sách về đề tài này và từng công khai kiện Chính phủ Liên bang ra tòa. Vì những hoạt động này mà ông phải trả giá khá đắt: 82 tuổi vẫn phải vào thụ án ở nhà tù Liên bang!

Nhưng trước khi quan tâm đến vấn đề thuế má, cha tôi từng tạo dựng tên tuổi cho bản thân như một nhà kinh tế.

Ông sinh ra năm 1928 tại New Haven, Connecticut, là con thứ tám trong một gia đình nhập cư nghèo khó. Cha ông tham gia Công đoàn và cả gia đình lớn của ông đều hết sức ủng hộ chính sách kinh tế New Deal của Tổng thống Franklin D.Roosevelt. Khi học kinh tế học tại Đại học Connecticut, không có gì thuộc về tính cách hay truyền thống gia đình ông khiến người ta có thể tin rằng một ngày kia ông sẽ chống lại đường lối chính thống trong kinh tế học, và ủng hộ một trường phái đã hết thời - trường phái kinh tế Áo.

Irwin có tư duy độc lập và thái độ hơi quá tự tin vào bản thân, điều này khiến ông cảm nhận rằng những bài học kinh tế ở trường là không phù hợp với thực tế. Nghiên cứu hàng loạt lý thuyết kinh tế, ông bắt gặp những tác phẩm của những người theo chủ nghĩa tự do như Henry Hazlitt hay Henry Grady Weaver. Tuy sự *cải đạo* này là từ từ (kéo dài suốt thập niên 1950), nhưng cuối cùng ông đã trở thành người nhiệt thành ủng hộ chính sách tiền tệ lành mạnh, thuế má thấp, Chính phủ ít can thiệp vào nền kinh tế, và trách nhiệm cá nhân. Năm 1964, ông ủng hộ nhiệt tình Barry Goldwater ứng cử Tổng thống.

Tại hội nghị tiền tệ Bretton Woods năm 1944, Mỹ thuyết phục các quốc gia khác dùng đồng dollar Mỹ thay vì vàng để đảm bảo cho đồng nội tệ của từng nước. Vì nước Mỹ cam kết quy đổi 1 ounce vàng cho mỗi 35 USD, mặt khác Mỹ nắm giữ 80% lượng vàng của thế giới, nên đề xuất của họ mau chóng được chấp nhận.

Tuy nhiên, 40 năm lạm phát tiền tệ sau đó do những chuyên gia theo Keynes tại Fed gây ra đã khiến vàng bị định giá quá thấp khi neo với USD. Sự bất cân xứng đó gây ra cuộc “chảy máu vàng”, khi các Chính phủ các nước khác, dẫn đầu là Pháp vào năm 1965, đổ xô đi đổi giấy bạc của Hệ thống Dự trữ Liên bang (USD) lấy vàng đem về. Nhận ra khả năng có thể mua vàng với mức giá của năm 1932, các nước khác mau chóng làm việc đó và khiến dự trữ vàng của Mỹ có nguy cơ cạn kiệt.

Năm 1968, các cố vấn kinh tế của Tổng thống Johnson lập luận rằng cuộc chảy máu vàng nói trên không bắt nguồn từ tỷ giá quy đổi vàng-USD quá hấp dẫn, mà từ nỗi lo ngại rằng dự trữ vàng của Mỹ không đủ để quy

đổi cho toàn bộ lượng giấy bạc của Hệ thống Dự trữ Liên bang được nắm giữ ở cả bên trong và bên ngoài nước Mỹ. Để giải tỏa nỗi lo này, họ khuyên Tổng thống Mỹ bãi bỏ khoản đảm bảo 25% vàng cho đồng USD nội địa, từ đó có thể dùng lượng dự trữ này đảm bảo cho những người nắm giữ USD ở các nước khác. Có thể cách làm này sẽ làm yên lòng các Chính phủ ngoại quốc và ngăn chặn đợt “xuất huyết” vàng vừa nêu. Irwin Schiff, khi đó là một chủ doanh nghiệp ở Connecticut, cho rằng ý tưởng đó thật là kỳ quặc.

Irwin gửi một lá thư cho Thượng Nghị sỹ Texas là ông John Tower, người tham gia ủy ban giải quyết vấn đề vàng lúc đó, nêu rõ Mỹ chỉ có 2 lựa chọn: giảm cơ cấu giá cả chung xuống cho phù hợp với giá vàng của năm 1932, hoặc tăng giá vàng để phù hợp với mức giá của năm 1908. Nói cách khác, để trả giá cho 40 năm lạm phát theo kiểu Keynes, lúc này nước Mỹ hoặc là phải làm sao để giảm giá hàng hóa nói chung, hoặc phá giá đồng USD.

Tuy Irwin lập luận rằng giảm phát là cách làm có trách nhiệm hơn, vì nó giúp khôi phục sức mua của đồng tiền, song ông cũng hiểu rằng các nhà kinh tế (một cách sai lầm) luôn coi giá cả giảm là thảm họa, và rằng Chính phủ luôn ưa thích lạm phát hơn (vấn đề này sẽ được trình bày kỹ trong cuốn sách này). Hiểu xu hướng đó, ông đề xuất rằng ít ra Chính phủ phải thừa nhận sự giảm giá trị của USD và phá giá USD so với vàng. Trong bối cảnh này, ông tính toán giá vàng sẽ vào khoảng 105 USD / ounce.

Ông cũng lo ngại khả năng xảy ra một lựa chọn thứ ba: Chính phủ không làm gì cả (thực tế mọi chuyện đã xảy ra đúng như vậy). Cũng như ngày hôm nay, lựa chọn đặt ra là đối diện với vấn đề hay để chúng lại cho các thế hệ tương lai. Họ đã chọn cách “để lại cho con cháu”, và chúng ta chính là thế hệ con cháu đó!

Tower rất ấn tượng với lập luận cơ bản của Irwin và đã mời ông trình bày trước toàn thể ủy ban. Tại buổi họp này, tất cả những chuyên gia cao cấp về tiền tệ của Hệ thống Dự trữ Liên bang, Bộ Tài chính và Quốc hội đề thống nhất rằng việc loại bỏ bản vị vàng sẽ khiến đồng USD mạnh hơn, giá vàng giảm xuống, và mở ra một kỷ nguyên thịnh vượng mới.

Còn trong phần trình bày của mình, Irwin khẳng định việc dỡ bỏ bản vị vàng sẽ khiến đồng USD yếu đi, giá vàng tăng vọt. Quan trọng hơn, ông nhấn mạnh rằng việc để đồng tiền không có bất kỳ giá trị nội tại nào sẽ dẫn tới những đợt lạm phát nặng nề, cũng như những khoản nợ lớn của Chính phủ. Ý kiến của ông thuộc thiểu số, bị phớt lờ hoàn toàn, và bản vị vàng được gỡ bỏ ³!

Ngược với mọi dự đoán của các nhà kinh tế, lượng dự trữ vàng (phục vụ cho việc quy đổi USD ra vàng) gia tăng không sao chặn đứng được việc đổi USD lấy vàng đem ra khỏi nước Mỹ. Cuối cùng, năm 1971 Tổng thống Nixon đóng cửa sổ quy đổi này, cắt đứt luôn mối liên hệ cuối cùng giữa USD và vàng. Từ lúc đó, hệ thống kinh tế toàn cầu hoàn toàn dựa vào những đồng tiền vô giá trị. Thập kỷ tiếp theo, nước Mỹ chứng kiến những đợt lạm phát tồi tệ nhất, giá vàng leo lên mức 800 USD/ounce.

Năm 1972, Irwin bắt đầu cuộc tấn công đầu tiên nhắm vào những người Keynesian, những người mà theo ông đã đưa kinh tế Mỹ đi sai đường. Tác phẩm *The biggest con: how the Government is fleecing you* nhận được nhiều lời khen của giới học thuật, bán khá chạy. Trong nhiều giai thoại sử dụng trong cuốn sách, có câu chuyện về ba người đàn ông bắt cá bằng tay trên một hòn đảo...

Câu chuyện này có nguồn gốc là cách giết thời gian trong những chuyến đi xe hơi của gia đình chúng tôi. Khi kẹt xe, cha tôi Irwin thường “giải khuây” cho hai cậu con trai bằng những bài học kinh tế cơ bản, thể hiện dưới dạng những câu chuyện vui vui. Câu chuyện vừa nêu có tên là “Câu chuyện Cá”.

Câu chuyện ngụ ngôn đó là trọng tâm của một chương trong cuốn *The biggest con: how the Government is fleecing you*. Tám năm sau, sau khi nhận được rất nhiều phản hồi của độc giả nói rằng họ rất thích thú với câu chuyện, cha tôi quyết định phát triển nó thành một tác phẩm có minh họa hoàn chỉnh. Đó là tác phẩm *How an economy grows and why it doesn't*, xuất bản lần đầu năm 1979, và nhận được sự mến mộ gần như là tôn sùng từ những người theo trường phái kinh tế Áo.

Ba mươi năm sau, khi quan sát nền kinh tế Mỹ bên bờ vực thẳm, mà Chính phủ vẫn lặp lại ở mức độ trầm trọng hơn những lỗi lầm của quá khứ, anh em chúng tôi quyết định rằng đây là lúc thích hợp để cập nhật lại và kể lại “Câu chuyện Cá” cho thế hệ hôm nay.

Rõ ràng, chưa bao giờ chúng ta lại cần sự thấu hiểu rõ ràng về kinh tế như giai đoạn hiện nay. Câu chuyện Cá mà chúng tôi sẽ kể, theo chúng tôi, là công cụ tốt nhất để giúp mọi người hiểu rõ hơn nền kinh tế vận hành như thế nào.

Ấn bản này mang tham vọng lớn hơn nhiều so với cuốn sách ba mươi năm trước của cha chúng tôi. Phạm vi mà chúng tôi đề cập rộng hơn, những nỗ lực gắn kết các sự kiện lịch sử vào câu chuyện cũng sâu hơn. Có thể nói đây là một biến tấu của câu chuyện ban đầu!

Chúng tôi nghĩ rằng cuốn sách sẽ hấp dẫn với những ai vẫn thường đứng ngây như phỗng khi nghe các nhà kinh tế bàn đến những khái niệm chẳng liên quan gì đến thực tế. Chúng tôi muốn chỉ ra rằng những mô hình kinh tế Keynesian, theo đó Chính phủ có thể thoải mái chỉ tiêu bất chấp hậu quả với niềm tin rằng những đồng tiền vô giá trị là một loại “chất bôi trơn” hiệu quả trong kinh tế, chẳng những là sai lầm mà còn nguy hiểm nữa.

Tin xấu là khi gỡ bỏ cặp mắt kính màu hồng mà các nhà kinh tế không nhớ mình vẫn đang đeo, thì bạn sẽ thấy rõ đất nước của chúng ta đang đối diện với những vấn đề nghiêm trọng, hơn nữa chúng ta đang làm cho mọi việc xấu đi chứ không hề tốt đẹp hơn. Tin tốt là nếu chúng ta chịu nhìn ra mọi việc, ít ra chúng ta cũng còn có khả năng giải quyết vấn đề.

Và tuy chủ đề cuốn sách là hoàn toàn nghiêm túc, chúng tôi tiếp cận nó với óc hài hước, một điều khá quan trọng trong giai đoạn đầy căng thẳng hiện nay. Đó cũng chính là điều mà Irwin từng mong ước.

CHƯƠNG I: MỘT Ý TƯỞNG RA ĐỜI

Ngày xưa ngày xưa, có ba người đàn ông sống trên một hòn đảo nhỏ. Tên họ lần lượt là Able, Baker và Charlie. Hòn đảo này chẳng thể coi là một thiên đường nhiệt đới như người ta thường nói, mà chỉ là một vùng đất khắc nghiệt, không hề có tiện nghi nào cả. Đặc biệt, thức ăn cực kỳ hạn chế: chỉ có một loại thức ăn duy nhất là cá mà thôi!



Thật may mắn là xung quanh đảo có rất nhiều cá, hơn nữa chúng chỉ thuộc một loài đồng nhất một cách lạ kỳ, con nào cũng như con nào. Mỗi con cá ở đây vừa đủ lớn để một người có thể dùng trong một ngày. Tuy nhiên, hòn đảo này là một nơi quá cách biệt, nơi đây không hề có bất kỳ kỹ thuật đánh bắt cá hiện đại nào của con người từng xuất hiện. Cách bắt cá

duy nhất mà ba chàng trai của chúng ta có thể làm là nhảy ùm xuống biển và cố dùng tay chụp lấy những con cá trơn tuột này.

Với kỹ thuật thô sơ đó, mỗi người trong bọn họ chỉ bắt được một con cá trong một ngày, tức là vừa đủ để sống qua ngày kế tiếp. Hoạt động này chính là toàn bộ nền kinh tế của hòn đảo. Một ngày của cư dân trên đảo bao gồm việc thức dậy, bắt cá, ăn và... đi ngủ. Một cuộc sống chẳng có gì phong phú, nhưng dù sao có còn hơn không!

Và như thế, trong cái xã hội đảo quốc siêu đơn giản và hoàn toàn dựa trên món

Không có tiết kiệm!

Không có tín dụng!

Không có đầu tư!

Mọi thứ sản xuất ra đều được tiêu thụ trọn vẹn! Chẳng có khoản tiết kiệm hay dự phòng nào cho những lúc khó khăn, và cũng chẳng có khoản dư dả nào để cho vay.

Tuy các cư dân trên đảo sống trong một xã hội nguyên sơ như vậy, họ không hề ngu ngốc hay thiếu tham vọng. Như tất cả mọi người trên đời, ba chàng trai Able, Baker và Charlie cũng muốn nâng cao mức độ cuộc sống của mình. Nhưng để làm được điều này, họ phải có khả năng bắt được nhiều hơn một con cá hàng ngày - mức tối thiểu để họ tồn tại. Không may là do bị hạn chế chỉ với đôi tay không, mà lũ cá lại hết sức nhanh lẹ, ba người này chỉ có thể kiếm vừa đủ thức ăn để sống mà thôi.

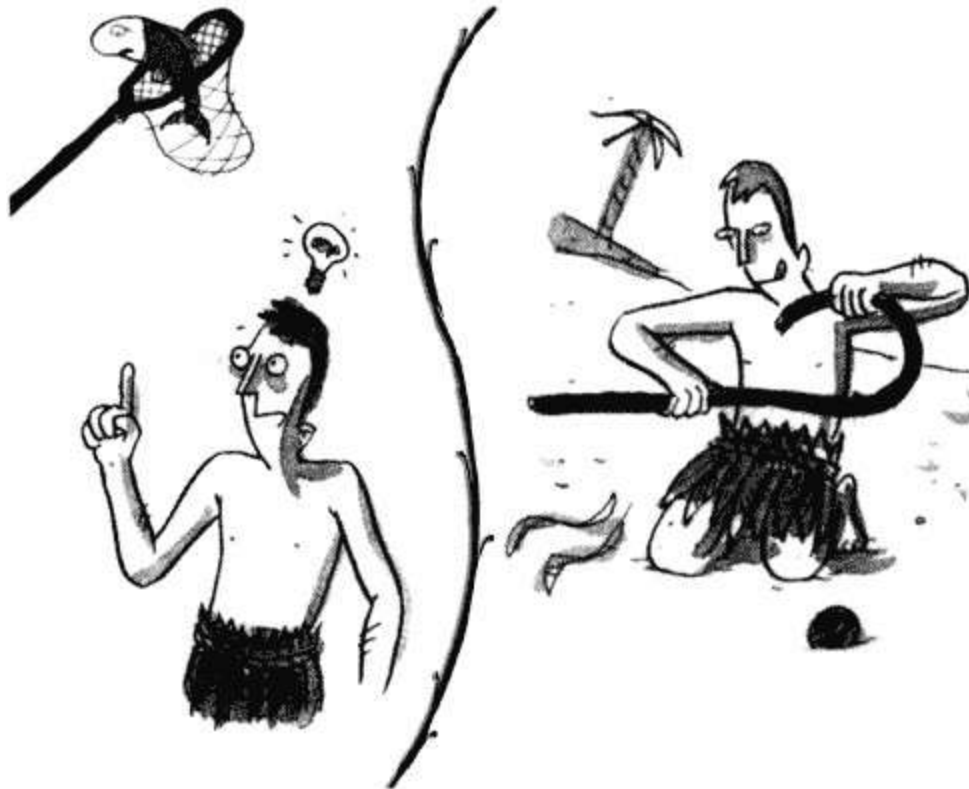
Một đêm nọ, ngược lên bầu trời đầy sao, chàng Able bắt đầu trầm tư về ý nghĩa cuộc đời: “Không lẽ tất cả chỉ có thể thôi sao? Cuộc đời này phải có gì hơn thế chứ!”.

Able muốn làm một việc gì đó ngoài việc cả đời chỉ dùng tay bắt cá. Anh ta muốn có những bộ quần áo đẹp hơn, thời trang hơn bằng lá cọ để khoác lên người. Anh ta muốn có chỗ ở tốt hơn để tránh những cơn gió mùa, và cuối cùng anh ta còn mơ có ngày sẽ đạo diễn một bộ phim dài nửa kia! Nhưng nếu cả ngày chỉ hì hục bắt cá kiếm ăn, làm sao những ước mơ đó có thể trở thành hiện thực?

Able bắt đầu suy nghĩ, suy nghĩ và suy nghĩ... Rồi bất chợt, một ý tưởng về một dụng cụ bắt cá lóe lên trong đầu anh ta. Đây sẽ là một dụng cụ nổi dài cánh tay của con người, đồng thời hạn chế tối đa khả năng đào thoát của các chú cá một khi đã bị chụp trúng. Với dụng cụ tinh vi này, có thể bắt được nhiều cá hơn trong khoảng thời gian ngắn hơn. Và với khoảng thời gian tiết kiệm được theo cách này, anh ta có thể bắt đầu may quần áo đẹp, làm nhà và hoàn tất kịch bản bộ phim mà mình mơ ước.

Khi hình dáng dụng cụ này bắt đầu hiện ra trong đầu, Able chợt thấy lòng rộn rã. Và anh ta bất chợt hình dung ra một tương lai vui vẻ, thoát khỏi công việc bắt cá bằng tay không vất vả hàng ngày...

Able quyết định gọi dụng cụ vừa phát minh ra là cây vợt bắt cá, và bắt đầu tìm vật liệu để chế tạo cây vợt này.



Ngày hôm sau, Baker và Charlie thấy Able không đi bắt cá như thường lệ. Thay vào đó, người bạn của họ đứng trên bờ cát và dùng vỏ cây cọ bện thành những sợi dây. Baker la lên “Ê bồ, làm gì đó? Bộ tính ăn chay hay sao mà không đi bắt cá? Cứ ngồi làm mấy cái đó là đói bụng đó nha”.

Able giải thích “Tôi muốn chế tạo một dụng cụ có thể mở ra vô vàn cơ hội cho khả năng bắt cá. Khi làm xong, tôi sẽ tốn ít thời gian để bắt cá hơn, và sẽ chẳng bao giờ lo đói nữa”.

Charlie tròn mắt và tự hỏi liệu bạn mình có bị điên hay không “Điên khùng, tôi nói với anh đó, điên khùng rồi...Nếu cái dụng cụ của anh không bắt cá được, đừng có đến xin cá của tôi đó. Tôi không điên nên tôi sẽ không chịu trách nhiệm cho tính dở hơi của anh đâu!”.

Không nản chí, Able tiếp tục đan vọt!

Đến cuối ngày hôm đó, Able đã hoàn thành dụng cụ bắt cá của mình. Nói theo ngôn ngữ kinh tế, anh ta đã tạo ra **tư liệu sản xuất** qua **sự hy sinh** (việc bắt cá trong ngày hôm đó - ND) của bản thân!

KIỂM TRA THỰC TẾ

Trong ví dụ đơn giản này, Able đã chứng minh một nguyên tắc kinh tế cơ bản có thể dẫn đến việc nâng cao mức sống, đó là giảm tiêu dùng (tiêu dùng dưới mức) và chấp nhận rủi ro!

Tiêu dùng dưới mức (*underconsumption*): Để có thời gian làm cây vọt, Able không thể đi bắt cá trong ngày hôm đó. Anh ta phải từ bỏ thu nhập - ở đây là những chú cá bắt được bằng tay - mà lẽ ra anh ta đã có thể có được và ăn được! Điều này không có nghĩa là Able không có nhu cầu về cá. Thực tế thì Able thích ăn cá và nếu ngày đó không có một con để ăn thì anh ta vẫn đói.

Nhu cầu về cá của Able so với hai người bạn của anh ta là không khác nhau. Tuy nhiên, anh ta đã chọn cách trì hoãn sự tiêu dùng để có thể tiêu dùng nhiều hơn trong tương lai.

Chấp nhận rủi ro (*risk taking*): Able cũng đã chấp nhận rủi ro vì anh ta hoàn toàn không biết trước liệu dụng cụ mà mình làm ra có hoạt động được hay không, hoặc dụng cụ đó có giúp anh ta bắt được đủ cá để bù cho sự hy sinh anh ta đã bỏ ra hay không. Hoàn toàn có thể xảy ra khả năng anh ta kết thúc với một đám dây nhợ lằng nhằng và cái dạ dày trống rỗng! Nếu ý tưởng thất bại, Able không thể trông mong sự giúp đỡ hay bù đắp nào từ các bạn, những người mà dù sao đi nữa cũng đã có thiện chí cảnh báo cho Able về nguy cơ của hành động điên rồ này.

Theo thuật ngữ kinh tế, tư liệu sản xuất là một công cụ được làm ra và sử dụng không vì chính bản thân nó, mà là để làm ra một thứ gì đó mà người ta mong muốn, ở đây, cái mà Able muốn không phải là cây vợt bắt cá, mà phải là lũ cá bắt được! Cây vợt có thể giúp anh ta bắt nhiều cá hơn, và do vậy nó sẽ là một tư liệu sản xuất, và có giá trị.

Đêm hôm đó, trong khi Baker và Charlie no nê lăn quay ra ngủ, thì chàng Able trần trọc với cơn đói và hình ảnh những chú cá thơm ngon quay cuồng trong trí óc. Tuy nhiên, cơn đói phần nào bị đè nén bởi hy vọng rằng mình đã làm một điều đúng đắn, và một tương lai tươi sáng, đầy ắp cá đang chờ đợi!

Ngày hôm sau, Baker và Charlie xúm vào chế nhạo “phát minh” của Able.

Baker phán: “Nè, trông giống y chang một cái nón đẹp, nhỉ!”.

Charlie bồi thêm: “Đội nón này mà chơi tennis thì chắc là nóng bức lắm đây!”.

“Cứ cười cho đã đi”, Able phản pháo. “Để xem cuối cùng ai sẽ là người cười to nhất khi tôi bắt về được một đồng cá!”.

Rồi đó, khi Able bước xuống nước và bắt đầu thử dùng cây vợt để chụp cá, thoát tiên anh ta rất vất vả để điều khiển được dụng cụ mới này. Nhưng chỉ mấy phút sau, anh đã quen và gỡ ra một con cá từ cây vợt.

Baker và Charlie trố mắt nhìn và ngưng cười. Vài tiếng đồng hồ sau, khi Able bắt được con cá thứ hai, hai bạn của anh hoàn toàn chết sững! Nói gì thì nói, thường họ vẫn phải mất cả một ngày mới bắt được đúng một con cá!

Vậy đó, từ hành động đơn giản này, nền kinh tế đảo quốc của chúng ta đã thay đổi một cách cực kỳ sâu sắc. Able đã tăng năng suất của bản thân, và điều đó có lợi cho tất cả mọi người.

Lúc này, Able bắt đầu suy nghĩ về vận may bất ngờ của mình. “Vì chỉ dành một ngày ta đã có thể kiếm đủ cá để ăn trong hai ngày, cứ cách một ngày ta lại có thể nghỉ ngơi và làm chuyện khác, ngoài bắt cá! Chà, những khả năng này thật là vô tận!”.

KIỂM TRA THỰC TẾ

Với việc tăng gấp đôi năng suất, từ nay Able có thể kiếm được nhiều hơn nhu cầu tiêu thụ của bản thân. Tăng trưởng năng suất sẽ kéo theo tất cả những lợi ích khác về kinh tế.

Trước khi Able liều lĩnh chấp nhận rủi ro để làm ra cây vợt bắt cá, hòn đảo của chúng ta không hề có cái gọi là "tiết kiệm". Chính việc anh ta sẵn lòng thử thách bản thân và chịu đói bụng đi ngủ hôm đó đã đem lại tư liệu sản xuất (*capital equipment*) đầu tiên, chính nguồn tư liệu sản xuất này tạo ra tiết kiệm (để đơn giản, hãy giả định những chú cá ở đây không hề bị ươn). Chính việc sản xuất dồi dư này là huyết mạch của một nền kinh tế mạnh mẽ, khoẻ khoắn.

ĐIỀU CÒN ĐỘNG LẠI

Trừ loài người, với mọi loài sinh vật khác thì hoạt động kinh tế chi đơn thuần là tồn tại qua ngày. Trong điều kiện cạnh tranh nguồn thức ăn hạn hẹp, sự khắc nghiệt của tự nhiên, sự đe dọa từ những loài thú săn mồi và bệnh tật, mà lại hầu như không có bất kỳ “phát minh, sáng kiến” gì, rõ ràng sự tồn tại, sống sót (cùng một ít thời gian dành cho việc sinh sản và duy trì nòi giống) chính là tất cả những gì mà các loài vật có thể có được. Con người cũng sẽ chịu tình cảnh tương tự (điều này thực sự đã xảy ra đối với loài người trong một quá khứ không xa xôi là bao!) nếu chúng ta không có hai thứ. Bộ óc lớn và đôi tay khéo léo. Sử dụng hai tài sản quý giá này, con người có thể làm ra những công cụ và máy móc, những thứ làm tăng rất nhiều khả năng giành được nhiều thứ hơn từ môi trường xung quanh.

Nhà kinh tế Thomas Woods thích thách đố các học trò của ông với một thí nghiệm tư duy đơn giản sau đây: Nếu tất cả máy móc và công cụ biến mất, thì chúng ta sẽ có một nền kinh tế như thế nào? Máy móc và công cụ ở đây là xe hơi, xe tải, máy cán thép, cuốc xẻng, xe đẩy, cửa, búa v.v... tất cả mọi thứ. Nếu chúng biến mất và con người phải săn bắn, hái lượm, trồng trọt và làm ra mọi thứ chúng ta cần bằng đôi bàn tay không của mình, thì sẽ ra sao?

Không còn nghi ngờ gì, khi đó cuộc sống sẽ vô cùng khó khăn. Cứ tưởng tượng chỉ riêng việc ăn uống bằng tay và răng, không có muỗng nĩa gì hết, cũng đã khó khăn như thế nào rồi! Việc săn bắt các con thú lớn coi như...

bỏ! Bọn thú nhỏ hơn, như thỏ chẳng hạn, thì chúng ta có thể khống chế được, nhưng trước tiên cũng phải tóm được chúng cái đã. Điều gì sẽ xảy ra khi phải trồng và hái rau bằng tay không, hay khi không có bao tải để đựng những thứ thu hoạch được để mang về nhà? Rồi hãy tưởng tượng làm sao chúng ta có thể làm ra quần áo và đồ dùng nếu không có nhà máy, thậm chí không có cả kéo và đinh?

Khi đó, dù con người có thông minh khôn khéo tới đâu đi nữa, cuộc sống của chúng ta cũng không thể khá hơn, ít nhất là về mặt kinh tế, so với cuộc sống của loài vượn và đười ươi!

Các công cụ thay đổi mọi thứ và tạo ra khả năng của một nền kinh tế. Những ngọn lao, cây giáo giúp chúng ta săn thú, cuốc xẻng giúp chúng ta trồng cây, lưới hay vợt giúp chúng ta bắt cá. Tất cả những dụng cụ đó đều nâng cao hiệu quả của lao động. Càng sản xuất ra nhiều thì con người càng tiêu thụ nhiều, và cuộc sống càng trở nên thịnh vượng sung túc hơn.

Định nghĩa đơn giản nhất về kinh tế học là nỗ lực tối đa hóa sự sẵn có để sử dụng của các nguồn lực bị giới hạn (mọi nguồn lực đều có giới hạn!) để đáp ứng càng nhiều nhu cầu của con người càng tốt. Công cụ, tư liệu sản xuất và sự cải tiến hay cách tân chính là những chìa khóa của phương trình cân bằng hai khái niệm này.

Nếu ghi nhớ điều này, bạn sẽ dễ dàng nhận ra cái gì làm kinh tế tăng trưởng: tìm ra những cách thức tốt hơn để sản xuất ra nhiều thứ mà con người muốn có hơn. Nguyên tắc này là bất biến, bất kể quy mô của nền kinh tế lớn đến đâu đi nữa.

CHƯƠNG 2: CHIA SẺ CỦA CẢI

Dường như Able - nhà kinh doanh, một người dám chấp nhận rủi ro để thực hiện một ý tưởng kinh doanh hay tạo ra lợi ích - sẽ có một tương lai tươi sáng. Nhưng những cư dân còn lại của hòn đảo thì sao? Phải chăng chúng ta vừa tạo ra một hệ thống đẳng cấp, bao gồm những người có của và những kẻ chẳng có gì? Liệu Baker và Charlie có phải chịu thiệt thòi vì thành công của Able hay không? Có lẽ là không. Dù bản thân Able chưa bao giờ có ý định làm lợi cho người khác, chính tư liệu sản xuất của anh ta đã giúp ích cho mọi người xung quanh. Chúng ta hãy cùng xem việc này đã xảy ra như thế nào.



Sau khi chứng kiến Able bắt cá một cách dễ dàng, hai ông bạn Baker và Charlie quyết định đề nghị Able chia sẻ dụng cụ bắt cá mới mẻ này.

Charlie lên tiếng trước “Nè, Able! Cách một ngày anh mới dùng cây vợt một lần, đúng không? Vậy trong ngày mà anh không bắt cá, anh có thể cho tôi mượn cây vợt được không?”.



“Thôi mà, chia sẻ cho anh em với nha, bồ!", Baker thêm vào.

Nhưng Able đâu có phải là gã khờ. Anh ta nhớ lại sự hy sinh của bản thân, những lời chế nhạo của bạn bè, và anh ta cũng nghĩ đến những rủi ro nữa. “Cho họ mượn, lỡ họ làm hỏng vợt, hay... không thềm trả lại thì sao? Khi đó mình coi như mất trắng, lại trở về vạch xuất phát!”.

Với tất cả những suy tính đó, Able từ chối: “Xin lỗi các bồ, không được đâu. Tôi tự làm cây vợt bắt cá, thì các bồ cũng có thể làm được. ít ra thì các bồ cũng biết trước là nó có thể dùng để bắt cá được!”.

Mặc dù Charlie thấy rõ hiệu quả của việc dùng vợt bắt cá, anh ta vẫn cứ lo lắng về việc phải tự mình làm ra một dụng cụ như vậy. Anh ta trả lời

Able: “Làm sao tôi biết cách làm cho đúng? Tôi chưa từng làm điều đó bao giờ, hơn nữa tôi chịu đói rất kém. Mỗi khi đói là tôi lại run hết cả người. Có khi chưa làm xong cây vợt bắt cá thì tôi đã chết đói mất tiêu rồi”.

Baker bèn đưa ra một đề nghị khác: “Được rồi, anh bạn keo kiệt! Tụi này hiểu là bạn sẽ không làm ơn làm phước gì cho tụi này rồi. Hay là làm như vậy đi: Bạn cho tụi này vay một ít cá trong số cá dư ra của bạn, trong thời gian tụi này làm vợt bắt cá. Như vậy sẽ không ai chết đói, và sau này khi đã có vợt, tụi này sẽ bắt được nhiều cá hơn và trả lại cho bạn tất / cả số cá đã vay, được không?”.



Ý kiến này hấp dẫn hơn, nhưng Able vẫn hoài nghi. “Cho vay cá, tôi chẳng được ai đảm bảo rằng các anh sẽ không nằm ườn ra trên bờ biển và chẳng làm gì cả. Hoặc ngay cả khi các anh làm ra cây vợt bắt cá của mình, chắc gì nó đã dùng được. Trong cả hai trường hợp, các anh sẽ chẳng bao giờ có thể trả lại cá cho tôi, và như thế tôi sẽ mất đi khoản tiết kiệm cá của mình mà chẳng được gì sắt. Các anh phải đưa ra đề nghị nào tốt hơn kìa!”.

Charlie và Baker thừa nhận Able có lý. Họ đã đòi hỏi bạn mình chịu một rủi ro mà chẳng được lợi ích cá nhân gì để bù lại cả. Nhưng viễn cảnh có

thêm nhiều cá quả thật là quá hấp dẫn và đáng thèm muốn. Chẳng bao lâu sau, hai người nghĩ ra một cách để lôi kéo Able thử một cơ hội khác.

Họ suy nghĩ, nghiền ngẫm những con số, và cuối cùng một **ý tưởng tài chính** đã ra đời!

Baker tiến đến Able và đề nghị: “Chúng mình hãy thỏa thuận thế này nhé: Cứ một con cá bạn cho tụi này vay, tụi này sẽ trả lại hai con. Đó là lợi nhuận với tỷ lệ 100%.

Trên hoang đảo này, liệu bạn có thể kiếm đâu ra một khoản lời như thế?”.

Able bị thuyết phục. “Đề nghị này làm tôi quan tâm rồi đấy”, anh ta nói nghiêm túc.

Able thầm nghĩ về món hời sắp tới: “Nếu mình cho bọn kia vay hai con cá, mình sẽ lấy về được bốn con. Thế là không phải làm gì mà tự nhiên có thêm hai con cá nữa. Chà chà, mình sẽ thành vua cá xứ đảo này”.

Nói một cách hình ảnh, chúng ta có thể thấy chính vào thời điểm này Able đã “vượt vũ môn”. Còn nếu đây là một bộ phim của Hollywood, từ lúc này Able đã bắt đầu vẽn râu như một đại gia, kiếm tiền trên lưng người khác, giành được lợi nhuận từ lao động của họ.

Tuy nhiên, hình ảnh đó chưa hẳn đã chính xác. Ngay cả khi ý định của Able chỉ là làm đầy thùng cá của bản thân, sự tham lam ích kỷ đó (chúng tôi không tìm ra từ nào có vẻ “nhẹ nhàng” hơn từ này!) vẫn tạo ra một lợi ích vốn không thể tồn tại nếu anh ta... không tham lam.

Điều quan trọng cần lưu ý ở đây là Able hoàn toàn không nhất thiết phải cho vay cá. Anh ta có một loạt lựa chọn sau đây:

1. Cứ giữ lấy số cá dư thừa của mình để mai mốt lấy ra ăn. Đây đương nhiên là lựa chọn an toàn nhất. Anh ta chắc chắn sẽ không mất mát gì, nhưng đồng thời khoản tiết kiệm (cá) cũng chẳng thể tăng thêm.

2. Chiều chuộng bản thân bằng cách... chén luôn số cá còn dư.

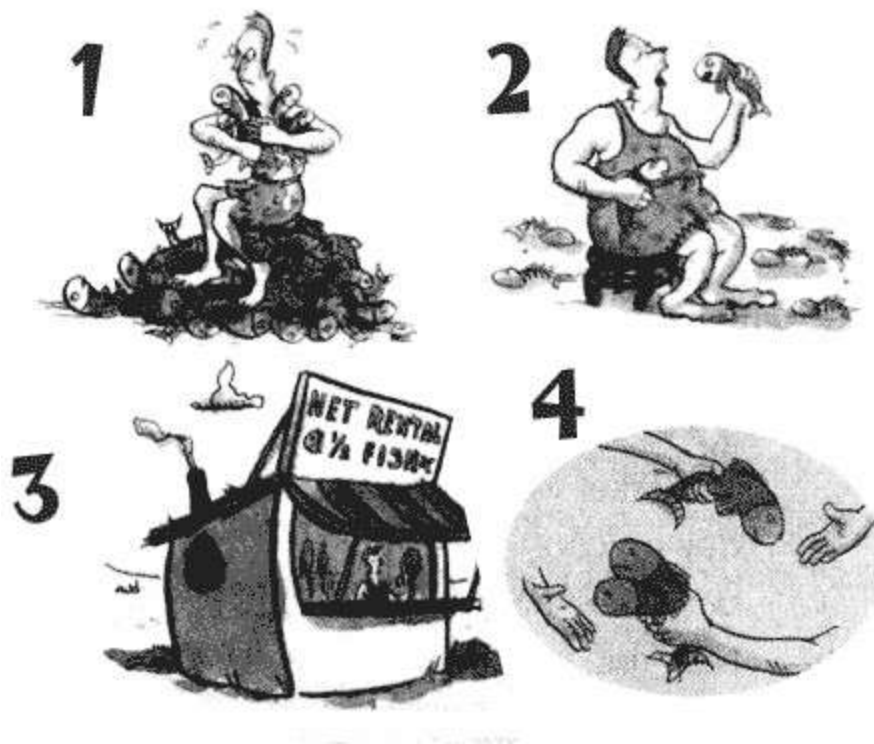
3. Thành lập một công ty cho thuê vợt đánh cá. Tính toán của anh ta là: nếu ăn một con cá dự trữ / một ngày trong vòng hai ngày, anh ta có thể đan thêm hai cái vợt nữa. Kế đến, sẽ cho Baker và Charlie thuê hai cây vợt này, với giá thuê là... nửa con cá / ngày. Như thế, với hai người thuê vợt, mỗi

người trả nửa con cá hàng ngày, thì Able sẽ đủ cá ăn mà khỏi phải tự mình đi bắt cá nữa. Bravo! về hưu sớm và nghỉ ngơi được rồi!

Vẫn trong kịch bản này, một khi đã thuê được vợt, Baker và Charlie sẽ bắt được hai con cá mỗi ngày. Sau khi trả cho Able nửa con cá (phí thuê vợt!), mỗi người sẽ còn lại 1,5 con, tức là nhiều hơn nửa con mỗi ngày so với trước khi đi thuê vợt. Rõ ràng đây là một giải pháp khiến tất cả đều có lợi.

Mặc dù nghe có vẻ hấp dẫn, song Able vẫn nhận thấy một số khiếm khuyết trong logic của mình. Baker và Charlie có thể thuê vợt trong hai ngày, rồi khi đã có dư cá (khoản tiết kiệm), họ sẽ ngồi nhà và tự làm vợt cho mình. Như thế, theo kịch bản này thì Able chỉ có thể ngồi chơi xơi... cá vốn vẹn có hai ngày mà thôi. Và đó là một rủi ro thực sự!

4. Cho Baker và Charlie vay hai con cá, và tính lãi suất 100%. Như thế, nếu họ trả đủ cả vốn lẫn lời, Able sẽ nhận lại bốn con cá. Tất nhiên, vẫn có rủi ro bị... xù nợ!



Giờ phải quyết định... quyết định... quyết định ra sao đây, Able?

Tóm lại, chàng Able của chúng ta (cũng như cả xã hội) có năm cách xử lý các khoản tiết kiệm của mình, như sau:

1. Tiếp tục tiết kiệm.
2. Tiêu dùng.
3. Cho người khác vay.
4. Đầu tư.
5. Kết hợp cả 4 cách nói trên.

Đương nhiên là quyết định sau cùng của Able sẽ tùy vào kỳ vọng về rủi ro và lợi ích của bản thân anh ta. Nhưng dù lựa chọn quyết định nào đi nữa, anh ta cũng đang làm lợi cho nền kinh tế của hòn đảo và không áp đặt gánh nặng nào cho những người bạn láng giềng của anh ta.

Và cuối cùng, Able chọn cách cho vay.

KIỂM TRA THỰC TẾ

Kết quả của việc Able có khả năng và sẵn lòng cho vay cá là Baker và Charlie giờ đây đã có vợt bắt cá, công cụ mà trước đây họ còn thiếu. Khi mọi người đều có vợt bắt cá, công suất bắt cá của hòn đảo tăng gấp đôi, từ 3 con/ngày lên 6 con/ngày! Nền kinh tế của chúng ta đã tăng gấp đôi về quy mô, và tương lai dường như sáng sủa hơn.

Nhưng điều này xảy ra không chỉ vì ba chàng trai trên đảo không hài lòng với mức sống hiện tại của họ. Sự đòi hỏi có một cuộc sống phong phú hơn, nói theo thuật ngữ kinh tế là "nhu cầu", mới chỉ là điều kiện cần cho sự tăng trưởng kinh tế, chứ chưa đủ để đảm bảo đạt được sự tăng trưởng đó.

Một cách tự nhiên, mọi người đều có nhu cầu ngày càng tăng. Dù đã có bao nhiêu của cải đi nữa, chúng ta vẫn muốn nhiều hơn, nói nôm na là "được voi, đòi tiên"! Cũng có thể là con người không đòi hỏi nhiều vật chất hơn, mà là nhiều thời gian hơn, nhiều niềm vui hơn, nhiều lựa chọn hơn. Tất cả những đòi hỏi đó đều cần nhiều tư liệu sản xuất hơn. Cả Able, Baker và Charlie đều có những nhu cầu về cá giống nhau suốt bao nhiêu năm qua. Sự khác biệt ở đây là cuối cùng họ đã có thể tăng năng suất bắt cá để đáp ứng những nhu cầu đó.

Do bắt được nhiều cá hơn, cư dân đảo nay đã có thể ăn nhiều hơn một con cá trong ngày. Nhưng nền kinh tế không tăng trưởng vì họ tiêu dùng nhiều hơn. **Ngược lại, người ta tiêu dùng nhiều hơn vì kinh tế tăng trưởng.** Khái niệm này hết sức đơn giản, nhưng các nhà kinh tế hiện đại có thể làm được nhiều điều đáng kinh ngạc từ một khái niệm đơn giản như thế.

Với một số người, dường như Able đã sử dụng lợi thế của bản thân để “bóc lột” những người hàng xóm đang gặp khó khăn. Đúng là sau này Able kiếm ra lợi nhuận mà không phải làm việc, nhưng điều đó không có nghĩa là anh ta tự nhiên có được nó mà không làm gì. Lợi nhuận thu được chính là sự đền bù cho rủi ro mà Able đã gánh chịu. Hơn nữa, việc Able kiếm ra lợi nhuận không hề ngăn cản bước tiến của những người khác.

Do Able muốn kiếm lời từ khoản tiết kiệm của mình, Baker và Charlie có cơ hội làm những cây vợt bắt cá (tư liệu sản xuất) của họ mà không phải tiêu dùng dưới mức, hay hạn chế tiêu dùng. Nếu thành công, họ sẽ cải thiện được tương lai kinh tế của bản thân mà không phải trải qua những đêm nhin đói. Ngoài ra họ có thể thu được những khoản lợi ngoài dự đoán nữa, chính xác hơn là đầu cá. Nếu họ thất bại và không trả được số cá đi vay lúc đầu, chính Able mới là người chịu thiệt.

Như vậy, về cơ bản, người cho vay chỉ có thể có lợi nếu người đi vay có lợi mà thôi.

Tất nhiên, có những người không thể thấy rõ những lợi ích song phương như vậy. Ví dụ, điều gì sẽ xảy ra khi Baker và Charlie ghen tỵ với của cải tăng của Able và đòi... chia phần? Hãy tưởng tượng một kịch bản khác như sau:



Baker bức bối càu nhàu: "Hãy nhìn thằng cha Able đang lên mặt với anh em mình kìa. Hắn thì chài chuốt trong bộ đồ lớn bằng lá cọ, còn anh em ta thì mồ hôi mồ kê nhễ nhại, hì hục bắt mấy con cá trơn tuột này. Hắn ta có lòng thương người hay không chứ? Không lẽ không chia cho mình một hai con cá nhép để mình có thể nằm nghỉ một hai ngày được sao? Able có cả đồng cá, làm sao nó biết được nếu mất một con cá?"

Charlie đồng tình: "Đúng đó! Này, anh bạn mới phất, chia bớt chút đỉnh cho bạn bè đi chứ!"

Hoặc một kịch bản khác nữa cũng có thể xảy ra:

Giả sử rằng Able cảm thấy ái ngại đôi chút khi bỗng dưng giàu có hơn các bạn, do đó bị lý lẽ của hai người kia thuyết phục và đem số cá dư ra cho họ mà không đòi hỏi điều gì. Thế thì khi đó Baker và Charlie sẽ làm gì với số cá dôi dư này?

Khi đó, do không phải chịu gánh nặng trả nợ, nhiều khả năng họ sẽ dùng "món quà" từ Able để kéo dài thời gian chơi bời giải trí. Thực ra mà nói, chẳng có gì sai nếu người ta vui chơi, bởi đó là mục đích của hầu hết các hoạt động của con người. Vấn đề là những ngày nghỉ của Baker và Charlie không làm gia tăng năng lực sản xuất (hay công suất bắt cá) của hòn đảo nói chung.

Đồng thời, tuy lựa chọn mang tính từ thiện nói trên có thể làm Able trở nên hào hiệp và được yêu mến hơn, nó không thể mang lại một sự thúc đẩy tăng trưởng kinh tế như một khoản vay.



Kết luận sau cùng là: bất cứ điều gì dẫn tới việc gia tăng sản xuất (trong ví dụ này là việc bắt cá) cũng sẽ làm lợi cho hòn đảo. Càng bắt được nhiều cá, mọi người càng có khả năng ăn nhiều hơn, có thời gian làm những việc khác ngoài bắt cá, hay thậm chí được ngồi chơi, khỏi phải làm gì cả.



KIỂM TRA THỰC TẾ

Một số người tự hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu Able trở nên tham lam, chỉ muốn ngày càng giàu hơn với số của cải mới kiếm được.

Điều đó có thật sự là một nguy cơ không? Nếu cách duy nhất để làm gia tăng khoản tiết kiệm (trong khi bản thân Able không phải lao động) là để

người khác sử dụng / vay khoản tiết kiệm đó, thì đâu có lý do gì Able phải "găm hàng"? Bởi nếu làm như vậy, của cải của anh ta sẽ giữ nguyên, hay thậm chí giảm đi khi bản thân tiêu dùng.

Như vậy, điều tốt nhất của chủ nghĩa tư bản tư nhân là ở chỗ nó buộc tất cả những ai vốn chỉ hành động vì lợi ích riêng của mình phải làm sao để tăng mức sống của những người khác.

ĐIỀU CÒN ĐONG LẠI

Của cải hay sự giàu có (*wealth*) là một thuật ngữ mang tính tương đối. Trong một xã hội nguyên thủy với rất ít hàng hóa vật chất ngày xưa, ngay cả người giàu nhất cũng không thể giàu có về mặt vật chất bằng với một người nghèo trong xã hội công nghiệp ngày nay được. Vào thời Trung Cổ, ngay cả những ông vua hùng mạnh nhất cũng thiếu những tiện nghi cơ bản mà hầu như mọi người Mỹ thông thường coi như đương nhiên, chẳng hạn hệ thống sưởi và ống nước trong nhà, rau xanh ngay trong mùa đông v.v... Và mặc dù Baker và Charlie coi việc chỉ phải đi bắt cá hai ngày một lần là đỉnh cao của sự xa hoa đáng mơ ước, có lẽ với chúng ta một cuộc sống như vậy chẳng có gì cao xa cả.

Nhưng sự thật là nhiều người cho rằng việc có nhiều mức độ giàu có là bất công. Lập luận cơ bản của họ là niềm tin rằng người giàu trở nên giàu có bằng cách chiếm đoạt của cải từ những người khác, từ đó hình thành người nghèo. Trong kinh tế học hiện đại, người ta đặt tên cho ý tưởng này là "lý thuyết lao động về giá trị", theo đó lợi nhuận được tạo ra bằng cách trả lương cho người lao động ít hơn với những gì họ đáng được nhận. Theo quan điểm này, những nhà kinh doanh mạo hiểm như Able hay những tập đoàn lớn, chỉ có thể làm giàu nếu họ thành công bằng cách... làm nghèo người khác.

Ý tưởng này chỉ mang vẻ bề ngoài đạo đức và chẳng liên quan gì đến thực tế cả. Lý do mà người giàu trở nên giàu có (ít nhất là vào lúc đầu) là việc họ đã mang lại điều gì đó có giá trị cho người khác. Able cung cấp các khoản vay cá cho các bạn của anh ta, những người không tiết kiệm đủ. Nếu anh ta có kiếm được lợi nhuận, đó chẳng qua là vì dịch vụ mà anh ta cung cấp có đôi chút giá trị với những người khác.

Còn nếu Able là một “đại ca” trên đảo và ăn cướp phân nửa số cá mà hai người kia bắt được hàng ngày, chúng ta có thể suy luận rằng sự giàu có của Able bắt nguồn từ sự nghèo khó của những người bị Able bóc lột, áp chế. Tuy nhiên, hành động này (trong đó rõ ràng bao gồm việc bắt người khác hành động ngược với lợi ích của họ) xét trên tổng thể không hề làm tăng năng lực sản xuất của hòn đảo: Able chỉ đơn giản là ăn chặn những gì người khác làm ra, còn sản xuất của cả hòn đảo vẫn y nguyên. Nhiều khả năng là công suất tổng thể còn giảm đi nữa, khi những kẻ bị áp bức làm việc ít đi vì thấy rằng thành quả lao động của họ có thể bị đánh cắp.

Trong suốt chiều dài lịch sử, chúng ta thấy đầy rẫy các ví dụ ở quy mô lớn về sự cưỡng ép này: chế độ nô lệ, chế độ nông nô và phong kiến v.v... Tuy người lao động phản ứng lại bằng bạo lực khi quyền lợi của họ bị từ chối, phản ứng của họ hẳn sẽ tốt hơn rất nhiều nếu như họ là người hưởng lợi từ lao động của bản thân.

Thật không may là trong lịch sử toàn cầu, rất hiếm khi sự tự do kinh tế trên quy mô lớn diễn ra. Nhưng khi lợi ích cá nhân được cho phép phát triển, năng lực sản xuất sẽ mở rộng nhanh chóng.

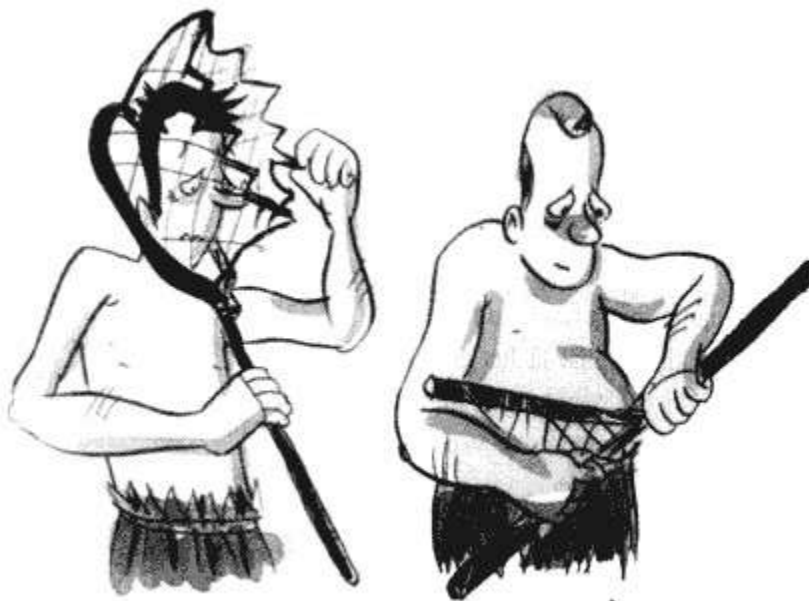
CHƯƠNG 3: NHỮNG CÁCH THỨC SỬ DỤNG TÍN DỤNG

Việc sử dụng tín dụng là ví dụ hoàn hảo về việc tự do kinh tế đã làm lợi cho tất cả mọi người như thế nào. Miễn là bên cho vay và bên đi vay tự do thỏa thuận các điều kiện của họ, kết quả chung sẽ là thành công. Tuy nhiên, như chúng ta sẽ thấy trong những phần sau, thị trường cho vay có thể bị làm méo mó bởi các lực lượng bên ngoài. Khi đó, những tai nạn sẽ đến!

Chúng ta hãy cùng tiếp tục câu chuyện trong các chương trước. Able đã quyết định cho hai anh bạn Baker và Charlie vay cá để họ có thức ăn trong thời gian tự làm ra vớt bắt cá. Những khoản cho vay kinh doanh (business loans) kiểu này là cách sử dụng tốt nhất cho khoản tiết kiệm, bởi chúng có xu hướng làm mở rộng sản xuất.

Tất nhiên, chỉ riêng hành động cho vay tiền - hay cho vay cá, như trong ví dụ - để khởi sự một doanh nghiệp hay một phương án kinh doanh, hoàn toàn không đảm bảo được rằng vụ kinh doanh đó sẽ thành công. Người đi vay có thể không triển khai trọn vẹn được kế hoạch ban đầu của mình.

Đó chính là điều có thể xảy ra nếu Baker và Charlie không làm được những cây vợt bắt cá hiệu quả.



Trong những trường hợp khác, phương án kinh doanh có thể thất bại nếu ý tưởng ban đầu chẳng đem lại hứa hẹn gì. Chẳng hạn, thay vì hỏi vay Able cá để có thời gian làm vớt, hai anh Baker và Charlie lại hỏi vay cá để ăn trong thời gian suy nghĩ hoàn thiện một kỹ thuật... thôi miên cá hàng loạt!!!!

Nếu lũ cá không bị thôi miên theo cách này, khoản vay ban đầu sẽ trở nên vô ích, cả với bên đi vay (Baker và Charlie) lẫn bên cho vay (Able).

Kết luận ở đây là: các khoản cho vay kinh doanh nếu thất bại sẽ làm lãng phí kho tiết kiệm của xã hội nói chung, và làm giảm năng lực sản xuất. Theo đó, bên cho vay sẽ khó lòng thu hồi vốn gốc, chứ đừng nói gì đến tiền lãi vay.

Nhưng những kế hoạch kinh doanh thành công sẽ bù đắp lại cho những kế hoạch hay phương án kinh doanh thất bại!

Điều quan trọng là cần hiểu rằng: các khoản cho vay kinh doanh không phải là lựa chọn duy nhất đối với khoản tiết kiệm của xã hội. Ngoài ra, Able còn có thể thực hiện các loại cho vay khác: cho vay tiêu dùng và cho vay khẩn cấp.

Cho vay tiêu dùng (consumption loans)

Giả sử rằng thay vì cho Baker và Charlie vay cá để làm vớt bắt cá, Able nhượng bộ đòi hỏi của hai người bạn về việc cho họ vay cá để họ có thể... nghỉ ngơi.

“Nè, vua cá”, Baker căn nhắc “Có lẽ anh nên giải lao chút xíu, đừng đếm cá nữa và cho tôi và bồ tèo Charlie vay vài ba con cá đi. Tụi này cũng đáng được hưởng thụ cuộc sống chứ, đâu phải chỉ có anh. Hơn nữa, vài ngày sau là tụi này hoàn trả đầy đủ mà”.

Able trả lời “Tin tôi đi, tôi biết đi bắt cá nhiều lúc rất chán. Nhưng nếu cho vay một con cá, tôi vẫn đòi các anh trả lại hai con, để bù lại cho rủi ro mà tôi phải chịu”.

“Đừng lo, vua cá!”, Charlie đáp lại ngay. “Sau khi nghỉ mát về, tụi này sẽ hoàn toàn sung sức và đánh bắt cá tốt hơn, để trả đủ cho bồ cả vốn lẫn lời”.



Nhưng làm sao mà hai chàng lười kia có thể trả cả gốc và lãi của khoản “vay đi nghỉ mát” này được, nếu họ không nâng cao năng lực sản xuất của mình? Nghỉ chơi vài ngày xong, với đôi tay không họ cũng vẫn chỉ bắt được một con cá một ngày mà thôi. Khi đó, để trả nợ vay cho Able như đã hứa, họ phải cắt giảm lượng tiêu thụ cá hàng ngày, tức là ăn ít hơn một con cá một ngày. Nói cách khác, mức sống của họ phải giảm đi để trả nợ nần!

Lường trước được những điều này, Able giải thích lý lẽ cho hai người bạn: “Này, sao các anh lại muốn vay trước, rồi có lúc phải nhịn ăn nhịn uống để trả nợ? Sao không ráng nhịn một ngày, ngồi đan vợt, để mai mốt có dụng cụ bắt cá, và khi đó có thể nghỉ ngơi bất cứ khi nào các anh muốn?”.



Nhưng Baker và Charlie không nghe. “Đẹp cái trò đạo đức ấy đi. Cứ cho tụi này vay là được!”.

Able đành phải từ chối không cho vay. Một giao dịch như vậy sẽ đặt khoản tiết kiệm của anh ta vào những rủi ro không cần thiết, hơn nữa, nó cũng có nghĩa là không còn vốn để cho vay những khoản có lợi ích hơn. Từ chối cho vay, Able bị bạn bè chê bai, nhưng thực ra anh ta đã giúp ngăn chặn những khó khăn trong tương lai của họ. Trong thực tế, các khoản cho vay tiêu dùng không làm cải thiện năng lực sản xuất một cách căn bản đều sẽ trở thành gánh nặng cho cả hai bên cho vay và đi vay.

KIỂM TRA THỰC TẾ

Bất cứ khi nào một lực lượng bên ngoài (ví dụ: Chính phủ) khuyến khích hay yêu cầu những người có khoản tiết kiệm phải cho vay vì những lý do không liên quan gì tới khả năng hoàn trả, thì khi đó khả năng thất thoát vốn cho vay là hầu như không thể tránh khỏi. Những lệch lạc như vậy trên thị trường tín dụng sẽ làm hoang phí khoản tiết kiệm của xã hội nói chung.

Trong nỗ lực làm những điều đúng đắn, các Chính phủ mong muốn gây ảnh hưởng đến cách thức cấp tín dụng từ các khoản tiết kiệm. Họ thông qua những luật lệ khiến cho một số hình thức cho vay trở nên hấp dẫn hơn so với các hình thức khác. Nhưng vấn đề là Chính phủ đâu có nguồn tiết kiệm, nguồn đó nằm ở trong các cá nhân! Nếu do những khích lệ của Chính phủ

mà các khoản cho vay được cấp cho những cá nhân / doanh nghiệp sau này không trả được nợ (chuyện này vẫn thường xảy ra!), thì thiệt hại sẽ rơi xuống đầu những cá nhân đã tiêu dùng dưới mức trước đó để hình thành nên những khoản tiết kiệm nói trên.

Thực sự thì Able sẽ hiếm khi cho vay ngay nếu anh ta bị buộc phải cho vay những khoản mà chính anh ta cũng cảm thấy là quá rủi ro, chẳng hạn như trường hợp "thôi miên cá" đã nêu. Kết quả khi đó sẽ là: Able sẽ quyết định không làm việc chăm chỉ hay hy sinh các thú vui của bản thân quá nhiều để tiết kiệm như trước đây!

Cho vay khẩn cấp (emergency loans)

Hóa ra việc Able từ chối cho Baker và Charlie vay để đi nghỉ mát (cho vay tiêu dùng) lại là một điều cực kỳ may mắn. Vì chỉ một tuần sau đó, cả hai anh Baker và Charlie đều lăn ra ốm vì dịch đậu mùa Pokalani, khiến họ không thể đi bắt cá trong suốt một tuần.



Lúc này, trong tình trạng khẩn cấp, Able ở vào vị thế buộc phải cấp một khoản cho vay tiêu dùng từ khoản cá tiết kiệm trước đó của mình, để hai anh bạn quý có cái ăn trong khi ốm đau, để họ bình phục mà còn đi làm trở lại. Mặc dù hiểu rằng rủi ro bị xù nợ là cao, nhưng Able cũng thấy rõ rủi ro của việc không cho vay còn cao hơn nhiều. Khác với cho vay tiêu dùng thông thường, nếu khoản cho vay khẩn cấp không được thực hiện, Baker và Charlie có thể sẽ chết và hòn đảo sẽ mất đi một phần năng lực sản xuất của nó.

KIỂM TRA THỰC TẾ

LIỆU ABLE CÓ THỂ MỞ RỘNG TÍN DỤNG HAY KHÔNG?

Khi đối diện khả năng suy giảm kinh tế, các chính trị gia và giới ngân hàng thường thảo luận về sự cần thiết phải "mở rộng tín dụng" bằng cách tăng lượng tiền sẵn sàng để cho vay. Nhưng liệu việc này có thể thực hiện bằng mệnh lệnh hay không? Xét trong hòn đảo của chúng ta, làm sao Able có thể cho vay nhiều cá hơn so với số cá mà anh ta để dành trước đó? Nói cách khác, tổng cung tín dụng của hòn đảo bị hạn chế bởi tổng cung của tiết kiệm.

Cần lưu ý rằng nếu trước đó Able đã sử dụng khoản tiết kiệm để cho vay tiêu dùng không hiệu quả, thì giờ đây anh ta sẽ không còn khả năng cho vay khẩn cấp nữa.

Thực sự mà nói, các khoản tiết kiệm có thể xem là một vấn đề sống còn của xã hội.

Thật không may là người ta chấp nhận một cách rộng rãi rằng: để thúc đẩy các hoạt động mà các chính trị gia và lý thuyết gia xã hội cho là có lợi, Chính phủ thường tìm cách gây ảnh hưởng lên việc phân bổ nguồn tiết kiệm. Điều này được thực hiện qua một loạt bảo lãnh cho vay của Chính phủ, các khoản hoàn lại thuế đã đóng hay phạt thuế do không khai hay đóng thuế đúng hạn với cá nhân và tổ chức.

Với những biện pháp có chủ đích đó của Chính phủ, kết quả sẽ là việc cá nhân / doanh nghiệp sẵn sàng đi vay nhiều hơn, còn các ngân hàng cũng sẵn sàng cho vay nhiều hơn với một số loại hình cho vay nhất định. Nhiều nguồn lực của xã hội sẽ hướng về hoạt động tín dụng được cổ súy đó,

chẳng hạn như cho vay xây nhà, học tập ở bậc đại học, hay chế tạo tấm thu năng lượng mặt trời v.v...

Ý tưởng trung tâm của động lực này là quan niệm cho rằng so với những người có khoản tiết kiệm thì các nhà hoạch định kế hoạch của Chính phủ hiểu đúng và rõ hơn về những gì là tốt cho xã hội nói chung. Tuy nhiên, không có gì chứng minh là quan niệm này đúng cả. Thực sự thì lịch sử có đầy rẫy các ví dụ về những kế hoạch to lớn xuất phát từ những trung tâm nghiên cứu của các Chính phủ, sau đó thất bại thảm hại so với những hứa hẹn ban đầu.

Tuy nhiên, vấn đề quan trọng hơn là việc “nhét” Chính phủ vào giữa người có khoản tiết kiệm và người đi vay sẽ tách biệt nguyên nhân và kết quả của hành động cho vay, từ đó dẫn tới việc phân bổ kém hiệu quả các nguồn tiết kiệm.

Các nhà cho vay tư nhân thường chỉ quan tâm đến kết quả tài chính của một khoản cho vay, hơn là biểu tượng chính trị của hành động đằng sau nó. Các doanh nghiệp gắn bó với những mô hình kinh doanh thành công, được điều hành bởi những người chủ giàu thành tích kinh doanh sẽ có khả năng trả nợ tốt hơn. Do đó, những doanh nghiệp hay phương án kinh doanh như vậy sẽ thu hút các bên cho vay nhiều hơn. Tương tự lý thuyết chọn lọc tự nhiên của Darwin tạo ra những loài mạnh mẽ, khỏe khoắn hơn, các nguyên tắc cho vay này có xu hướng tạo ra những công ty khỏe khoắn hơn, và một nền kinh tế mạnh mẽ hơn.

Nhưng điều đó sẽ không xảy ra nếu kết quả tài chính của khoản cho vay chỉ là mối quan tâm thứ yếu. Các khoản cho vay cấp cho những tổ chức hay cá nhân không thành công trong việc tạo ra một sự đổi mới, cách tân cần thiết, hay mở rộng năng lực sản xuất sẽ làm suy yếu nền kinh tế nói chung, thông qua việc làm phung phí các khoản tiết kiệm.

Tuy nhiên, như chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong những phần sau, việc liên tục tăng lượng cung tiền (căn cứ trên khả năng vay nợ dường như vô hạn của Chính phủ) đã che giấu Sự thật rằng tín dụng thực bị hạn chế bởi nguồn cung hữu hạn của tiết kiệm.

Ngày nay người ta giả định rằng cách duy nhất cần thiết để làm cho thị trường tín dụng vận hành tốt là những người sẵn lòng đi vay (*sẵn lòng vay và sẵn lòng hoàn trả vốn gốc và lãi đúng hạn - ND*). Nhưng cũng giống như bất kỳ nguồn lực nào khác, các khoản tiết kiệm phải được tích lũy trước khi cho vay ra.

CHƯƠNG 4: MỞ RỘNG KINH TẾ

Vài tuần sau đó, Able, Baker và Charlie đều bắt được nhiều cá với những cây vọt của mình. Tiêu chuẩn chung trên đảo về năng suất bắt cá giờ đây là 2 con / ngày. Do mỗi người hàng ngày chỉ cần ăn một con cá, nguồn cung tiết kiệm của hòn đảo mau chóng phình to. Đôi khi họ cũng phung phí và ăn hai con cá một ngày, nhưng nhìn chung cả ba người đều rất thận trọng với những gì đang kiếm được.

Được giải phóng khỏi việc cứ mở mắt ra là phải đi bắt cá, cư dân trên đảo cuối cùng đã có sự tự do để làm những hoạt động khác, vui vẻ hơn và có lợi hơn. Able có thể dành thời gian thiết kế và chế ra những bộ quần áo tiện dụng hơn, thời trang hơn bằng lá cọ. Baker phát huy kỹ năng âm thực bằng cách đi hái dứa, còn Charlie làm cái lều đầu tiên trên hòn đảo!



Mọi việc đều suôn sẻ, nhưng Baker tin là tình hình vẫn còn có thể tốt hơn nữa. Anh ta nói “Nếu có thể mở rộng sản xuất với những cây vợt bằng tay, tại sao chúng ta không phát huy và công nghiệp hóa mọi thứ?”. Anh ta mơ về một tư liệu sản xuất to lớn và hữu hiệu hơn những gì đang có.

Rồi đó, Baker bắt tay lập kế hoạch chế ra một dụng cụ bắt cá tinh vi hơn, có thể thay đổi triết để nền kinh tế của hòn đảo. Đó là một cái lưới với những chiếc cửa một chiều, có thể liên tục bắt cá suốt ngày đêm: cá bơi vào thì được, nhưng sau đó chúng không thể bơi ra được! Nếu dụng cụ chạy tốt, họ sẽ chẳng bao giờ phải lo đi bắt cá nữa.



Nhưng Baker cũng sớm nhận ra rằng bản thân anh ta không thể tự làm dự án này một mình được. Anh ta nghĩ đến những vật liệu cần thiết, lưới, khung, rồi việc dựng lên cái lưới nữa. Rõ ràng chỉ riêng khoản tiết kiệm, sức lực và sự khôn khéo của anh ta là chưa đủ cho một dự án to lớn như thế này.

Với những suy tính đó, Baker quyết định đề xuất thành lập một *liên doanh*. Bộ ba người bạn có thể lập ra một công ty, hạn chế tiêu dùng trong một thời gian, tích lũy tiết kiệm và dành trọn một tuần cho việc làm ra cái lưới nói trên.

Sau khi nghe kế hoạch của Baker, mọi người bắt đầu suy tính tới các rủi ro tiềm tàng của công việc này. Cũng như với dự án “vợt bắt cá” của Able trước đây, rõ ràng chẳng ai dám đảm bảo dự án này sẽ thành công. Ngay cả nếu ba người làm ra được một cái lưới, nó vẫn có thể tan ra từng mảnh ngay lần đầu tiên tiếp xúc với biển cả hung dữ. Mà lần này không giống lần trước, khi Able chỉ chịu rủi ro là một con cá. Lần này họ đang đặt cược với số cá hơn 20 con!

Tuy nhiên, nhu cầu bắt được nhiều cá hơn đã thắng nỗi sợ mất đi khoản tiết kiệm. Ba người quyết định tiếp tục thẳng tiến!

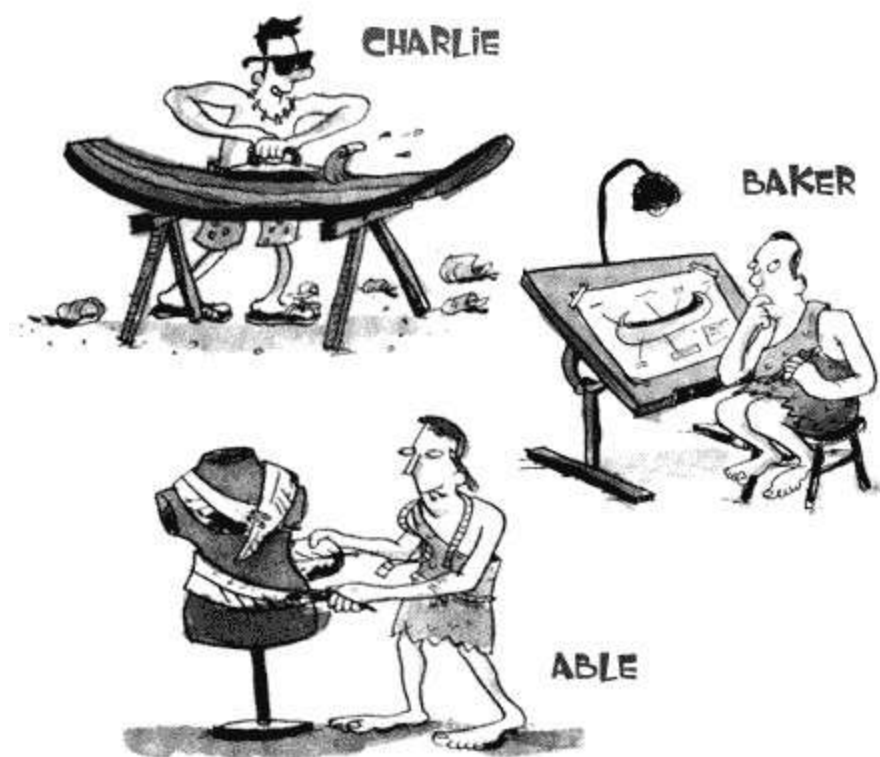
Sau những nỗ lực tốt bậc, họ đã làm xong bộ lưới bắt cá vĩ đại đầu tiên của hòn đảo. Bộ lưới này hiệu quả như mong đợi, với năng suất bình quân khoảng 30 con cá / tuần một cách thật gọn gàng. Trừ một vài chỗ cần chỉnh sửa không đáng kể, cũng như phải bảo trì đôi chút, bộ lưới này hầu như hoàn toàn tự động. Chẳng mấy chốc mà ba chàng trai của chúng ta sẽ ngập đầu trong cá!



Với số tiết kiệm tăng cao do cải thiện năng suất, bộ ba làm thêm một bộ lưới đánh cá tương tự nữa. Số cá đánh được giờ đây dồi dào đến mức họ có thể dành toàn bộ thời gian trong ngày vào những công việc khác. Đó là:

Charlie dùng khoản tiết kiệm của mình để có thời gian chế ra một cái ván trượt nước. Với “đồ nghề” cực cool này, anh ta có thể thưởng thức một hoạt động giải trí tuyệt vời!

Như đã biết, Able dùng khoản tiết kiệm vào việc thành lập một công ty quần áo, không chỉ may đồ cho bản thân mà còn cung cấp cho bất kỳ cư dân đảo nào có nhu cầu chứng diện. Rồi khi rảnh rỗi, Able cũng bắt đầu tập diễn kịch một mình, đúng theo sở thích nghệ thuật của anh ta!



Phần mình, Baker dành thời gian rảnh để nghiên ngẫm về những vấn đề giao thông hiện chưa hoàn thiện của hòn đảo, từ đó phát triển các thiết kế cho chiếc xuống và xe đẩy đầu tiên trên đảo.

KIỂM TRA THỰC TẾ

Các khoản tiết kiệm không chỉ đơn thuần là một phương tiện làm tăng khả năng tiêu dùng của con người. Hơn thế, chúng còn có tác dụng như một tấm đệm, bảo vệ nền kinh tế khỏi những sự cố bất ngờ.

Giả dụ một cơn mưa gió mùa lớn ập đến hòn đảo và cơn mưa lớn này quét sạch cả hai bộ lưới đánh cá thì sao? Tuy nhiên nhà kinh tế ngày nay

xem các thảm họa tự nhiên có tác dụng kích thích kinh tế, sự thật là lũ lụt, hỏa hoạn, động đất, bão tố v.v... sẽ tàn phá của cải và làm giảm mức sống của người dân.

Nếu hai bộ lưới đi tong do bão lũ, năng suất bắt cá của đảo sẽ giảm mạnh, và ba người bạn của chúng ta lại phải hạn chế tiêu dùng một lần nữa để tạo ra các khoản tiết kiệm để xây dựng lại các tư liệu sản xuất vừa bị mất đi.

Nhưng hãy nhớ rằng một lượng tiết kiệm phụ thêm trong trường hợp này sẽ giúp ngăn chặn sự sụp đổ, tạo điều kiện cho việc sớm tái thiết tư liệu sản xuất bị hư hỏng. Đó là lý do tại sao Able, Baker và Charlie vẫn rất cần phải tiếp tục tiêu dùng dưới mức và tiết kiệm để phòng hờ cho những lúc hoàn cảnh khó khăn.

ĐIỀU CÒN ĐONG LẠI

Trong quá khứ, Hoa Kỳ được biết đến như là một đất nước của những người tiết kiệm. Trong hầu hết chiều dài lịch sử của mình, các công dân Mỹ nhìn chung tiết kiệm khoảng 10% (hoặc hơn) thu nhập hàng năm của họ. Điều này không chỉ làm tăng nguồn cung tiết kiệm khổng lồ để tài trợ cho hoạt động công nghiệp mở rộng, mà còn giúp các gia đình và cộng đồng chịu đựng, vượt qua được những khó khăn bất ngờ của nền kinh tế.

Tuy nhiên, gần đây các nhà kinh tế lại cực kỳ hạ thấp vai trò của tiết kiệm trong chuỗi giá trị kinh tế. Những người theo Keynes coi tiết kiệm là có hại cho tăng trưởng vì hành động này rút bớt tiền khỏi lưu thông và làm giảm chi tiêu (cái mà họ cho là yếu tố quan trọng nhất trong việc tạo ra tăng trưởng kinh tế). Bị ảnh hưởng bởi tư tưởng này, các nhà làm chính sách đã đưa ra những quy tắc thưởng cho người chi tiêu và phạt những ai tiết kiệm.

Kết quả là, trong nhiều năm trở lại đây người Mỹ đã chi tiêu nhiều hơn những gì họ kiếm được. Trong một nền kinh tế khép kín (như hòn đảo trong ví dụ ở cuốn sách này) điều này hẳn nhiên là không thể. Nhưng trong thế giới hiện đại, dòng tiền xuyên qua các đường biên giới quốc gia cùng với phẩm chất ma thuật của máy in tiền đã nhất thời che mắt người Mỹ trước sự thật giản đơn rằng chúng ta không thể tiêu dùng nhiều hơn những gì

chúng ta sản xuất ra, không thể vay mượn nhiều hơn những gì chúng ta tiết kiệm được... ít nhất là không thể trong dài hạn.

Khi làn gió ngược trong kinh tế bắt đầu thổi mạnh vào năm 2008, các nhà chính trị và kinh tế, theo phản xạ, tìm kiếm một phương tiện để khiến người tiêu dùng chi tiêu nhiều hơn, tiết kiệm ít hơn nữa.

Họ hoàn toàn lạc hậu! Tự thân việc chi tiêu chẳng có nghĩa gì cả. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu bạn chi ra một triệu USD chỉ để mua không khí??? Điều đó có làm lợi gì cho xã hội đâu? Có chăng chỉ có người bán không khí cho bạn có lợi mà thôi, vì anh ta sẽ sở hữu số tiền 1 triệu USD đó, vốn là của bạn. Sử dụng các phương pháp kế toán kinh tế hiện đại, chẳng hạn như việc đo lường GDP, thì giao dịch này dường như đúng là một hoạt động có thực, vì nó sẽ được hạch toán như là 1 triệu USD tăng trưởng! Nhưng hành động mua bán không khí có cải thiện nền kinh tế nói chung đâu. Không khí vẫn luôn ở đó mà thôi! Việc ai đó bỏ tiền ra mua không khí chẳng làm thay đổi bất kỳ điều gì cả.

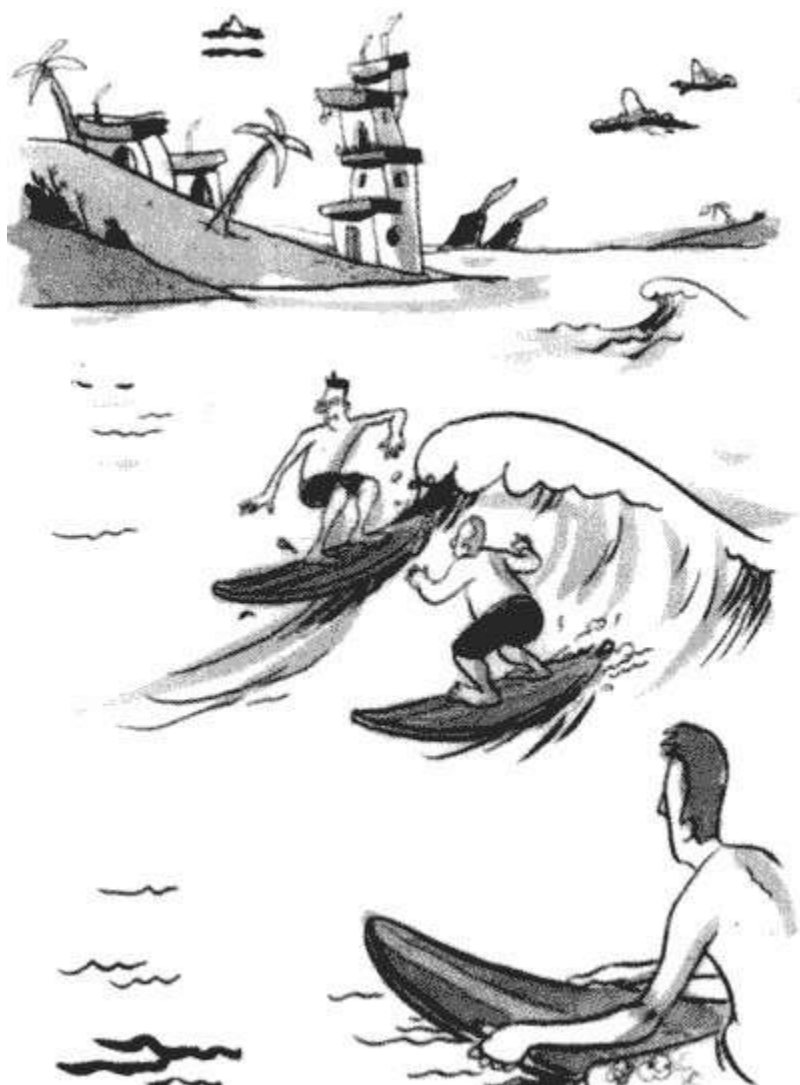
Thực sự mà nói, chi tiêu chỉ là thước đo chúng ta dùng để đo lường sản xuất. Bởi mọi thứ sản xuất ra cuối cùng đều sẽ được tiêu thụ, thế thì tại sao chi tiêu lại quan trọng? Ngay cả những thứ không ai muốn mua cũng sẽ được tiêu thụ hay mua, nếu giá của nó giảm đủ mạnh. Nhưng chỉ đến khi sản xuất hay chế tạo ra một thứ gì đó xong xuôi thì chúng ta mới có thể tiêu thụ nó. Do đó, chính sản xuất mới là cái làm gia tăng giá trị.

Hành vi tiết kiệm tạo ra tư liệu sản xuất để tạo điều kiện mở rộng sản xuất. Kết quả là một dollar tiết kiệm được sẽ có ảnh hưởng kinh tế tích cực hơn một dollar tiêu xài. Chỉ có điều, xin bạn đừng cố giải thích điều đó cho một nhà kinh tế hay một chính trị gia nhé!

CHƯƠNG 5: CÓ PHÚC CÙNG HƯỞNG

Những quy luật kinh tế giống nhau sẽ vận hành trong các xã hội, từ xã hội kinh tế đơn giản đến những xã hội phức tạp hơn...

Hãy nhớ lại rằng ban đầu việc Able sẵn sàng hy sinh tiêu dùng cá nhân để tạo ra tư liệu sản xuất đã làm lợi cho các cư dân khác của hòn đảo. Do chương trình cho vay khôn ngoan của Able, những người khác làm ra những chiếc vợt bắt cá, sau đó tận dụng sự gia tăng năng suất để tài trợ cho việc làm ra những bộ lưới bắt cá hiệu quả vượt trội hơn nữa. Ngoài việc nâng cao chế độ ăn uống, tạo điều kiện cho mọi người có những *bộ cánh* hấp dẫn hơn, giao thông dễ dàng hơn, năng suất gia tăng còn đem lại cho cư dân đảo nhiều thời gian giải trí hơn, cùng với thú lướt ván ngày càng phát triển!



Những đồn đại về sự xa hoa chưa từng có nói trên mau chóng lan tới những hòn đảo lân cận, nơi mà người ta vẫn chỉ dùng tay bắt cá và đương nhiên là chẳng ai có thời gian đâu mà vui chơi giải trí. Thế là hàng đoàn dân nhập cư kéo đến, với hy vọng đi tìm cuộc sống tốt đẹp hơn.



Tại hòn đảo này, năng suất cao hơn nghĩa là nó có thể nuôi sống một lượng dân cư đông hơn, điều này lại dẫn tới sự đa dạng nhiều hơn về mặt kinh tế. Một số dân nhập cư đi làm công cho những người chủ của bộ lưới bắt cá, một số khác vay cá để có thời gian khai phá đất đai để trồng trọt trên đảo, hướng tới một “thực đơn” cân bằng hơn cho mọi người, không chỉ ăn toàn cá như trước đây! Những người còn lại cũng đi vay để làm những nghề khác.

Chẳng mấy chốc, nền kinh tế đa dạng của hòn đảo bao gồm cả những người xây lều, người làm xuồng, làm xe đẩy, mọi nghề mà bạn có thể nghĩ ra!

Xã hội lúc này chế tạo ra thức ăn và công cụ dồi dào đến mức một số người không cần phải làm ra của cải vật chất gì hết, mà vẫn có thể tồn tại. Kết quả là một khu vực dịch vụ (*service sector*) ra đời.

Chẳng hạn, để làm cho cá ăn ngon hơn, một số cư dân đảo sáng tạo ra hệ thống đặc biệt để chế biến cá, thường là ướp gia vị và sau đó đem nướng.

Khả năng của những đầu bếp này được đánh giá cao đến mức những người đánh cá và thợ lặn đều khá giả sẵn sàng trả cho họ một ít cá để có được món cá ngon lành từ kỹ năng “nấu nướng” của những đầu bếp này!



Những nghề dịch vụ khác chẳng mấy chốc cũng hình thành.

Sự cám dỗ và lợi ích xã hội của môn lှော် ဘဲ được đánh giá cao đến mức con cháu của Charlie mở một ngôi trường dạy lှော် ဘဲ.

Khi xã hội phát triển và nhiều nghề nghiệp, nhiều dịch vụ được cung cấp, người ta cần một phương tiện trao đổi, để có thể thanh toán cho những người như thợ làm lều, đầu bếp, hay thầy dạy lှော် ဘဲ.

Cho đến thời điểm đó, hòn đảo vẫn áp dụng phương thức hàng đổi hàng (*barter*), theo đó người ta trao đổi một hàng hóa hay dịch vụ lấy một hàng hóa / dịch vụ khác. Nhưng quy trình này phiền toái và kém hiệu quả. Một người làm ra những ngọn giáo có thể cần một người đầu bếp, nhưng lúc đó

chưa chắc anh đầu bếp lại cần mua giảo của anh kia! Mà ngay cả khi nhu cầu của họ khớp nhau, một ngọn giảo sẽ tương đương với mấy bữa ăn?

Để thay thế hệ thống thương lượng lộn xộn này, hòn đảo của chúng ta cần một thứ gì đó có thể được tất cả mọi người chấp nhận và dùng để trao đổi lấy bất cứ thứ gì. Nói cách khác, cư dân đảo cần có Tiền!

Thoạt tiên, do mọi cư dân đảo đều ăn cá, người ta quyết định rằng cá sẽ được dùng làm tiền tệ. Nói ngắn gọn, mọi mức giá cả và thù lao, lương bổng đều tính bằng cá. Và do mức sống tối thiểu hàng ngày vẫn được coi là một con cá / ngày, một con cá có một giá trị mà tất cả mọi người đều có thể tham chiếu. Cơ cấu giá cả của hòn đảo, do vậy, liên quan tới giá trị thực hay giá trị nội tại của cá - tiền tệ.

Hiệu suất và giảm phát

Một nền kinh tế với người lao động chuyên môn hóa trong từng nghề hay dịch vụ cụ thể luôn hiệu quả hơn một nền kinh tế với các thành viên cùng làm một việc. Chuyên môn hóa làm tăng sản xuất, từ đó tăng mức sống.

Giả sử một cư dân trên đảo trung bình mất 5 ngày để làm ra một chiếc xuồng. Với vớt bắt cá, một người có thể bắt 2 con cá hàng ngày. Như vậy, để làm ra một chiếc xuồng anh ta phải hy sinh thu nhập của 5 ngày, tương đương 10 con cá. Tuy nhiên, trên đảo có một anh chàng tên Duffy, khéo léo hơn trong việc đốn cây, chèo đục gỗ v.v..., anh này có thể làm xong chiếc xuồng chỉ trong vòng 4 ngày.

Thế là, thay vì đi đánh cá hàng ngày như những người khác, Duffy quyết định chỉ làm xuồng mà thôi. Vì bản thân chỉ phải hy sinh, hay trì hoãn khoản thu nhập tương đương 8 con cá để làm 1 chiếc xuồng, Duffy có thể kiếm lời nếu tính phí là 9 con cá cho một chiếc xuồng mà anh ta làm ra. Theo đó, thu nhập của Duffy đã tăng lên do chuyên môn hóa!

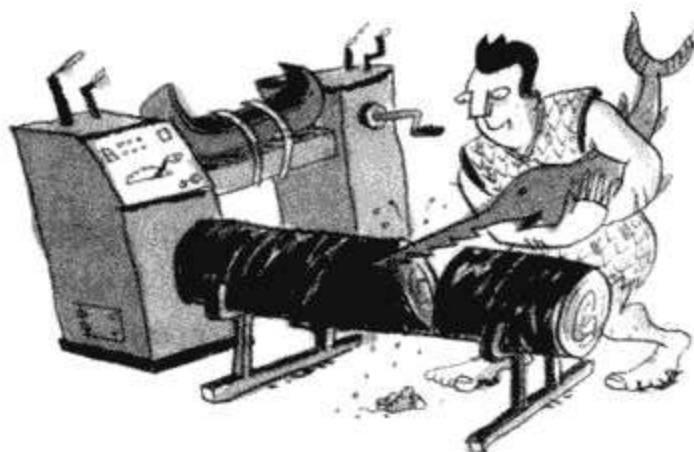
Với lợi thế vừa nêu của Duffy, các cư dân khác trên đảo nên mua xuồng từ anh ta. Nếu tự làm, họ phải hy sinh một khoản thu nhập là 10 con cá.

Nếu mua xuồng, tức là trả 9 con cá cho một *chuyên gia đóng xuồng*, họ đã tiết kiệm được 1 con!



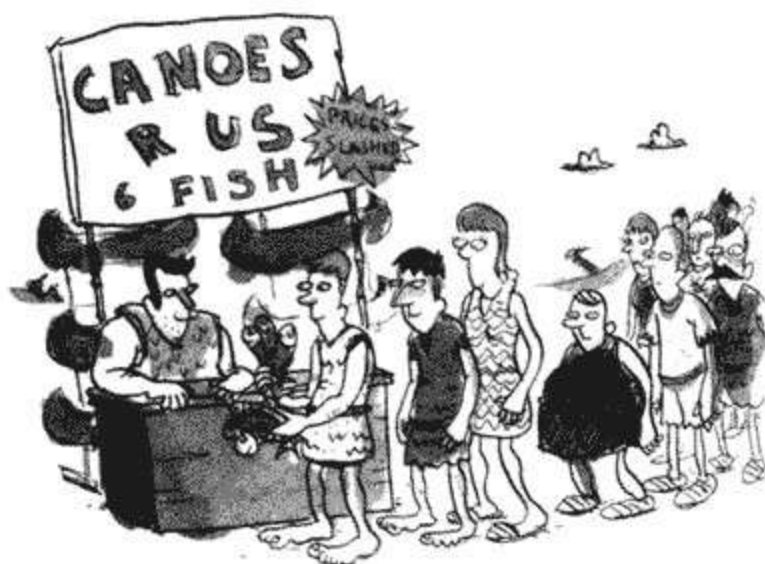
Nhưng ngay cả nếu 9 con cá là một mức giá phải chăng, thì liệu những ai có thể trả được mức giá này để mua xuồng? Có lẽ chỉ là những đại gia giàu có nhất đảo mà thôi. Những người chưa đạt được mức tiết kiệm tích lũy cần thiết này sẽ phải tiếp tục bơi ngoài biển cho đến khi tiết kiệm đủ số!

Rồi đó, sau nhiều năm dùng vỏ sò và đá để gọt, đục các khúc cây để làm xuồng, một ngày nọ Duffy đã sử dụng khoản tiết kiệm tích lũy của bản thân để làm ra các công cụ chuyên dụng trong việc chế tạo xuồng. Và cũng giống như Able ngày xưa, Duffy đã tiêu dùng dưới mức để có thể tạo ra tư liệu sản xuất, hay công cụ.



Với thiết bị tốt hơn, Duffy giảm thời gian làm một chiếc xương xuống chỉ còn 2 ngày mà thôi. Hiệu suất tăng lên khiến điểm hòa vốn của anh ta giờ chỉ là 4 con cá (tương đương 2 ngày làm việc) thay vì 8 con cá như trước kia. Bằng cách hạ giá bán từ 9 con cá / 1 chiếc xương xuống còn 6 con cá / 1 chiếc xương, Duffy kiếm lời nhiều hơn (lợi nhuận là 2 con cá trên mỗi chiếc xương bán được, so với mức 1 con trước kia). Hơn thế, sản lượng của anh ta cũng tăng gấp đôi!

Năng suất tăng lên làm lợi không chỉ cho Duffy, mà còn cho mọi cư dân trên đảo. Có nhiều người hơn trước đủ tiền mua xương ở mức giá 6 con cá, do đó số lượng khách hàng của Duffy tăng vọt.



Kết quả của hiệu suất gia tăng - do tiết kiệm, cải tiến hay đầu tư - là giá xuống giảm xuống, việc sở hữu một chiếc xuống trở nên khả thi hơn cho nhiều người. Điều trước kia là thứ xa xỉ của nhà giàu nay trở thành một thứ ai ai cũng có!

KIỂM TRA THỰC TẾ

Như đã nói, giá giảm không ảnh hưởng xấu đến Duffy. Thực sự khi giá cả mọi thứ giảm do tăng trưởng năng suất ở những ngành nghề khác, số cá mà Duffy kiếm được có thể dùng để mua một số lượng hàng hóa nhiều hơn.

Cải tiến, đổi mới là một quy trình một chiều. Với quá trình này, hiệu suất sẽ liên tục gia tăng, trừ phi con người quên đi những gì họ đã biết! Và kết quả là giá cả có xu hướng giảm xuống theo thời gian.

Xu hướng giảm giá cũng khuyến khích hành vi tiết kiệm, khi người ta thấy rằng khoản tiết kiệm có thể dùng để mua được nhiều hàng hóa hơn trong tương lai. Nghe thì có vẻ kỳ cục, nhưng một con cá tiết kiệm chính là một con cá mà bạn kiếm được! Nguyên tắc này khuyến khích tiết kiệm, từ đó mở rộng số lượng vốn sẵn sàng để cho vay.

Việc làm

Khi xã hội diễn tiến phức tạp hơn, càng ngày càng có nhiều người quyết định làm việc cho người khác, bằng cách đánh đổi lao động để lấy tiền lương.

Giá trị của lao động luôn luôn được nhân lên do việc sử dụng tư liệu sản xuất. Tư liệu sản xuất càng tốt thì lao động càng có giá trị. Ví dụ, chúng ta có thể đào một cái hố to hơn khi có máy ủi so với khi chỉ có xẻng, ngay cả nếu chúng ta làm việc như nhau trong hai trường hợp. Vì thế, lý tưởng nhất là hãy làm việc với tư liệu sản xuất tốt nhất mà bạn có.

Trong một xã hội tự do, mọi cá nhân tự quyết định sẽ dùng tư liệu sản xuất của ai để tối đa hóa giá trị lao động của họ. Trừ trường hợp ai đó cứ chọn lựa việc bắt cá bằng tay không (có thể vì những lý do biểu diễn!), mỗi người lao động đều tự do chọn lựa:

- Tiêu dùng dưới mức để tự làm ra một cái lưới đánh cá cho riêng mình
- Vay cá để mua lưới
- Làm việc cho ai đó đã có sẵn lưới đánh cá

Lựa chọn đầu tiên đòi hỏi hạn chế tiêu dùng. Lựa chọn thứ hai đi kèm với những rủi ro. Do vậy, đa số chọn phương án 3, tức là làm việc để nhận lương.

Ví dụ, anh chàng Finnigan mới tới đảo là một người rất to khỏe. Tài năng đó sẽ bị bỏ phí nếu anh ta chỉ đi bắt cá, cho nên anh ta quyết định tập trung sức mình vào việc vận chuyển cá mà thôi. Chỉ dựa vào cơ bắp của mình, hàng ngày Finnigan, có thể giao 100 con cá từ bờ biển đến lều của mọi người. Với mức phí vận chuyển 2%, mỗi ngày Finnigan sẽ bỏ túi mỗi ngày 2 con cá.

Tuy nhiên, do trước đó đã vay để làm ra một chiếc xe chở cá, công ty Murray's Cart thực sự cạnh tranh gay gắt với Finnigan. Tuy không khỏe mạnh bằng Finnigan, với chiếc xe của mình Murray có thể giao tới 300 con cá một ngày! Căn cứ vào năng suất vượt trội, Murray chỉ tính phí vận chuyển là 1%, tức là kiếm được 3 con cá mỗi ngày. Tóm lại, nhờ vào tư liệu

sản xuất mà anh ta có thể tính phí thấp hơn mà vẫn thu nhập cao hơn Finnigan. Không có tư liệu sản xuất, Finnigan rõ ràng ở vào thế bất lợi.



Nhận ra rằng nếu kết hợp anh chàng to khỏe Finnigan với cái xe thì năng suất vận chuyển cá có thể lên tới 400 con một ngày, Murray chợt nhận ra cơ hội. Với mức phí vận chuyển 1%, Finnigan (và chiếc xe) có thể tạo ra thu nhập là 4 con cá / ngày cho công ty. Khi đó Murray sẽ trả lương cho Finnigan là 3 con cá / ngày, con cá thứ tư Murray sẽ giữ lại như là khoản lợi nhuận.

Về phía Finnigan, nếu nhận làm cho Murray, anh ta có thể tăng năng suất, giảm mức phí vận chuyển tính cho khách hàng, đồng thời có thu nhập cao hơn so với khi tự làm cho chính mình.

Với mức lợi nhuận 1 con cá một ngày như kể trên, Murray sẽ không phải đi làm (vận chuyển cá) nữa, mà dành thời gian vào việc chế tạo thêm xe chở cá, tuyển thêm nhân viên cho công ty. Cùng lúc đó, việc có nhiều xe chở cá sẽ giúp giảm mức chi phí vận chuyển cho toàn bộ cư dân trên đảo.

Hy vọng là sau này Finnigan sẽ dành đủ tiền để làm ra chiếc xe chở cá cho riêng mình, từ đó cạnh tranh với ông chủ cũ Murray trong dịch vụ này. Để ngăn ngừa khả năng này, Murray phải trả cho Finnigan số lương

nhiều hơn so với Finnigan có thể kiếm được khi tự làm cho mình, đủ để làm nản lòng ý muốn rời công ty của anh ta.

Nhưng hãy lưu ý: động cơ duy nhất cho mọi hành động của Murray là tiềm năng có lợi nhuận của anh ta. Anh ta chẳng hề chủ ý giúp Finnigan, mà chỉ vô tình thôi. Kết quả của tất cả những chuyện này là người lao động được trả lương cao hơn và chi phí giảm đi cho tất cả mọi người.

ĐIỀU CÒN ĐONG LẠI

Trong kinh tế học ngày nay, không có chiến thắng nào lớn hơn về mặt tuyên truyền bằng việc bêu xấu một cách toàn diện hiện tượng giảm phát (và theo đó là sự chấp nhận đối với lạm phát). Theo những gì mà các nhà kinh tế và chính trị quan tâm, giảm phát - được định nghĩa là sự giảm giá nói chung của hàng hóa theo thời gian - đồng nghĩa với căn bệnh dịch hạch trong kinh tế! Ngay khi có dấu hiệu dù là nhỏ nhất về giảm phát, các Chính phủ sẽ thực thi các chính sách để đẩy giá lên.

Nhưng giá giảm thì có gì xấu đâu? Do đã quen sống với tình trạng giá cả gia tăng, nhiều người hẳn sẽ cảm thấy sốc khi biết rằng giá cả tại Mỹ đã liên tục giảm trong vòng gần 150 năm, từ cuối thế kỷ XVIII đến tận năm 1913! Mà trong thời gian ấy, nước Mỹ cũng trải qua giai đoạn tăng trưởng kinh tế vào loại nhanh nhất trong lịch sử nhân loại. Nguyên nhân nằm ở chính những lý do mô tả trong chương này: hiệu suất gia tăng. Kết hợp với nguồn cung tiền ổn định (điều đã xảy ra ở Mỹ cho đến khi xuất hiện Hệ thống Dự trữ Liên bang), hiệu suất sẽ kéo giá cả đi xuống.

Năng suất tăng rất cao do cuộc cách mạng công nghiệp tạo điều kiện cho những người thuộc giai cấp lao động có thể mua được mọi loại hàng hóa, từ đồ nội thất đến quần áo may đo, hệ thống ống nước trong nhà, phương tiện vận chuyển bằng bánh xe v.v... những thứ trước đây chỉ nhà giàu mới có tiền mua được. Giảm phát có nghĩa là 100 USD tiết kiệm vào năm 1850 có thể dùng để mua nhiều hàng hóa và dịch vụ hơn vào năm 1880. Điều đó không phải là tốt đẹp hay sao? Ngày nay, ông bà của chúng ta thường than rằng giá cả hồi này sao mắc thế, trong khi vào thời họ còn trẻ, ông bà của họ (tức ông cố, ông sơ v.v... của chúng ta) lại thường “than” rằng ngày xưa giá cả mắc hơn nhiều!

Bất chấp những lợi ích hiển nhiên của việc giá cả giảm đi, chúng ta vẫn cứ sợ giảm phát. Người ta nói với chúng ta rằng nếu giá cả có xu hướng giảm, con người sẽ dừng mua sắm, công ty sẽ dừng chi tiêu, công nhân sẽ mất việc, và nói chung mọi người sẽ quay trở lại thời kỳ đen tối về kinh tế.

Nhưng sự thật là đã rất nhiều lần chúng ta chứng kiến việc giảm giá chẳng hề làm hại bất kỳ ngành công nghiệp nào. Hồi đầu thế kỷ XX, với việc liên tục giảm giá thành của xe hơi, ông chủ Henry Ford đã làm giàu nhanh chóng, công nhân của hãng Ford thì được trả lương cao nhất trong ngành. Câu chuyện tương tự cũng lặp lại gần đây với ngành công nghiệp máy tính: giá sản phẩm hạ liên tiếp, nhưng ngành này vẫn kiếm được cả đồng tiền, và cuộc cách mạng máy tính vẫn tiếp diễn mạnh mẽ. Kết quả là hàng triệu người hàng năm sẽ chi tiêu ít hơn mà vẫn được hưởng lợi từ những điều kỳ diệu của kỹ thuật số.

Bất chấp những điều đó, đa số mọi người cho rằng giảm phát chỉ chấp nhận được nếu nó bị hạn chế trong phạm vi một ngành nào đó. Tại sao?

Các nhà kinh tế hiện đại đã giả định sai lầm rằng tiêu dùng thúc đẩy tăng trưởng, và khi có giảm phát thì người ta có xu hướng trì hoãn tiêu dùng, và ngay khi người ta chi tiêu thì giá thấp sẽ gây ra ảnh hưởng kinh tế ít hơn. Thật quá sức kỳ cục!

Như chúng tôi đã nói ở trên, tiêu dùng chẳng có ý nghĩa gì cả, cái quan trọng là sản xuất!

Mà cũng chẳng cần ai phải thuyết phục con người tiêu dùng. Nhu cầu của con người về cơ bản là vô tận, cho nên nếu người ta không thích một thứ gì đó thì hẳn là phải có lý do: hoặc là món hàng đó không tốt, hoặc là người ta không đủ tiền mua. Trong cả hai trường hợp, hành động tiết kiệm hay trì hoãn chi tiêu được thực hiện với một lý do hợp lý và có xu hướng làm lợi cho nền kinh tế nói chung.

Thực sự thì nếu người ta không tiêu dùng, cách tốt nhất để kích cầu là giảm giá xuống mức phải chăng hơn. Sam Walton, ông chủ của hệ thống WalMart, đã kiếm hàng tỷ USD từ khái niệm siêu đơn giản này.

Khi TV Plasma lần đầu xuất hiện, rất ít người Mỹ chịu mua. Ai cũng thích, song không nhiều người dám bỏ ra 10.000 USD để mang về nhà một

cái TV loại này. Tuy nhiên, khi giá TV Plasma giảm, nhiều người lao vào mua và lợi nhuận của hãng sản xuất TV gia tăng, khi doanh số bù lại cho giá giảm.

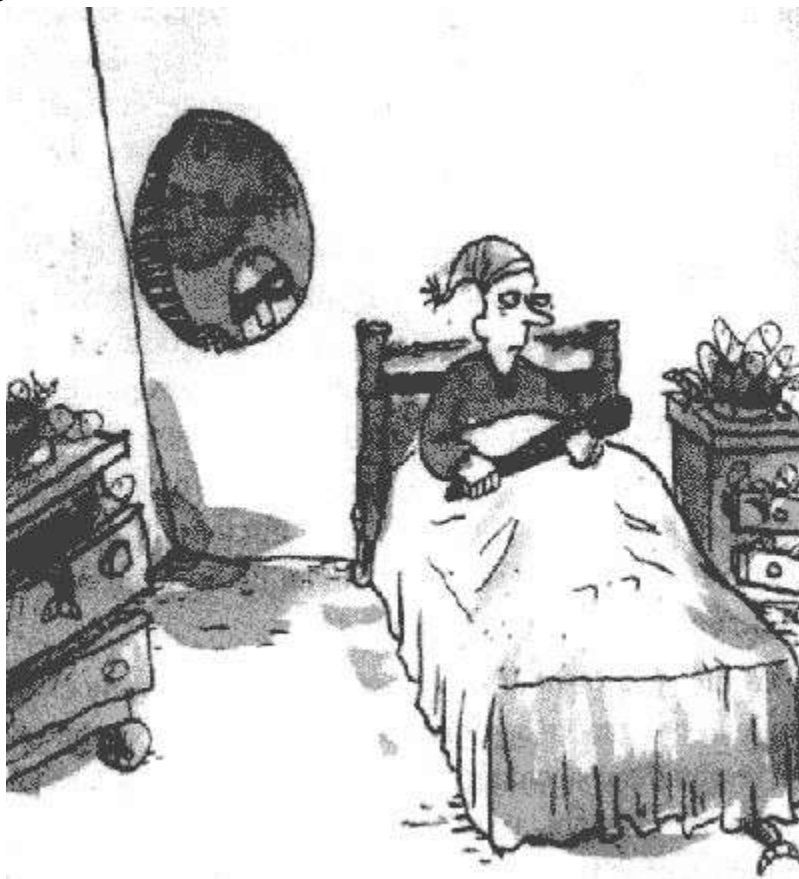
Một nhà kinh tế thiên tài mới chứng minh được rằng người tiêu dùng bị thiệt hại khi giá cả đi xuống. Giá thực phẩm và năng lượng giảm thực sự tệ hại hay sao? Giáo dục và y tế với chi phí thấp hơn liệu có cần Chính phủ bảo vệ chúng ta khỏi bị nguy cơ gây ra do giá giảm không?

Bất chấp mọi lý do “bào chữa”, giảm phát vẫn là kẻ thù số một của kinh tế. Chẳng qua là vì lạm phát - cái đối nghịch với giảm phát - là người bạn thân nhất của mọi chính trị gia. Chúng ta sẽ bàn về điều này trong những chương sau.

CHƯƠNG 6: CẮT VÀO KHO

Khi các khoản tiết kiệm cá của dân đảo tăng lên, việc cất giữ trở thành một vấn đề quan trọng. Trước kia người ta giữ cá trong lều, nhưng như thế quá bất tiện và thậm chí là nguy hiểm. Tệ ăn cắp cá đã trở thành một vấn đề không thể xem thường.

Ngoài ra, tuy muốn sử dụng khoản tiết kiệm dồi dào để làm giàu thông qua việc cho vay và đầu tư, hầu hết những người sở hữu tiết kiệm này không có thời gian và kiến thức để đánh giá chất lượng của những đề nghị kinh doanh người khác chào mời họ.



Nắm bắt được cơ hội làm ăn này, một người tên Max Goodbank quyết định tung ra một dịch vụ mang tính cách mạng. Sau bao năm tự mình canh chừng số cá tiết kiệm được tại nhà, Max nhận ra cần phải có một cách cất giữ tốt hơn với số cá tiết kiệm này. Và sau khi thấy nhiều bạn bè bị lừa đảo

khi cho người khác vay cá, anh ta hiểu rằng đa số mọi người cần được giúp đỡ trong việc quyết định cách thức cho vay khoản tiết kiệm của họ. Với những suy nghĩ đó, anh ta xây một cái kho với điều hòa nhiệt độ để tích trữ cá, kho này được những gã “hầm hố” nhất trên đảo canh gác! “Ngân hàng cá” này sẽ cất giữ toàn bộ số cá tiết kiệm trên đảo, giải quyết rốt ráo vấn đề ăn trộm cá. Tuy nhiên, đây mới chỉ là điểm khởi đầu....

Là một doanh nhân khởi nghiệp điển hình, Max hiểu rằng nếu chỉ làm việc giữ hộ cá cho người khác và thu phí, tiền lời thu được sẽ chẳng đáng là bao. Hiểu được giá trị của các khoản tiết kiệm, anh ta cũng biết rằng mình sẽ làm tốt hơn người khác trong việc cho vay. Vốn giỏi toán, Max luôn biết cách đánh giá các kế hoạch kinh doanh và cấu trúc các khoản cho vay công bằng và hợp lý.

Thế là, Max cho vay cá, rồi dùng số cá kiếm được (*lãi vay* - ND) để trả lãi cho người gửi cá và trả lương cho các nhân viên bảo vệ. Phần chênh lệch còn lại sẽ là lợi nhuận cho anh ta!

Và như thế, Ngân hàng Tiết kiệm và Cho vay Goodbank đã ra đời!



Cũng như Able và Duffy, thoát tiên Max chỉ lo làm giàu cho chính bản thân mình. Nhưng với hành động đó, anh ta giúp giải quyết các vấn đề gai

góc của hòn đảo, bao gồm tiết kiệm, tín dụng và trộm cắp.

Giờ đây, những người tiết kiệm bằng cách tiêu dùng dưới mức sẽ ủy thác trách nhiệm đầu tư cho ngân hàng Goodbank bằng cách gửi cá tiết kiệm vào ngân hàng này.

Những ai cần vay để tài trợ cho các dự án tư liệu sản xuất nay chỉ cần liên hệ với ông chủ ngân hàng Goodbank, thay vì phải gặp ai đó có dư cá!

Để kế hoạch này có thể hoạt động, Max ngay lập tức phải đảm bảo một số điều kiện sau đây. Một là hoạt động cho vay của ngân hàng phải có lời, điều này có nghĩa anh ta phải hết sức cẩn trọng khi đánh giá người đi vay, khi thu lãi vay, khi siết nợ (tịch biên tài sản thế chấp khi bên đi vay không trả được nợ). Hai là, anh ta phải làm vui lòng những người gửi cá thông qua việc đều đặn trả lãi huy động cá. Cuối cùng, anh ta phải làm sao để thu hút nhiều người đi vay hơn để duy trì vòng quay vốn này. Nếu thất bại, anh ta sẽ thất nghiệp và mất toàn bộ khoản đầu tư của mình.

Đương nhiên, với khả năng chuyên môn hóa cao trong việc cho vay hiệu quả và sinh lời, Max trở thành chuyên gia hàng đầu trên đảo về kinh-tế-học-cá (*fish economics*). Trong khi những người cho vay kém chuyên môn hơn thường bị ảnh hưởng bởi những yếu tố như lịch sử cá nhân, quan hệ gia đình, cảm tính v.v..., thì với ngân hàng Goodbank mọi chuyện chỉ được nhìn nhận dưới góc độ tiền bạc, hay tại hòn đảo này là vây cá và vảy cá.

Lãi suất

Do sự giàu có của bản thân gắn liền với thành bại của ngân hàng, Max ở vào một vị thế lý tưởng để quyết định các mức lãi suất huy động và cho vay cá.

Về phía cho vay, anh ta chào lãi suất thấp nhất cho người đi vay an toàn nhất (tức là những ai có khả năng trả nợ cao nhất). Với những người đi vay rủi ro hơn, anh ta tính lãi suất cao hơn để bù đắp cho rủi ro gia tăng này.

Lãi suất cho vay sẽ quyết định lãi suất áp dụng cho người gửi cá tiết kiệm, những người nhận tiền lãi theo một thang đối chiếu tương tự. Các khoản cá gửi tiết kiệm với kỳ hạn dài làm giảm rủi ro thiếu cá của ngân

hàng, do đó người gửi sẽ hưởng lãi suất cao. Những người không thể cam kết gửi cá trong một thời gian dài chỉ nhận được mức lãi suất thấp hơn.



Dù ngân hàng Goodbank quy định lãi suất, toàn bộ cơ chế lãi suất dao động theo những điều kiện thị trường, đa phần nằm ngoài tầm kiểm soát của Goodbank.

Đôi khi sự gia tăng năng suất làm khoản tiết kiệm của hòn đảo tăng mạnh. Khi kho chứa cá gửi tiết kiệm của ngân hàng đã đầy tới nóc, ngân hàng sẵn lòng giảm lãi suất cho vay. Lý do là khi đó, một cách tương đối, các khoản mất mát (nếu bị xù nợ - ND) sẽ dễ chấp nhận hơn, và nền kinh tế đang “khỏe mạnh” và cung cấp nguồn tiết kiệm sẽ là môi trường thuận lợi cho các dự án kinh doanh mới.

Do không cần huy động thêm, cùng với lãi suất cho vay hạ, lãi suất huy động cũng giảm theo, và điều này không khuyến khích người ta tiết kiệm nữa.



Khi tiết kiệm đi xuống (điều này là nguy hiểm cho nền kinh tế), các yếu tố đối lập sẽ phát huy tác dụng để thúc đẩy tiết kiệm trở lại, từ đó lại làm đầy kho cá của ngân hàng trong câu chuyện của chúng ta.

Khi có ít cá gửi tiết kiệm, ngân hàng Goodbank phải thận trọng hơn với các khoản cho vay. Do nguồn dự trữ mỏng, việc khách hàng không trả được nợ vay có thể có ảnh hưởng trầm trọng hơn. Để bù đắp cho rủi ro đang gia tăng, ông chủ Max phải tăng lãi suất cho vay, đồng thời cũng tăng lãi suất huy động để khuyến khích tiết kiệm nhiều hơn.



Lãi suất tăng sẽ làm nản lòng người đi vay và làm chậm nhịp độ tăng trưởng kinh doanh của hòn đảo. Nhưng nó cũng lại khuyến khích tiết kiệm. Cuối cùng thì nguồn huy động của ngân hàng một lần nữa lại tăng, và lãi suất lại quay đầu đi xuống, theo những phân tích trong phần trên.

Ngoài ra, tỷ lệ tiết kiệm thấp cho thấy người ta thích tiêu dùng ngay lập tức hơn. Kết quả là việc đầu tư dài hạn vào tư liệu sản xuất để sản xuất ra hàng hóa cho tiêu dùng trong tương lai sẽ không được khuyến khích.

Cơ chế lãi suất đều đặn mang tính chu kỳ trên đây - vận hành theo kỳ vọng tối đa hóa lợi nhuận trên các khoản tiết kiệm, nỗi sợ mất vốn vào những dự án kinh doanh rủi ro, và sở thích về thời điểm tiêu dùng của từng cá nhân - sẽ tạo ra mức lãi suất làm ổn định thị trường.

Quan trọng nhất là độ an toàn và tiện lợi của ngân hàng khuyến khích người ta tiết kiệm. Việc trì hoãn tiêu dùng sẽ tạo điều kiện tài trợ cho các dự án cung cấp tư liệu sản xuất khác, những dự án này sẽ nâng cao sản xuất trong tương lai, nâng cao mức sống của mọi người.

Dưới sự điều hành thận trọng và khôn ngoan của Ngài Goodbank, hoạt động tiết kiệm và thương mại của hòn đảo tiếp tục tăng trưởng.

Đầu tư mang tính rủi ro cao

Do nhu cầu liên tục phải trả lãi cho những người gửi cá, Ngài Goodbank có xu hướng tránh xa những khoản cho vay nào có khả năng “xù nợ” cao. Anh ta từ chối việc đánh cược những khoản tiết kiệm của dân đảo vào các khoản cho vay để đi nghỉ, vay tiêu dùng, hay những dự án vay “đếm cua trong lỗ” - hứa hẹn rất nhiều song những căn cứ thực tiễn về kết quả sẽ mang lại chẳng có là bao.

Tuy nhiên, một số người gửi tiết kiệm lại vẫn muốn chấp nhận rủi ro cao hơn để có lợi nhuận cao hơn. Đôi khi có những dự án rất hấp dẫn, nhưng lại quá rủi ro nên ngân hàng không tài trợ được.

Chẳng hạn, hãng hàng không Sling-Flight Airways có một ý tưởng có thể cách mạng hóa việc di chuyển giữa các hòn đảo trong vùng.

Nhưng Goodbank, đúng với bản chất của anh ta, từ chối cho vay dự án nhiều rủi ro này.

Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là những người đứng đằng sau Sling-Flight đã hết cách.



Một quỹ đầu tư mới xuất hiện, điều hành bởi Manny Fund - một đại gia thích khoa trương trong lĩnh vực cá. Manny thu thập cá của những người có

nguồn cá tiết kiệm song không hài lòng với mức lãi suất khiêm tốn mà Goodbank chào. Rồi với số cá “huy động” được nói trên, anh ta chấp nhận rủi ro để đầu tư vào những dự án mạo hiểm.

Một số dự án trong số đó thực sự thành công, như công ty nước giải khát Thiên Đường.

Nhưng cũng có những dự án thất bại, như Công ty du lịch dưới nước Blubmarine.



Như thế, trong khi Goodbank tiếp tục tài trợ cho việc tăng trưởng tư liệu sản xuất thông qua những hình thức đầu tư cần trọng, Manny Fund trở thành lựa chọn của những người chấp nhận rủi ro cao hơn.

ĐIỀU CÒN ĐỘNG LẠI

Ngoài việc làm méo mó thị trường tín dụng bằng cách thông qua những luật lệ ưu đãi cho một số loại hình cho vay và người đi vay nhất định, Chính phủ còn tác động lên dòng chảy tín dụng bằng một cách căn bản

hơn: kiểm soát lãi suất. Trong gần 100 năm, Hệ thống Dự trữ Liên bang (về lý thuyết đây là một ngân hàng sở hữu tư nhân, nhưng thực tế nó là cánh tay nối dài của Bộ Tài chính Mỹ) đã xác định mức lãi suất cơ bản, làm cơ sở cho toàn bộ hệ thống lãi suất.

Với việc tăng hay giảm lãi suất Fed funds ⁴, Hệ thống Dự trữ Liên bang (Fed) không quy định mức lãi suất cụ thể khi một ngân hàng nào đó cho vay ra, nhưng họ thực sự tác động tới toàn bộ thị trường. Các ngân hàng luôn áp dụng lãi suất cho vay cao hơn đối với khách hàng, so với khi họ vay tiền từ Fed. Cho nên, khi Fed tăng hay giảm lãi suất, cá nhân và doanh nghiệp sẽ phải chịu mức lãi suất khi đi vay cao hơn hay thấp xuống.

Fed được trao thẩm quyền này để giúp nền kinh tế vận hành ổn định trong cả những giai đoạn tốt đẹp cũng như khó khăn, về lý thuyết, trí tuệ tập thể của các nhà kinh tế tại Fed sẽ giúp nền kinh tế luôn đi đúng hướng, qua việc quyết định lãi suất tối ưu vào bất kỳ thời điểm nào một cách kịp thời.

Ví dụ, Fed có thể vực dậy nền kinh tế đang suy thoái bằng cách giảm lãi suất đến mức các doanh nghiệp và người tiêu dùng cảm thấy muốn vay tiền! Trong thời kỳ kinh tế phát triển, khi sự tự tin thái quá thường dẫn đến những hành động ngu ngốc trong kinh doanh, Fed sẽ hành động ngược lại, tăng lãi suất đến mức nào đó sao cho những người đi vay phải cân nhắc cẩn thận trước khi vay tiền từ ngân hàng.

Nhưng hệ thống này có hai khiếm khuyết cực kỳ lớn.

Thứ nhất, người ta đã giả định rằng một nhóm nhỏ vài chuyên gia ở Fed có thể đưa ra những quyết định tốt hơn hàng triệu cá nhân ngoài xã hội, với những quyết định của riêng từng người (cũng được gọi là “thị trường”) về mức lãi suất phù hợp. Nhưng, như người ta từng nói, Fed chẳng có quyền lợi liên quan gì ở đây cả! Fed không huy động tiết kiệm, mà cũng chẳng chịu thiệt thòi gì khi các khoản cho vay trên thị trường trở nên xấu đi. Các cá nhân tiết kiệm tiền, còn lợi nhuận của ngân hàng phụ thuộc vào sự quản lý khôn ngoan khoản tiết kiệm đó. Không có mối liên hệ này, việc cho vay chắc chắn không hiệu quả.

Hai là, các quyết định của Fed thường bị ảnh hưởng bởi những xét đoán về chính trị hơn là về kinh tế. Vì lãi suất thấp có xu hướng làm cho nền kinh tế trông bên ngoài dường như tốt hơn, giảm chi phí trả lãi cho vay mua nhà (thể chấp bằng chính căn nhà được mua) và các khoản vay khác, đồng thời giúp các định chế tài chính kiếm thêm lợi nhuận, luôn có rất nhiều người mong muốn giảm lãi suất. Các vị Tổng thống Hoa Kỳ muốn tái đắc cử luôn kêu gọi giảm lãi suất, gây sức ép với Fed để giúp họ làm điều đó. Về phía mình, các nhà làm chính sách tại Fed cũng thích được xã hội nhìn nhận như những người tốt sẵn lòng giúp đỡ nền kinh tế, chứ không phải như những lão Scrooge ⁵ bủn xỉn keo kiệt, kéo nền kinh tế vào suy thoái.

Trong khi đó, các thành viên khác của xã hội, những người ủng hộ lãi suất cao, chủ yếu là những ai có khoản tiết kiệm, thì lại không có những nhóm có cùng chung lợi ích được tổ chức tốt. Tiếng nói của họ không bao giờ được quan tâm. Kết quả là có sự đồng thuận cao trong việc duy trì lãi suất quá thấp hơn là để nó quá cao. Xin các bạn nhớ cho rằng lãi suất thấp sẽ khuyến khích vay mượn và hạn chế tiết kiệm. Không có gì ngạc nhiên khi Hoa Kỳ đã chuyển từ một quốc gia của những người tiết kiệm thành một quốc gia của những người đi vay nợ!

Ngoài ra, lãi suất quá thấp so với nguồn cung tiết kiệm đưa ra những tín hiệu sai lầm cho người đi vay về sức khỏe của nền kinh tế cũng như hiệu quả của các khoản đầu tư. Vì tiêu dùng không thực sự bị trì hoãn (như trong trường hợp lãi suất giảm do những lực lượng thị trường), các khoản đầu tư vào tư liệu sản xuất để thỏa mãn tiêu dùng tương lai sẽ ít có khả năng thành công. Kết quả cuối cùng là những đợt bong bóng giả tạo, tiếp theo là bong bóng vỡ tan, như đã xảy ra với chứng khoán và bất động sản tại Hoa Kỳ trong những năm gần đây.

CHƯƠNG 7: CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ THƯƠNG MẠI

Trước nay, dân đảo vẫn lấy nước uống từ những dòng suối trên núi. Họ mang nước từ suối về lều bằng bất kỳ cách gì có được.

Vì thế, đa số người dân sống và làm việc không xa lắm so với nguồn nước. Việc không có nguồn nước tươi cũng gây khó khăn cho trồng trọt. Tất cả những thực tế này hạn chế năng suất nói chung của hòn đảo.

Một năm kia, xảy ra một đợt hạn hán khủng khiếp, làm cạn khô nhiều dòng suối. Nỗi khổ vì thiếu nước ảnh hưởng lên tất cả mọi người!

Cư dân đảo phải nỗ lực tìm ra một giải pháp để ngăn ngừa một thảm họa tương tự trong tương lai.



Trí óc lạnh lẽ của Able Fisher V (cháu năm đời của chàng Able trong phần đầu câu chuyện của chúng ta) đã giải quyết được vấn đề này. Anh ta nhận thấy nước mưa sau khi hết mưa sẽ đọng lại trong mấy cái ao. Bắt chước tự nhiên, anh ta chế ra một hệ thống thoát nước mưa và bể chứa, để tích trữ nước mưa dùng sau này. Nhưng đây là một dự án lớn, cung cấp nguồn nước cho toàn bộ hòn đảo.

Theo những gì mà Able V tính toán, thì dự án Nước Mưa này sẽ đòi hỏi vốn lưu động khoảng 182.500 con cá, tức là đủ để hỗ trợ cho 250 nhân công tham gia lao động trong dự án suốt thời gian hai năm. Anh ta tìm đến Manny Fund để vay. Manny thích ý tưởng này, song ông ta không có đủ cá. Able V bèn tìm đến ngân hàng.



Tại đây, trước sự ngạc nhiên của anh ta, cô Maxine Goodbank (hậu duệ của Ngài Max Goodbank thuở nào) tỏ ra là người biết lắng nghe! Dù chi phí có cao nhưng so với lợi nhuận tiềm năng thì rủi ro là có thể chấp nhận

được. Nếu thành công, dự án sẽ tự trang trải chi phí và đảm bảo một tương lai tốt đẹp hơn cho toàn bộ mọi người trên đảo.

Nhưng dù bà chủ ngân hàng có thích dự án này đến đâu đi nữa, ngân hàng Goodbank có lẽ vẫn không thể tài trợ dự án nếu như không huy động được đủ khoản cá tiết kiệm. Đơn giản là không có đủ số cá dư để nuôi sống 250 nhân công tham gia dự án, tức là không thể bắt cá, trong suốt hai năm ròng rã.

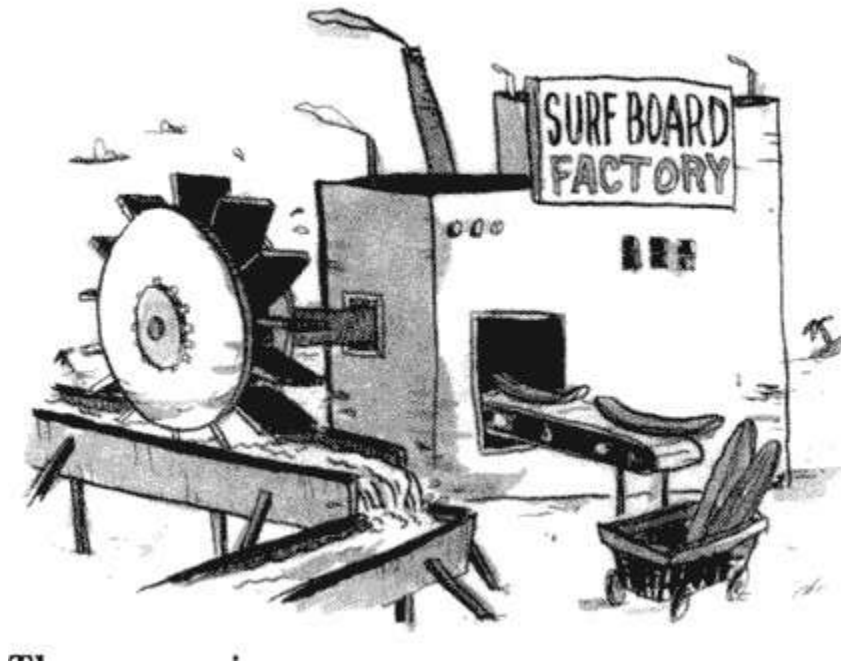
Cuối cùng, dự án Nước Mưa hoàn thành tốt đẹp như đã được quảng cáo, cho phép những người đi vay trả đủ số tiền đã vay, cả gốc và lãi.

Cư dân trên đảo đều vui vẻ và sẵn lòng trả một khoản phí thường niên cho nguồn nước này. Từ những khoản thu nhập đó, dự án Nước Mưa tuyển hơn 100 công nhân làm việc quanh năm để vận hành hệ thống ống nước bằng tre khá phức tạp này.



Thành công ngoạn mục của dự án đã thay đổi diện mạo nền kinh tế của đảo. Nước được truyền qua các đường ống, với mức phí phải chăng, tới những khu vực xa xôi trên đảo, tạo điều kiện canh tác ở ngay cả những vùng đất cằn cỗi trước kia.

Ngoài ra, dòng nước ổn định như vậy có thể sử dụng để chạy một số máy móc, từ đó sản sinh ra những ngành công nghiệp mới.



Giờ đây không phải khổ sở mức nước bằng tay nữa, dân đảo có nhiều thời gian hơn cho việc sản xuất hàng tiêu dùng và cung cấp các dịch vụ cho việc phát triển các dự án cung cấp tư liệu sản xuất khác. Năng suất tăng cao khiến toàn xã hội (ở đây là hòn đảo!) bắt được nhiều cá hơn, từ đó mức sống cũng tăng theo.

Thương mại

Khi nền kinh tế trên đảo mở rộng, năng lực xuất khẩu sản phẩm ra bên ngoài cũng tăng theo. Chẳng bao lâu sau, những chiếc xuồng chở hàng khổng lồ bắt đầu vượt biển, chất đầy cá, xe đẩy, ván trượt nước, gươm giáo, những chiếc xuồng nhỏ. Những sản phẩm này nổi tiếng khắp đại dương vì phẩm chất và giá cả phải chăng, được mang đi trao đổi để đem về đầy ắp cá tươi và những hàng hóa khác chưa từng được biết đến trên đảo trước đây.

Khi những nhà buôn trên đảo liên lạc được với những hòn đảo khác, thương mại phát triển mạnh, thúc đẩy tăng trưởng nhiều hơn nữa. Khi được tự do phát triển không kiềm chế, thương mại tự do làm lợi cho tất cả mọi người.



Một số hòn đảo (hay thành phố, quốc gia, thậm chí dân tộc) thường có dồi dào một nguồn lực nào đó mà những nơi khác không có. Mỗi cá nhân, quốc gia hay hòn đảo, một cách rất tự nhiên, sẽ sử dụng những lợi thế riêng để thu lợi nhiều nhất từ những gì mình có.

Ví dụ, hòn đảo Bongobia gần đó, đúng như tên của nó, sản xuất được rất nhiều bongo - một loại trống nhỏ gõ bằng tay. Cư dân đảo này rất giỏi làm bongo, ngoài ra trên đảo có rất nhiều cây thích hợp để làm loại trống này. Kết quả là có rất nhiều trống bongo được làm ra trên đảo, khiến giá trị của mỗi chiếc trống là không cao lắm. Nếu mua bán trong nội bộ đảo Bongobia, một cặp trống bongo chẳng đáng giá là bao.

Cách xa Bongobia chừng trăm dặm, dân đảo Dervishia lại rất mê chơi trống bongo. Không may là trên hòn đảo này lại không có loại cây thích

hợp để làm trống. Do đó, tại đảo Dervishia, trống bongo là một hàng hóa hiếm và có giá trị. Trong khi đó, đảo này lại có rất nhiều dầu dừa dưỡng da (giúp có được làn da rám nắng), nhưng dân đảo này vốn có làn da nâu và chẳng cần phòng chống tia cực tím làm gì, do đó loại dầu dừa này hầu như vô giá trị với họ.



Cứ như là có duyên, tình cờ thế nào mà dân đảo Bongobia, vốn trắng trẻo hơn, lại luôn luôn gặp phiền phức từ việc da của họ bị cháy nắng kinh niên vì những đợt nắng nóng kéo dài do khí hậu đặc trưng của hòn đảo này.

Khi hai đảo liên hệ với nhau, ngay lập tức họ phát triển mạnh mẽ thương mại về trống bongo và dầu dừa. Mỗi đảo sử dụng lợi thế so sánh của mình để bán cho bên kia những sản phẩm có giá trị hơn tại nơi mua hàng so với tại nơi sản xuất ra chúng. Trong sự cộng sinh kiểu này, cả hai bên đều có lợi. Mức sống gia tăng và cư dân cả hai nơi đều hài lòng.



Thương mại ở tầm quốc gia không khác gì so với chuyên môn hóa lao động ở tầm cá nhân. Mỗi cá nhân hay quốc gia bán những thứ mà họ có nhiều, hay những thứ mà họ làm ra giỏi nhất, để đổi lại những gì mà họ không có hay không làm ra một cách dễ dàng.

KIỂM TRA THỰC TẾ: KINH TẾ HỌC LỚN VÀ KINH TẾ HỌC NHỎ

Giờ đây, khi cộng đồng trên hòn đảo của chúng ta đã lớn hơn nhiều, so với thuở ban đầu chỉ có ba chàng trai dùng tay bắt cá kiếm ăn hàng ngày, một số người có thể nghĩ rằng kinh tế học trên hòn đảo này đã thay đổi. Phải chăng đúng là như vậy?

Cũng như các nguyên tắc trong toán học chẳng thay đổi theo quy mô của bài toán, các nguyên tắc kinh tế cơ bản không thay đổi theo quy mô của nền

kinh tế. Chỉ có điều là chúng ta khó nhận ra những nguyên tắc đó do có quá nhiều tầng nhiều lớp xuất hiện giữa bên vay và bên cho vay mà thôi. Tuy nhiên, mối liên hệ trực tiếp giữa sự tự hy sinh tiêu dùng trước mắt, tiết kiệm, tín dụng, đầu tư, động cơ kinh tế, cũng như các tiến bộ xã hội và kinh tế, thì vẫn hoàn toàn giống nhau.

Đầu tư vào cơ sở hạ tầng có thể có ảnh hưởng rất to lớn đến nền kinh tế. Tuy nhiên, việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng chỉ có ích nếu lợi ích tạo ra lớn hơn chi phí. Ngược lại, các dự án kiểu này sẽ làm lãng phí các nguồn lực và ngăn cản đà tăng trưởng.

Ngày nay, nhiều nhà chính trị và kinh tế đã sai lầm khi xem đầu tư vào cơ sở hạ tầng không phải là một chi phí ngắn hạn để thu lợi trong dài hạn, mà là một biện pháp tức thời để tạo ra việc làm và thúc đẩy nền kinh tế. Quan điểm này có thể dẫn đến việc phân bổ các nguồn lực sai lầm và lãng phí, cũng như vô tình làm mất đi các công việc ở các khu vực khác.

Suốt hơn nửa thế kỷ gần đây, Hoa Kỳ ít đầu tư vào cơ sở hạ tầng. Chi phí của việc lãng quên xu thế này sẽ trở thành một gánh nặng cho nền kinh tế. Hơn nữa, lợi ích (*của việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng - ND*) chỉ xuất hiện trong tương lai, khi các dự án thành công.

Trong câu chuyện của chúng ta, số cá lên tới 182.500 con được vay để xây dựng dự án Nước Mưa sẽ không thể được dùng tài trợ cho những dự án đầu tư tạo ra công ăn việc làm khác trên đảo. Rõ ràng đây là một cơ hội lớn. Nếu số cá này dùng để đầu tư vào một dự án cơ sở hạ tầng thất bại nào đó, chẳng hạn như dự án “Cây cầu không tới đâu” ⁶ nổi tiếng ở Alaska dạo trước, nguồn cung tiết kiệm của hòn đảo sẽ bị lãng phí, đồng thời 250 công nhân cũng mất toi hai năm lao động công cốc!

Trong giai đoạn đầu của lịch sử Hoa Kỳ, các dự án như dự án Nước Mưa thường là sáng kiến của khu vực tư nhân. Do tính chất rủi ro cao của những dự án kiểu này, ngày nay trong thời kỳ Chính phủ kiểm soát toàn bộ, rất khó hình dung cơ sở hạ tầng có thể được tài trợ, xây dựng và vận hành một cách hiệu quả bởi các công ty tư nhân chạy theo lợi nhuận. Tuy nhiên, đúng là ngày xưa mọi chuyện đã có lúc như vậy.

Ví dụ, hệ thống xe điện ngầm ở New York chủ yếu do các công ty tư nhân làm, và từng được vận hành bên ngoài sự kiểm soát của chính quyền thành phố này trong gần 4 thập kỷ. Bất chấp chi phí xây dựng rất cao, hệ thống này vẫn kiếm ra lợi nhuận cho những nhà đầu tư. **Hơn nữa, một điều rất ấn tượng là tiền vé xe điện ngầm không hề tăng trong suốt 40 năm!**

Giờ đây, thật dễ dàng để thuyết phục cử tri rằng những tiện ích công cộng - chẳng hạn như cống thoát nước, đường cao tốc, kênh đào, cầu v.v...- cần được Chính phủ quản lý. Các chính trị gia đã lập luận thành công rằng các công ty tư nhân, vốn chỉ theo đuổi lợi nhuận thuần túy, sẽ bóc lột công chúng ngay khi có cơ hội sớm nhất.

Bằng chứng hỗ trợ cho những lập luận trên đa phần là cảm tính. Điều chắc chắn hơn là việc Chính phủ kiểm soát độc quyền các dự án và dịch vụ công cộng hầu như luôn dẫn tới sự kém hiệu quả, tham nhũng và hối lộ, cũng như chất lượng đi xuống.

Ngoài ra, khi một dự án do Chính phủ quản lý bị vượt dự toán hay yếu kém về phục vụ, các nguyên tắc của kỷ luật thị trường tự do không được vận dụng để giải cứu nó. Thay vào đó, Chính phủ chỉ cần tăng thuế, việc này sẽ làm lãng phí các nguồn lực xã hội và giảm mức sống của người dân.

Thương mại cũng bị ảnh hưởng xấu từ những quan niệm sai lầm như vậy. Trong nỗ lực bảo vệ công ăn việc làm cho dân Mỹ trước sự cạnh tranh của lao động nước ngoài, những người phản đối tự do thương mại đã phớt lờ lợi ích của nhập khẩu, cùng với những chi phí khó thấy được với người tiêu dùng một khi họ có ít sự lựa chọn khi mua hàng hóa dịch vụ.

Ví dụ, nếu một nhà sản xuất nước ngoài có thể bán áo thun tại Mỹ với giá rẻ hơn giá áo thun sản xuất tại Mỹ, thì người Mỹ sẽ tốn ít tiền mua áo thun hơn. Số tiền tiết kiệm được từ việc này sẽ được dùng để mua những hàng hóa khác, chẳng hạn như ván trượt nước. Điều này có thể làm lợi cho các công ty sản xuất ván trượt hoạt động tại Mỹ, hiện đang cung cấp những loại ván trượt tốt nhất.

Thế còn điều gì sẽ xảy ra với những công nhân may áo thun ở Mỹ, nay bị mất việc làm? Nếu những ông chủ của họ không thể cạnh tranh trong ngành

may áo thun, thì đúng là công nhân sẽ phải tìm việc khác. Nhưng mục tiêu của nền kinh tế nói chung không chỉ đơn thuần là tạo ra việc làm, mà là tạo ra những việc làm có thể tối đa hóa năng suất lao động.

Về mặt tổng thể, một xã hội không thể có lợi với việc liên tục sử dụng lao động và tư liệu sản xuất một cách kém hiệu quả. Nếu Hoa Kỳ không có lợi thế cạnh tranh trong mặt hàng áo thun, họ cần tìm một sản phẩm khác mà họ có lợi thế để sản xuất.

Nếu dựng lên những rào cản thương mại để bảo vệ công ăn việc làm trong nước, chi phí của áo thun sẽ tiếp tục cao. Khi đó, người tiêu dùng sẽ có ít tiền hơn để mua những hàng hóa khác, ví dụ ván trượt nước, và những nhà sản xuất hàng hóa khác này sẽ bị thiệt thòi. Nhìn ra một công ăn việc làm được giữ lại thì rất dễ, cái khó hơn là nhìn ra được công việc không được tạo ra!

Rõ ràng là vô lý khi lãng phí lao động của chúng ta vào việc sản xuất ra những thứ có thể được sản xuất hiệu quả hơn ở nước ngoài. Nếu tập trung vào những hàng hóa dịch vụ mà chúng ta có thể làm ra một cách hiệu quả nhất, chúng ta có thể đem chúng đi đổi lấy những thứ mà nước ngoài làm tốt hơn. Và cuối cùng, chúng ta sẽ có nhiều của cải vật chất hơn.

Tất nhiên, vấn đề nằm ở chỗ đồng dollar Mỹ được định giá cao quá mức một cách giả tạo, thuế má cao, các luật lệ giới hạn về lương bổng và lao động, do đó chúng ta không có tính cạnh tranh cao trong nhiều hạng mục hàng hóa dịch vụ. Điều này rõ ràng là cần phải thay đổi.

CHƯƠNG 8: NỀN CỘNG HÒA RA ĐỜI

Thoạt tiên, đảo quốc của chúng ta không hề có Chính phủ, ít ra là vì hầu phần trên đảo lúc ấy chỉ có cá mà thôi ²! Able, Baker và Charlie là bạn bè lâu năm và khi ấy họ có thể tự giải quyết các mâu thuẫn một cách nhẹ nhàng. Nhưng khi các xã hội giản đơn nay trở nên phức tạp, rõ ràng sẽ xuất hiện nhu cầu cần có một dạng quyền lực tập trung nào đó.

Khi cư dân trên đảo gia tăng, những sự hiểu lầm và mâu thuẫn cũng tăng theo. Khi lời nói không giải quyết được mâu thuẫn, những ngọn giáo sẽ làm nhiệm vụ của chúng.

Vào thời kỳ sơ khai ấy, do chưa có một bộ máy bảo vệ lẫn nhau, thường có những băng trộm cá hoành hành, gây rất nhiều phiền toái cho dân đảo.



Tệ hơn, thỉnh thoảng những người từ đảo Bongobia lại kéo sang xâm chiếm. Dân Bongobia không chỉ giỏi đánh trống, mà còn là những chiến binh hung hãn, nên khi họ kéo đến cướp phá, số cá tiết kiệm trên đảo thường bị vét sạch.



Hiển nhiên là cư dân đảo cần đoàn kết lại để bảo vệ lẫn nhau, duy trì an ninh. Họ cần có sự lãnh đạo. Nhưng trao quyền luôn hàm chứa rủi ro, vì quyền lực hầu như luôn luôn bị lạm dụng.

Sau những thử nghiệm với chế độ tù trưởng, dân đảo quyết định lập ra một Chính phủ chịu trách nhiệm trước toàn dân, đồng thời bị hạn chế trong quyền lấy đi những tự do kinh tế vốn đã làm nên sự thịnh vượng ban đầu ở đảo. Người ta quyết định rằng dân đảo sẽ bầu ra 12 Nghị sĩ, trong đó có một Chủ tịch Nghị viện với thẩm quyền hành pháp.

Để bảo vệ hòn đảo chống lại sự xâm lăng từ bên ngoài, Nghị viện thành lập và giám sát một lực lượng hải quân, gồm một đoàn chiến thuyền với gươm giáo sẵn sàng.

Để ổn định xã hội, bảo đảm cho mọi thành viên các quyền sống, tự do và sở hữu, Nghị viện cũng thành lập hệ thống tòa án để giải quyết các tranh

chấp, cùng một bộ máy cảnh sát để thi hành các phán quyết của tòa án.

Và để xúc tiến thương mại, Nghị viện cũng xây dựng và quản lý một hệ thống hải đăng trên đảo, giúp việc giao thông trên biển thuận lợi và an toàn hơn, tàu bè không bị va vào những bờ đá lởm chởm sắc nhọn của hòn đảo này.



Cuối cùng, để có thể duy trì hoạt động của bộ máy khiêm tốn nói trên, dân đảo đồng ý đóng một khoản thuế hàng năm, tất nhiên là đóng thuế bằng cá. Cá đóng thuế này được chuyển vào một tài khoản riêng của Chính phủ, cũng mở tại ngân hàng trên đảo. Nghị viện sẽ sử dụng tài khoản, hay số cá này để chi tiêu cho công việc của họ.

Do cư dân trên đảo vốn là những người hết sức độc lập, nhiều người sau đó lo ngại về việc đặt quá nhiều quyền hành vào tay một số quá ít cá nhân.



Để đảm bảo rằng các Nghị sĩ không quản lý và sử dụng tiền thuế một cách cầu thả, người ta soạn ra một hiến pháp nêu rõ những quyền được giao cho Nghị viện. Những quyền không được đề cập trong Hiến pháp là giao cho Nghị viện thì vẫn thuộc về nhân dân. Khi có tranh cãi về việc Nghị viện được hay không được phép làm gì, một Tòa án tối cao được thành lập để thi hành Hiến pháp, thực hiện cơ chế kiểm tra những tham vọng quyền lực của các Nghị sĩ.

Sau khi Hiến pháp đã được biểu quyết và thông qua, đảo quốc của chúng ta trở thành nước Cộng hòa Usonia ⁸.

Rất khôn ngoan, Chính phủ mới thành lập quyết định không sử dụng hết số cá thu thuế được. Họ dự trữ lại một phần, sẵn sàng trong trường hợp có một cơn bão tràn qua làm dân đảo không đi đánh cá được, hay phòng khi người Bongobia đến cướp phá...

Và mặc dù Chính phủ trả lương cho một số người nhất định, chẳng hạn những người gác đèn biển, cảnh sát, quan tòa, hải quân, mọi người đều hiểu rõ rằng những công việc này tồn tại là vì Chính phủ đánh thuế lên những người sản xuất trên đảo. Nếu những người đó không chịu lấy cá để nộp

thuế, lẽ nhiên các công chức của chúng ta cùng chẳng có gì để bỏ vô miệng!

Đến lúc này thì mọi việc dường như ổn thoả. Nhưng luôn luôn có chuyện trục trặc gì đó sẽ xảy ra....

KIỂM TRA THỰC TẾ

Do dân đảo hiểu rằng chỉ tiêu của Chính phủ cũng giống như chỉ tiêu của người đóng thuế, họ tin rằng chỉ có ai đóng thuế mới có quyền quyết định cách chi tiêu (*của Chính phủ - ND*). Kết quả là quyền bầu cử được hạn chế, chỉ áp dụng với những ai có đóng thuế mà thôi.

Người ta cũng hiểu rằng thuế làm giảm lượng tiết kiệm và hạn chế nguồn cung cấp vốn để đầu tư. Nhưng đa số mọi người nhất trí rằng những lợi ích thương mại có được từ việc an ninh được tăng cường, giao thông trên biển an toàn hơn, việc hệ thống tòa án giải quyết hữu hiệu các tranh chấp và đảm bảo thực thi các hợp đồng v.v... sẽ bù đắp cho các khoản tiết kiệm bị đánh mất nói trên.

ĐIỀU CÒN ĐONG LẠI

Thật đáng hổ thẹn là chẳng có mấy người Mỹ hiểu rằng đất nước này được hình thành dựa trên quan điểm hạn chế tối đa vai trò của Chính phủ. Chịu ảnh hưởng từ các lý thuyết triết học mang tính cải cách về tự do, lý trí và khoa học thịnh hành trong thế kỷ XVII và XVIII, những nhà lập quốc của chúng ta tìm cách xây dựng một kiểu quan hệ hoàn toàn mới giữa nhân dân và Chính phủ, theo đó quyền lực tối cao thuộc về cá nhân, những quyền của họ là bất khả xâm phạm.

Ngay sau chiến tranh giành độc lập, thay vì thành lập một Chính phủ quốc gia - điều mà nhiều người Mỹ không mong muốn - Hiến pháp Mỹ đã được ra đời như một cái chuồng được thiết kế hoàn hảo để ngăn cản “con thú” Chính phủ thoát ra ngoài và chạy lung tung! Không chỉ bảo vệ người dân trước Chính phủ, Hiến pháp còn bảo vệ quyền lợi của các nhóm thiểu số trước sự áp đặt của đa số.

Hiến pháp chủ định phân chia quyền lực thành các nhánh riêng biệt của Chính phủ liên bang để phân quyền thành nhiều tiểu bang, và quan trọng

nhất là ngăn chặn chính quyền liên bang chiếm bất kỳ quyền nào mà Hiến pháp đã quyết định là sẽ giữ lại.

Kết quả là Hoa Kỳ trở thành một nước mà các cá nhân được đảm bảo về tự do và sở hữu cá nhân, không bị ngăn cản trong việc sử dụng tài sản của bản thân theo những cách tùy ý. Việc những quyền đó không được áp dụng cho tất cả các thành viên của quốc gia mới này không hề làm giảm đi tính chất táo bạo của ý tưởng nói trên. Đây là điều chưa từng được luật hóa tại bất kỳ quốc gia nào khác trên thế giới.

Qua thời gian, dường như tầm nhìn này đang bị lu mờ. Trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế, nhiều người tin rằng Chính phủ cần tập trung thêm quyền lực, còn người dân có thể có ít tự do hơn. Không may là trong cuộc khủng hoảng hiện nay, xu hướng này lại được ủng hộ rất lớn.

Khi nỗ lực làm giảm đi những đau đớn của việc kinh tế suy thoái, chúng ta đã quên rằng *tự do hàm chứa rủi ro*. Nếu Chính phủ phải *chữa trị* mọi khó khăn, thì không ai thực sự có tự do nữa. Nếu chúng ta loại bỏ sự tự do để thất bại - có nghĩa là sự tự do được khai phá, mạo hiểm, trải nghiệm và thậm chí thất bại trong một lĩnh vực chưa từng có trước đây, hay chưa được cấp phép hay chưa được quy định theo luật pháp; thì chúng ta cũng đang loại bỏ sự tự do để đạt được thành công trong lĩnh vực này.

CHƯƠNG 9: CHÍNH PHỦ TRỞ NÊN SÁNG TẠO

Trải qua nhiều thế hệ, Chính phủ trên đảo quốc của chúng ta vẫn vận hành đúng theo kế hoạch. Các nhà lãnh đạo khôn ngoan và thận trọng nối tiếp nhau, luôn duy trì tốt sự tập trung vào việc thúc đẩy mở rộng kinh doanh và tiết kiệm cá nhân. Thuế được đánh ở mức có thể chấp nhận được, việc quản lý và điều tiết bằng luật lệ của Nhà nước đối với các ngành kinh doanh, sản xuất vẫn còn nhẹ nhàng. Khi sản xuất mở rộng, các doanh nghiệp kiếm được lợi nhuận, giá cả liên tục giảm và sức mua gia tăng. Sau vài thế hệ, hầu như gia đình nào cũng có xuồng riêng để sử dụng, vài gia đình còn có hai hay ba chiếc!

Lúc này, chỉ cần vài ngư dân làm việc hết mình là đủ khả năng đảm bảo nhu cầu lương thực cho hòn đảo, do đó lao động và tư liệu sản xuất được dành cho các mục tiêu khác. Trên đảo bắt đầu xuất hiện những ngành nghề và dịch vụ hoàn toàn mới, chưa từng có trong những ngày người dân phải dùng tay không bắt cá xưa kia. Các công ty trang trí lều, làm trống, thậm chí các pháp sư và thầy cúng bắt đầu xuất hiện và phát triển. Hòn đảo trở nên thịnh vượng đến mức ở bờ biển phía Tây đảo người ta đã khánh thành một nhà hát. vở kịch xuất sắc *The Fishman Cometh* ⁹ đã nhận những lời khen ngợi nhiệt tình.



Dần dần, một số Nghị sĩ đưa ra lập luận theo cảm tính rằng mối liên hệ giữa việc đóng thuế và quyền bầu cử theo Hiến pháp ban đầu là cực kỳ phi dân chủ! Theo tinh thần “tiến bộ”, hạn chế này bị người ta dỡ bỏ, từ đó “kết nạp” thêm một số lượng lớn cử tri hầu như không quan tâm gì đến việc chi tiêu ngân sách một cách thận trọng của Chính phủ.

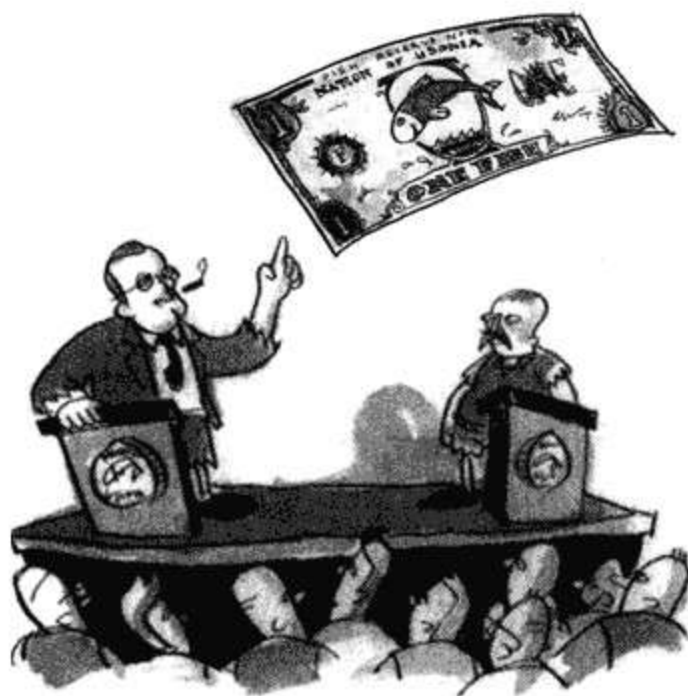
Khi danh sách trả lương trong bộ máy Chính phủ phình to cùng với quy mô nền kinh tế, vị trí thành viên Nghị viện đương nhiên trở nên danh giá và đáng kỳ vọng. Trước kia Nghị viện vốn chỉ là nơi tập hợp những người lớn tuổi và được trọng vọng nhất, một dạng Viện Nguyên Lão. Giờ đây, tổ chức này bắt đầu thu hút sự tham gia của những người giàu tham vọng, dám nghĩ dám làm thật sự.

Một trong những người có đầu óc cách tân, nhiều hy vọng trúng cử vào Nghị viện là Franky Deep, ông ta chú ý tới một xu hướng trong hành vi ứng

xử của con người có thể tạo đà cho ông vươn tới quyền lực.

Xu hướng đó, theo quan sát của Deep, chính là việc người ta nói chung đều thích “miễn phí”, ghét đóng thuế. Từ đó ông ta lên kế hoạch: nếu ông ta có thể nghĩ ra cách nào đó để làm như phát không cho dân đảo một thứ gì đó, ông ta sẽ giành được sự ủng hộ vô điều kiện của họ. Không may là mọi thứ Chính phủ có trong tay chỉ do thu thuế mà ra. Nghị viện đâu có bắt được chú cá nào! Có thu thì mới có chi, làm sao người ta có thể cho đi nhiều hơn những gì họ thu vào?

Nhưng rồi sau một cơn bão nhiệt đới tồ tẹt trên đảo, Ngài Franky đã đánh hơi thấy một cơ hội (Các chính trị gia dường như chẳng bao giờ bỏ phí cuộc khủng hoảng hay thảm họa nào bao giờ cả!).



Ông ta cao giọng diễn thuyết trước đồng bào: “Hỡi bà con, cơn bão vừa qua đã gây thiệt hại nặng nề cho tất cả chúng ta. Nhiều người dân đã trở nên tay trắng, không nhà không cửa. Chúng ta không thể chỉ ngồi yên mà không làm gì cả. Nếu trúng cử, tôi sẽ đưa ra một chương trình tái thiết của Chính phủ dành cho những người dân khó khăn nhất, giúp họ phục hồi

những thiệt hại do cơn bão gây ra”. Ông ta cam đoan với dân rằng chi phí tái thiết sẽ được bù lại bằng những hoạt động kinh tế mà việc chi tiêu đó tạo ra.

Đối thủ tranh cử của ông ta, ông Grouper Cleaver, lại chẳng đưa ra được gì ngoài việc cam kết hướng dẫn sử dụng hiệu quả nguồn tiết kiệm của hòn đảo, cũng như không can thiệp vào quyền tự do của công dân.

Và không ai ngạc nhiên khi Ngài Franky Deep trúng cử chức Chủ tịch Nghị viện!

Chiến thắng trong bầu cử của ông Deep chẳng hề thay đổi thực tế rằng hiện không có đủ lượng cá dự trữ để tài trợ cho kế hoạch chi tiêu mà ông ta đề xuất. Để giải quyết vấn đề này, Deep đi đến một kế hoạch khác. Chính phủ sẽ phát hành tiền giấy, gọi là Fish Reserve Note ¹⁰, người dân có thể dùng tiền này đem đổi lấy cá thật của Chính phủ, đang gửi ở tài khoản ở Ngân hàng Goodbank. Người dân có thể đem tiền giấy đổi lấy cá ngay lập tức, hoặc dùng tiền giấy để trao đổi lấy các hàng hóa dịch vụ hết như khi họ có cá thật trong tay vậy!

Cảm thấy rất khó chịu về việc này, Chánh án Tòa án tối cao trên đảo tham gia vào cuộc tranh luận và chỉ ra rằng Hiến pháp không hề cho phép Nghị viện quyền lấy tiền từ người này để sử dụng vì lợi ích của người khác, cũng như không có quyền phát hành tiền giấy thay cho cá thật.

Ông chủ tịch Nghị viện Franky Deep xử lý vấn đề này khôn khéo bằng cách đề cử ngay một “bồ tào” chính trị của mình vào một ghế thẩm phán trong Tòa án Tối cao. Bồi thẩm đoàn giờ đây hợp tác hơn với Nghị viện, ra tuyên với những khái niệm có thể được hiểu và diễn giải tích cực khác nhau qua nhiều thế hệ. Lý do là vì những vấn đề xã hội hiện tại có thể khác xa những gì mà cha ông chúng ta đã từng trải qua.

Thoạt tiên, cư dân đảo không thoải mái lắm với tờ giấy bạc mới Fish Reserve Note này. Họ đã quen trao đổi bằng những con cá thật sự. Nhưng chỉ một thời gian sau, tiền giấy đã chiếm được cảm tình của người dùng. Đa số mọi người phải thừa nhận rằng tiền giấy dễ mang theo hơn, mùi vị cũng bớt... tanh hơn!

Trong khi đó, những nhà tư vấn của Franky lùng sục khắp đảo để tìm kiếm những dự án đáng giá để tài trợ (tất nhiên là vẫn giữ tính khách quan khi chọn lựa!). Khi tìm ra dự án nào đảm bảo giành được sự ủng hộ của cử tri [11](#), họ liền tung tiền ra để triển khai dự án.



Giám đốc ngân hàng lúc này là Max Goodbank VII không cảm thấy thoải mái với công cụ tiền giấy mới. Ông ta cho rằng việc dễ dàng in thêm tiền sẽ tạo ra những động cơ nguy hiểm cho các Nghị sĩ. Tất nhiên, nếu Chính phủ vẫn duy trì đủ số cá tại ngân hàng Goodbank để sẵn sàng đổi lấy tiền giấy khi có yêu cầu từ người dân, thì ông chủ ngân hàng của chúng ta vẫn có thể “gối cao đầu mà ngủ”.

Không có gì ngạc nhiên khi sự tự tin của ông ta không kéo dài được bao lâu.

Chẳng bao lâu sau, Franky và “đồng bọn” đã tung ra thị trường nhiều tiền giấy hơn so với lượng cá mà Chính phủ đang có trong tài khoản tại ngân hàng. Khi ông giám đốc ngân hàng thấy dự trữ (của Chính phủ - ND) đang hụt đi, ông bèn đến gặp Nghị viện để rung lên hồi chuông báo động.

Max gào lên “Này Franky, ông hãy dừng việc in tiền lại đi. Hiện nay cứ mỗi 10 tờ tiền giấy mà người của ông in ra, tôi chỉ còn 9 con cá để quy đổi mà thôi! Nếu những người gửi tiết kiệm biết rằng hiện ngân hàng không

còn đủ số cá để trả lại cho họ khi cần, họ sẽ kéo đến hàng loạt để lấy cá về, và chúng tôi sẽ sạch trơn. Các ông phải dừng ngay việc phát hành tiền mới, đồng thời phải tăng thuế lên. Chúng tôi cần tăng dự trữ của ngân hàng trở lại”.

Franky và hai quân sư hàng đầu của ông ta là Hughey Humpback và Tad Anemone phá ra cười “Tăng thuế và cắt giảm chi tiêu hả, ý hay đó! ông bạn sẽ là một ứng cử viên sáng giá khi tranh cử đó nghe! Còn ý nào hay hơn không?”.



Goodbank giải thích: “Xin lỗi các ngài, song không còn cách nào khác. Khi dân đảo biết rằng gửi tiết kiệm vào ngân hàng là không an toàn, họ sẽ không tiết kiệm nữa. Họ sẽ quay trở lại tập quán giữ cá tại nhà. Khi đó sẽ chẳng còn nguồn vốn nào để chúng ta duy trì bộ máy hiện tại, chứ đừng nói chi đến việc tài trợ những dự án mới. Toàn bộ nền kinh tế sẽ sụp đổ!”.

“Nghe đây, ông bạn lo xa,” Franky đáp lại. “Chúng tôi đã nghĩ đến điều đó, và đã hình thành một kế hoạch. Tại sao mà người gửi tiết kiệm lại cần phải biết khoản tiết kiệm của họ đang co lại thay vì tăng trưởng?”.

Franky tiếp tục “Các chuyên gia tư vấn kinh tế của tôi tốt nghiệp từ trường Đại học mới của đảo quốc, nơi đó họ học chung với những nhà khoa

học hàng đầu. Những gì mà nhóm người này nghĩ ra thật đáng ngạc nhiên. Và họ thực sự đã “trúng quả”! Có lẽ đã đến lúc tôi cho anh biết một bí mật nho nhỏ. Nào, xin mời các chuyên gia kỹ thuật vào đây!”.

Ba nhà khoa học với áo choàng bước vào, mang theo ba con cá trông rất bình thường. Một người nói “Xem này, chúng tôi đã đi dọc theo bờ biển và những đồng rác, thu thập những con cá bỏ đi, nhất là những con mà phần đầu và đuôi còn nguyên vẹn. Các ông hãy xem điều kỳ diệu ngay sau đây!”.

Kế đó, trong làn khói mờ ảo, các kỹ thuật viên cắt xén, khâu, dán v.v... và bắt đầu làm ra một con cá mới từ những bộ phận khác nhau của những chú cá đã bị bỏ đi. Sau quá trình này, họ làm ra được 4 con cá từ 3 con lúc đầu! Cái vốn là rác rưởi trước đây nay đã trở thành những con cá y như thật!



Franky cho biết “Bí mật nằm ở keo dán, loại keo này không bao giờ bị bong ra. Lũ cá này sẽ có hình dạng chắc chắn mãi mãi, và bọn dân đen ngoài kia, ừm, ý tôi nói là người dân, sẽ chẳng thể nhận ra. Chúng tôi gọi những con cá mới làm ra này là “cá chính thức” và dùng chúng để trả cho

những người gửi cá vào ngân hàng trước đây. Dem lũ cá này vào kho của anh và vấn đề thiếu dự trữ tại ngân hàng sẽ biến mất!”.

Goodbank cứng người vì ngạc nhiên, rõ ràng trò bịp này quả thực rất ấn tượng. Một nụ cười xuất hiện trên môi ông ta. Ông ta đã chán ngấy cảnh phải từ chối khách hàng khi họ đến rút khoản tiết kiệm rồi. Chuyện đó chẳng vui chút nào, người ta gọi sau lưng ông chủ ngân hàng là “đồ keo kiệt”.

“Có lẽ đây là lối thoát cho mình”, ông ta thầm nghĩ. “Đây chính là cánh cửa dẫn ta đến sự nổi tiếng. Đầu tiên ta sẽ có cá, rồi quyền lực, rồi phụ nữ. Thật tuyệt!”.

Nhưng lý trí kéo ông ta lại. “Những người này đâu phải là ảo thuật gia. Cá không tự nhiên mà có. Tất cả những việc mà các ông nghị này làm chẳng qua là tạo ra những con cá giả bằng cách giảm giá trị các khoản tiết kiệm của hòn đảo xuống!”, ông ta cố lý luận với họ như vậy.

“Này, những người gửi tiết kiệm rồi sẽ khôn ra. Nhìn xem, con cá giả của quý ngài trông có vẻ bé hơn một con cá thật. Nói gì thì nói, dân đảo mình xưa nay quen ăn cá, và ai cũng biết rõ giá trị một con cá. Không dễ lừa họ được đâu!”.

Bằng giọng điệu ngoại giao nhất trần đời, Franky cố gắng trấn an Goodbank: “Chúng tôi có nghĩ đến điều đó. Lúc đầu, loại “cá chính thức” này sẽ không nhỏ hơn quá nhiều so với lũ cá thật. Cứ 9 con cá thật chúng tôi sẽ làm ra 10 con cá chính thức, do đó chúng chỉ nhỏ hơn cỡ 10% mà thôi. Ngoài ra (đây mới là phần quan trọng!) chúng tôi sẽ ban hành một đạo luật cấm người dân so sánh cá chính thức với cá thật!”.

Tad Anemone hòa theo “Đúng đó! Chúng tôi sẽ tuyên bố các nhà khoa học vừa phát hiện một loại dịch bệnh của cá chưa qua chế biến, sau đó yêu cầu mọi người phải giao nộp cá vừa đánh bắt để đổi lấy cá đã được khử khuẩn!”.



Các nghị sĩ và chuyên gia kỹ thuật chỉ ra rằng quá trình khử khuẩn (!) sẽ giải thích tại sao cá chính thức sẽ nhỏ hơn một chút!

Để ngăn người dân so sánh giữa cá chính thức và cá thật, đồng thời để tăng sản lượng cá, Nghị viện cũng quyết định lập ra một Bộ Ngư nghiệp, chịu trách nhiệm duy nhất về việc đánh bắt cá trên đảo.

Goodbank không chịu đựng thêm được nữa: “Không được đâu! Nếu người dân không tự mình đánh bắt cá mà dựa hoàn toàn vào Chính phủ, tổng sản lượng đánh bắt sẽ đi xuống. Rốt cuộc chúng ta sẽ không còn nguồn tiết kiệm cá nữa”.

“Làm sao anh biết chắc như vậy?”, Franky đáp lại. “Bộ Ngư nghiệp thuộc về làn sóng của tương lai. Chúng tôi chỉ giao Bộ này cho những người bạn thân nhất quản lý, đồng thời đưa ra những phần thưởng đặc biệt cho những công nhân nào thể hiện tinh thần làm việc tốt nhất. Hơn nữa, chúng tôi chỉ cần duy trì hoạt động của nó tới kỳ bầu cử tiếp theo mà thôi [12](#). Sau đó chúng tôi sẽ suy nghĩ về một kế hoạch dài hơi hơn, chắc chắn là như vậy”.

“Cùng lúc đó”, Hughey Humpback nói, “quy trình mở rộng việc đánh cá này sẽ giúp ngân hàng các anh có đủ cá để hoàn thành mọi nghĩa vụ nợ nần

hiện tại và trả tiền lãi trên số cá huy động được. Chúng ta sẽ còn có dư một lượng cá để chi tiêu theo những cách có lợi cho nhân dân nữa kìa!”.

Goodbank suy nghĩ thêm một lát. “Không được, việc này sẽ không hiệu quả. Người dân sẽ nhận ra. Họ sẽ lo lắng về các khoản tiết kiệm và đến rút những gì đang gửi tại ngân hàng về”.

“Chúng tôi cũng đã tính đến điều đó”, Franky giải thích. “Chúng tôi sẽ tuyên bố mọi khoản huy động cá tại ngân hàng đều được bảo lãnh bởi một cơ quan Chính phủ mới ra đời, gọi là Công ty Bảo hiểm Cá Tiết kiệm Ký gửi (Fish Deposit Insurance Corporation, viết tắt là FDIC [13](#)). Khi người dân biết rằng Nghị viện đứng sau lưng những khoản tiết kiệm được huy động của họ, liệu ai còn đến rút cá về nữa? Khi đã có công ty bảo hiểm, những người gửi cá sẽ cho rằng chúng ta đang bảo vệ khoản tiết kiệm của họ ngay cả khi thực tế là chúng ta đang... đánh cắp giá trị của khoản tiết kiệm đó”.

“VẬY THÌ, anh bạn Max thân mến”, Franky ngả người ra trước và thân mật ôm vai ông giám đốc ngân hàng, “Anh hợp tác với chúng tôi chứ?”.

Goodbank bị cảm dỗ cùng nhập bọn với những *nhà cải cách* này, nhưng ông ta bỗng thấy ớn lạnh. Trong khi các chính trị gia lo tới khả năng vỡ nợ và hình ảnh cá nhân của họ, ông giám đốc ngân hàng lại quan tâm hơn đến giá trị của những con cá.

“Tuyệt đối không được!”, ông ta gào lên. “Đó là trò lừa đảo. Nếu có nét nào chung giữa những ông nghị như các ngài, thì đó là sự không trung thực. Tôi sẽ đóng cửa ngân hàng và nói với dân chúng rằng họ nên giữ cá ở nhà trước khi tôi chấp nhận đề nghị này”.



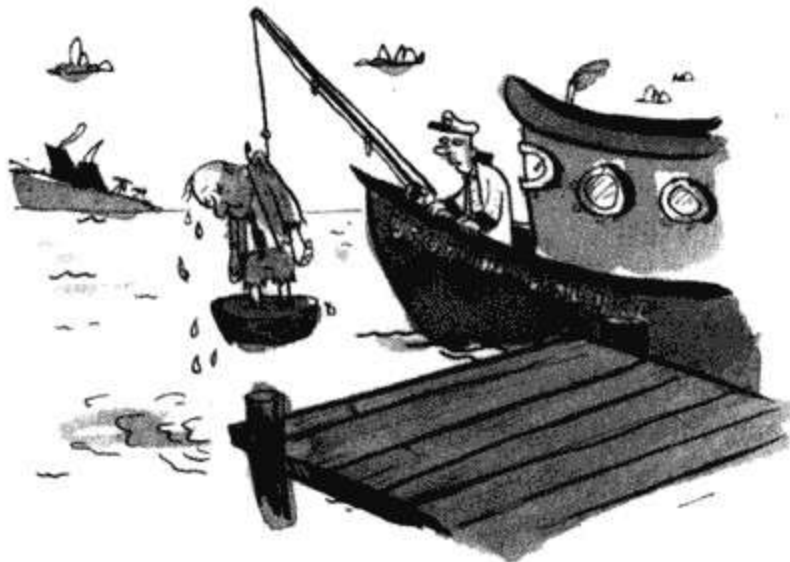
Các nghị sĩ chỉ ngó quanh và nhún vai trước sự phẫn uất của Goodbank, sau cùng họ không chịu nổi nữa. Franky gọi đội cảnh vệ đến, ông ta thăm thì mấy câu vào tai viên chỉ huy. Thế rồi Goodbank bị lôi ra ngoài bất chấp việc ông này la hét giãy giụa, những lời nói của ông hoàn toàn không được ai nghe!

Franky nói “Thằng cha này không chịu theo ta, bực mình thật! Thôi mời Ally Greenfin [14](#) đến đây!”.

Franky bổ nhiệm Greenfin làm giám đốc mới của ngân hàng, với chỉ thị nghiêm khắc rằng ông này phải hết sức triển khai kế hoạch mở rộng “cá” như đã nêu trên. Ngoài ra, Ngân hàng Tiết Kiệm và Cho Vay Goodbank nay sẽ được gọi là Ngân hàng Dự trữ Cá (Fish Reserve Bank [15](#)).

Sáng hôm sau, xác của Max Goodbank VII - nhà ngân hàng được tín nhiệm của hòn đảo - được tìm thấy mắc vào một via san hô ngầm ngoài

khởi. Cái chết được kết luận là do những nguyên nhân... tự nhiên! Những bài điều trần “đắm nước mắt” vang lên từ những dinh thự to nhất trên đảo. Chủ tịch Nghị viện Franky yêu cầu tổ chức một tang lễ cực kỳ trang trọng.



Còn bây giờ, với Ally Greenfin là Chủ tịch Ngân hàng Dự trữ Cá, kế hoạch của họ được đẩy mạnh đến mức tối đa. Quá trình chuyển đổi từ cá thật thành cá chính thức diễn ra...

ĐIỀU CÒN ĐONG LẠI

Như đã bàn ở phần trên, Hoa Kỳ từng trải qua thời gian dài giảm phát trong hầu hết chiều dài lịch sử của đất nước này. Đến năm 1913, Hệ thống Dự trữ Liên bang (Fed) ra đời. Hệ thống này phát hành tiền giấy (dollar Mỹ) với cam kết thanh toán vàng cho người nắm giữ dollar bất kỳ khi nào được yêu cầu. Dollar của Fed thay thế những giấy bạc ngân hàng do các ngân hàng tư nhân bấy giờ phát hành, cũng với những cam kết tương tự. Nhưng ngay khi Fed xuất hiện trên vũ đài, giá cả bắt đầu liên tục gia tăng.

Thoạt tiên, Fed được giao sứ mệnh thiết lập một “nguồn cung tiền linh hoạt”. Ý tưởng ở đây là Fed có thể mở rộng hay thu hẹp lượng cung tiền trong lưu thông sao cho tương ứng với tình hình kinh tế. Người ta nghĩ rằng những can thiệp kiểu này sẽ giúp giữ giá cả ổn định cả trong điều kiện nền kinh tế phồn vinh hay suy thoái.

Ngay cả nếu chúng ta đồng ý rằng sứ mệnh ban đầu đó là đúng đắn, dễ dàng nhận ra rằng Fed đã thất bại một cách cay đắng trong nhiệm vụ cơ bản này.

Qua một thế kỷ trở lại đây, đồng dollar Mỹ đã mất đi hơn 95% giá trị của nó. Quá nhiều so với cái gọi là “sự bình ổn giá cả”! Sự thật là ngày nay Fed chỉ tồn tại vì một mục đích duy nhất, đó là cung cấp sự lạm phát cần thiết để Chính phủ có thể chi tiêu nhiều hơn số tiền thuế mà họ thu được.

Trong thời kỳ Đại Suy Thoái, Tổng thống Roosevelt quyết định phá giá dollar so với vàng. Để thực hiện việc này, Chính phủ phải kiểm soát toàn bộ thị trường vàng, và đã có lúc Chính phủ quy định việc sở hữu tiền vàng là bất hợp tác. Sau đó, khả năng đổi tiền giấy lấy vàng bị hạn chế dần, đầu tiên chỉ áp dụng cho các ngân hàng, rồi chỉ áp dụng cho các ngân hàng nước ngoài, và cuối cùng là... xóa bỏ hoàn toàn!

Chúng ta giờ chỉ còn một đồng tiền không có giá trị thực, được phát hành bao nhiêu tùy thích. Điều đó khiến Chính phủ chẳng bao giờ gặp khó khăn gì trong việc chi tiêu và thuế má, đồng thời đưa chúng ta đi đến chỗ phá huỷ hoàn toàn giá trị còn lại của đồng dollar Mỹ.

Những ông nghị không thể tin vào vận may của mình. Giờ đây họ có thể đưa ra những hứa hẹn khi tranh cử và chi tiêu tùy ý. Chẳng có lý do gì để cân bằng ngân sách hay tăng thuế để có tiền chi tiêu.

CHƯƠNG 10: CHÚ CÁ TEO LẠI

Thế là hàng năm Chính phủ đều in ra số tiền giấy nhiều hơn lượng cá mà ngân hàng đang có để đem ra đổi cho người cầm tiền khi họ yêu cầu. Khi lượng tiết kiệm gửi vào ngân hàng giảm đi, các kỹ thuật viên về cá thực hiện phần việc của mình ¹⁶. Toàn bộ quá trình này thực sự độc hại. Bất chấp tính khẩn thiết của việc cần phải văn hồi trật tự và quay trở lại với con đường phát triển bền vững, sự thực là các nghị sĩ không thể nào làm khác được.

Một số dự án do Chính phủ tài trợ có làm lợi cho một số người. Hải quân có thêm nhiều chiến thuyền lớn, ngăn chặn dân Bongoia qua đánh phá. Một hệ thống đường bộ dành cho xe thô cũng khiến giao thông thuận lợi hơn. Trong khi đó, lợi ích của những dự án gây nhiều tranh cãi như dự án Đá Sạch (thuê người lau chùi các tảng đá dọc bờ biển sao cho sạch sẽ, sáng bóng!) thì rất khó lượng hóa. Tuy nhiên, việc hòn đảo có thật sự cần những hòn đá bóng loáng này hay không vẫn chẳng làm giảm đi sự ủng hộ dành cho dự án này, đặc biệt là từ những ai kiếm được việc làm tại đây.



Đồng thời, cơ quan mới thành lập là Bộ Ngư nghiệp bắt đầu xúc tiến công việc. Bộ này đưa ra gói lương bổng hấp dẫn nên dễ dàng tuyển dụng được người lao động. Những người có được việc làm ổn định tại đây đương nhiên rất vui lòng ủng hộ khi bầu cử cho những ông nghị hảo tâm của họ.

Nhưng dưới bề mặt dường như an bình ấy, có những vấn đề thật sự đang âm ỉ...

Do không có động cơ cá nhân trong việc chấp nhận rủi ro và kiếm lời, Bộ Ngư nghiệp không thể trở thành hình mẫu về hiệu quả đánh bắt cá trên đảo.

Tỷ lệ tăng trưởng sản lượng cá đánh bắt được không cao bằng tốc độ cung tiền mà Nghị viện đã đưa vào lưu thông.

Chẳng mấy chốc số giấy bạc phát hành đã trở nên quá nhiều, khiến các kỹ thuật viên phải tăng tỷ lệ quy đổi: từ 9/10 biến thành 4/5, tức là một con cá chính thức nay nhỏ hơn 20% so với cá thật.



Rồi sau đó, khi vẫn là chưa đủ, tỷ lệ quy đổi tiếp tục giảm xuống còn 2/3, và cuối cùng là 1/2.

Khi những con cá chính thức ngày một nhỏ đi, dân đảo rõ ràng không thể sống chỉ với 1 con cá hàng ngày. Đa số mọi người phải ăn 2 con cá một ngày mới đủ no.

Do cá được dùng như tiền, nên giá cả của mọi thứ phải tăng theo để tương ứng với giá trị dinh dưỡng đang giảm đi của cá. Thế là vấn đề khó chịu về “lạm phát cá [17](#)” ra đời. Hiệu quả sản xuất trước kia là cái làm giá cả giảm đi, còn lạm phát do Chính phủ tạo ra ngày nay lại làm giá cả tăng lên!



Điều lạ lùng là không ai đồng ý với nhau về nguyên nhân giá cả leo thang. Ally Greenfin bèn đưa ra một lý thuyết cần thiết.

“Lạm phát cá”, ông ta tuyên bố, “là do một hiện tượng được gọi là sức đẩy chi phí - giá cả - cá”, ông ta cho rằng tỷ lệ việc làm cao (một phần bởi những công việc do những dự án của Chính phủ tạo ra) cùng với một nền kinh tế mạnh mẽ sẽ tạo ra nhu cầu lớn hơn về cá, khiến giá cả gia tăng.



Để chứng minh cho sự thịnh vượng, Greenfin lưu ý rằng đa số dân đảo ngày nay đang ăn số cá nhiều gấp đôi so với cha mẹ của họ trước đây!

Greenfin cũng cảnh báo rằng nếu không có sự kích thích của quá trình lạm phát cá một cách thường xuyên, người dân sẽ mất đi sự thèm ăn, dừng nhu cầu về cá, khi đó nền kinh tế của đảo sẽ co lại. Ông ta cũng đưa ra lý thuyết là mức lạm phát cá khoảng 1,5 bụng cá hàng năm sẽ là tối ưu ¹⁸. Để kết luận, ông ta nói lạm phát cá là cần thiết để tăng trưởng kinh tế.

Franky hồ hởi: “Lập luận giỏi lắm, Ally. Với tài hùng biện, anh hoàn toàn có thể khiến một con cá nhảy ra khỏi thùng cá!”. Nhưng chẳng ai nghĩ đến chuyện vạch mặt chỉ tên Chính phủ, nguyên nhân thực sự của lạm phát.

Với một tấm séc trắng muốn ghi bao nhiêu thì ghi, Chính phủ tiếp tục phỉnh phờ dân chúng bằng việc phát hành càng lúc càng nhiều tiền giấy. Theo đó, những con cá chính thức tiếp tục teo lại về kích cỡ, giá trị ngày càng giảm. Đương nhiên giá cả và lương bổng vì thế phải tăng lên. Tuy trong một vài năm người ta có thể không chú ý tới lạm phát cá vì năng suất tăng lên, song có 2 điều chắc chắn: cá không bao giờ lớn trở lại, giá cả không bao giờ đi xuống!

Khi lạm phát cá trở nên nhanh hơn, người dân bắt đầu nhận ra rằng những con cá họ rút ra từ ngân hàng nhỏ hơn so với khi họ ký gửi trước đây. Vì thế, bất chấp tiền lãi nhận được, người ta bắt đầu tiết kiệm ít đi, một số người không tiết kiệm nữa. Thay vào đó, cá được tiêu dùng nhanh hơn do mọi người sợ rằng giá trị của chúng ngày càng giảm do giá cả gia tăng.

Gánh nặng thực sự của lạm phát cá rơi xuống đầu những người đã về hưu. Những người từng ký gửi cá tại ngân hàng khi họ còn làm việc nay nhận ra rằng để tồn tại, họ phải ăn 2-3 con cá mỗi ngày. Số cá tiết kiệm mà họ từng tính toán sẽ nuôi sống họ trong 20 năm, nay tan biến chỉ sau 4 hay 5 năm.

Do lạm phát làm giảm tiết kiệm, các khoản ký gửi tại ngân hàng cũng co lại. Kết quả là không còn nhiều nguồn vốn để tài trợ cho các dự án đầy hứa hẹn hay vực dậy những doanh nghiệp khó khăn. Trong tình hình đó, doanh nghiệp phải cắt giảm quy mô, sa thải nhân công. Để chống lại ảnh hưởng

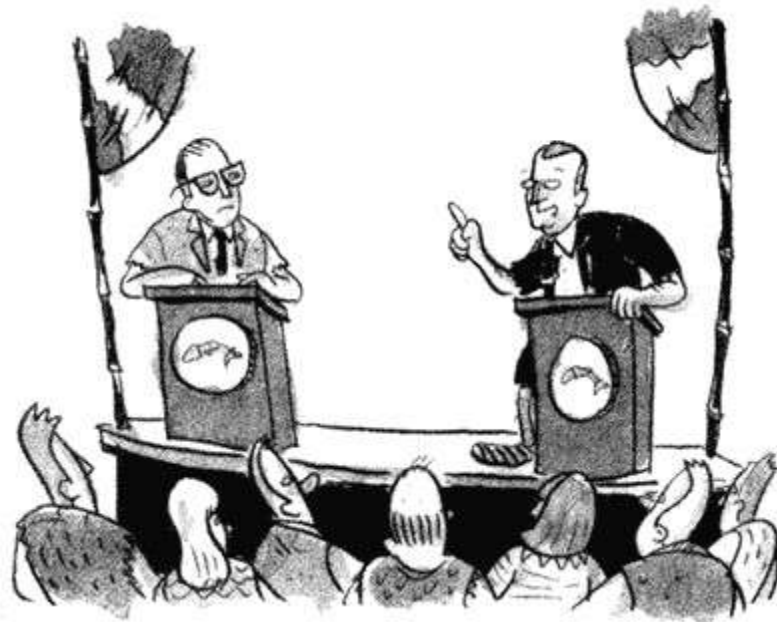
của lạm phát, ngày càng có nhiều người tìm đến sự đầu tư rủi ro cao trong quỹ Manny Fund, với hy vọng có lợi nhuận cao để bù lại cho những mất mát kể trên.

Khi thất nghiệp cao tới mức báo động, người dân đòi hỏi Chính phủ phải làm một điều gì đó.

Nghị viện cố gắng đảm bảo việc làm bằng cách đưa ra những hạn chế chặt chẽ về lương, cũng như các điều kiện tuyển dụng và sa thải nhân viên. Những hạn chế này khiến kinh doanh càng khó khăn hơn, hạn chế khả năng phát triển của các doanh nghiệp.

Thời gian trôi qua, một nghị sĩ khác là Lindy B. lại nhìn ra một cơ hội thắng cử nữa, lần này là với chương trình Đại Xã hội. Lindy cam kết rằng nếu trúng cử ông ta không chỉ trang bị thêm những ngọn giáo lớn hơn cho hải quân mà còn vực dậy nền kinh tế bằng cách cấp trợ cấp thất nghiệp (bằng tiền) cho toàn bộ người lao động bị mất việc tạm thời.

Đối thủ của Lindy là Buddy Goldfish, ông này chẳng hứa hẹn gì ngoài sự quản lý thận trọng nguồn tiết kiệm của hòn đảo, bảo vệ tự do kinh tế của người dân. Quan trọng hơn, Buddy cho rằng hòn đảo không thể kham nổi chi phí của một chương trình hoang phí kiểu “giáo và cá” như những gì Lindy B. đề xuất.



Chẳng có gì lạ khi ông nghị Lindy thắng cử với ưu thế tuyệt đối!

Và thế là quá trình trên lại tiếp tục. Tiền giấy tiếp tục được in ra mỗi lúc một nhiều, còn đoàn thuyền đánh cá trở về với càng ngày càng ít hơn những con cá thực thụ.

Khi cá chính thức chỉ còn bằng một phần mười cá thật, ngay cả Ally Greenfin cũng hiểu là ông ta không thể làm hơn được nữa. Khi kho cá của ngân hàng chỉ còn là những đồng xương cá, ông ta lao đến Nghị viện và đề nghị triệu tập một cuộc họp khẩn cấp.

ĐIỀU CÒN ĐONG LẠI

Một trong những lý do khiến các nhà kinh tế rất thành công trong việc che giấu nguồn gốc của lạm phát là việc họ đã bỏ qua chính định nghĩa của thuật ngữ này. Hầu như tất cả mọi người tin rằng giá cả tăng là lạm phát. Do đó nếu giá không tăng, sẽ không có lạm phát.

Nhưng giá tăng chỉ là kết quả của lạm phát mà thôi. Lạm phát thực ra là sự gia tăng của lượng cung tiền.

Bất kỳ cuốn từ điển nào xuất bản trước năm 1990 đều định nghĩa lạm phát là một sự gia tăng của lượng cung tiền. Các ấn bản sau này đã thận trọng hơn khi định nghĩa lạm phát. Nhưng nếu hiểu đúng định nghĩa của lạm phát, bạn sẽ biết là giá cả có thể không tăng hay thậm chí giảm đi, mà lượng cung tiền vẫn tăng.

Trong thời kỳ suy thoái, người ta sẽ khôn ngoan dừng chi tiêu lại. Khi mọi người dừng chi tiêu, nhu cầu và giá cả đều giảm. Nhưng đôi khi những yếu tố này được bù lại bằng việc gia tăng cung tiền, làm giảm đi giá trị của tiền. Khi xảy ra lạm phát trong suy thoái, giá có thể tăng (nếu nhà máy in tiền của Chính phủ làm việc đủ nhanh!), có thể giữ nguyên hay thậm chí giảm ít hơn so với khi không có lạm phát.

Tuy nhiên, trong suy thoái giá cả cần phải giảm để tái cân bằng nền kinh tế. Suy thoái phải mang tính chất giảm phát. Giá cả giảm sẽ làm nhẹ bớt tác động của thất nghiệp. Các nhà kinh tế hiện đại, bằng cách nào đó, lại xem giá giảm là địa ngục dẫn tới việc tàn phá nhu cầu. Họ quên rằng khi giá cả giảm đủ sâu, người dân sẽ chi tiêu trở lại. Quá trình này giúp giải phóng

lượng hàng hóa tồn kho không cần thiết, tạo điều kiện cho giá cả giảm xuống mức phù hợp với cung và cầu.

Bằng cách giữ giá cao một cách giả tạo, lạm phát sẽ ngăn cản quá trình vừa nêu.

Các Chính phủ ngày nay rất linh hoạt trong việc chống lại suy thoái bằng cách in thêm tiền. Nếu họ đi quá xa, họ sẽ tạo ra tình trạng lạm phát và suy thoái cùng một lúc, dẫn đến một tình trạng gọi là “lạm phát đình đốn” (stagflation) đã nở rộ trong những năm 1970. Với việc cố tình lãng quên tình trạng này trong những năm 1970, các nhà kinh tế ngày nay khẳng định rằng lạm phát và thất nghiệp không thể cùng tồn tại. Họ lập luận rằng khi người ta mất việc làm, lượng cầu sẽ giảm; nhưng họ quên mất vế còn lại của đẳng thức. Khi thất nghiệp tăng, ít người làm việc hơn, hàng hóa sẽ được sản xuất ra ít hơn, làm giảm tổng cung. Khi hàng hóa khan hiếm, giá cả sẽ tăng. Đổ thêm tiền vào sẽ làm giá cả tiếp tục tăng thêm.

CHƯƠNG 11: SỢI DÂY CỨU HỘ TỪ XA

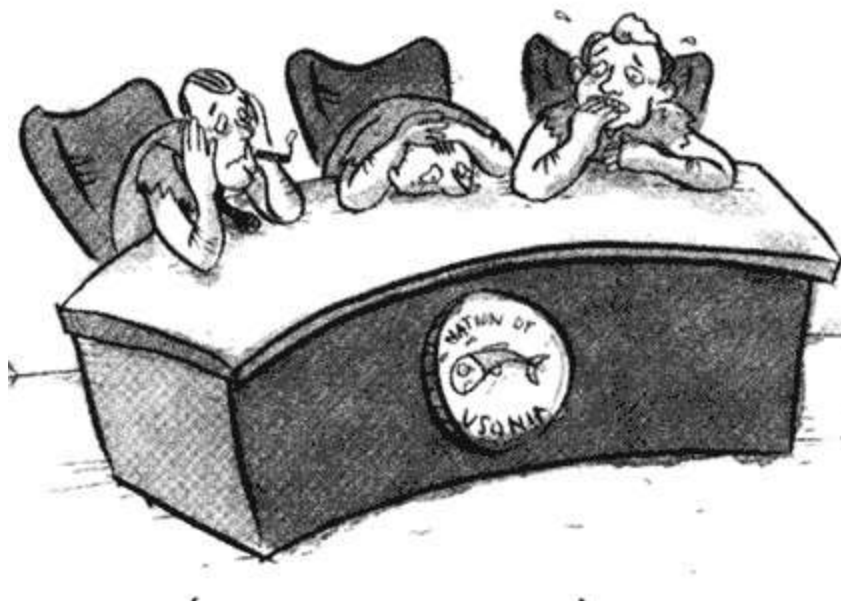
Khi các nghị sĩ họp lại, Greenfin tuyên bố rằng ông ta đã hoàn toàn “bó tay”: ngân hàng chẳng còn con cá nào cả. Một số nghị sĩ đề xuất nói toàn bộ sự thật cho người dân, nhưng ý kiến này không được ủy ban tán thành. Lindy tìm kiếm những câu trả lời tốt hơn.

Ông ta đề nghị nhà kinh tế lỗi lạc của hòn đảo, ông Brent Barnacle, tiếp quản ngân hàng.

Barnacle khẳng khái nói “Không có vấn đề gì đâu, thưa Ngài. Tình hình hiện nay là các công dân của chúng ta đã mất lòng tin. Nhưng nếu chúng ta chi tiêu nhiều hơn bằng những đồng tiền giấy của chúng ta (giấy bạc của Ngân hàng Dự trữ Cá), chúng ta có thể lấy lại niềm tin đã mất đó, và người dân sẽ chi tiêu trở lại. Thậm chí nếu cần thì tôi có thể lấy... lá cọ làm tiền cũng được nữa kìa!”.



Một vài nghị sĩ cảm thấy hơi bối rối. Dù chẳng có ai trong số họ được học hành về kinh tế bài bản như Barnacle, một số mơ hồ cảm thấy rằng mọi vấn đề đều phát sinh từ việc chi tiêu quá nhiều. Buddy Goldfish cố gắng giải thích, song chẳng ai nghe ông ta cả.



Thật may mắn, khi sự lựa chọn đầy khó khăn này được số mệnh ngăn lại kịp lúc. Ngay lúc đó, cánh cửa phòng họp bật tung, một viên đại sứ của hòn đảo này tại một nơi xa xôi bước vào cùng một nhóm người có hình dạng vô cùng kỳ dị.

Viên đại sứ này vừa phát hiện ra một hòn đảo tên là Sinopia ở vùng biển xa xôi về phía Đông, nơi đây dân đảo vẫn hoàn toàn bắt cá bằng tay. Không được hưởng lợi từ nền kinh tế phát triển và tự do, đảo Sinopia đang nằm dưới sự cai trị độc đoán của một vị vua, ông này buộc họ phải trải qua những thử nghiệm kỳ quái về cấu trúc xã hội, hết đợt này đến đợt khác.



Ở Sinopia, mọi người dân đều phải đi bắt cá, song cá lại không thuộc sở hữu của họ, mà phải nộp cho vua. ông vua sẽ quyết định ai sẽ được lĩnh cá mang về nhà.

Nhận thấy ngư dân phần nào chệnh mảng, vị vua bèn ra lệnh khi bắt cá, mọi người phải... đồng thanh hát những bài ca ái quốc. Ai quên lời bài hát, hay hát sai nhạc sẽ bị phạt nhin đói cho tới khi hát đúng và đều mới thôi.

Tuy cơ chế này không kiếm ra được nhiều cá nếu tính theo trung bình đầu người, song những kẻ nắm quyền lại chiếm được phần lớn trong số cá đánh bắt được. Trong khi nhà vua và quần thần ăn uống xa hoa với toàn hải sản, thì một cư dân trung bình tại Sinopia chỉ có khoảng nửa con cá để ăn trong một ngày mà thôi.

Cũng như Usonia thời kỳ trước khi tư liệu sản xuất phát triển, đảo Sinopia hiện cũng không hề có tiết kiệm, ngân hàng, tín dụng và kinh doanh. Theo góc nhìn từ những người Usonia thì nền kinh tế Sinopia vẫn đang thuộc “đêm trường Trung cổ”.

Tuy nhiên, ông vua xứ Sinopia cũng đủ khôn ngoan để nhận ra rằng cứ thế này thì hòn đảo của ông ta chẳng phát triển gì được cả. Sau khi nghe nói

về đảo Usonia, ông vua này rất ấn tượng trước mức sống cao của người dân, cũng như hệ thống ngân hàng, tín dụng và thương mại tiên tiến tại đây. Ông ta quyết tâm mang lại mức độ thịnh vượng tương đương cho thần dân của mình.



Sau khi nghiên ngẫm cách thức vận hành của nền kinh tế trên đại dương, nhà vua ngỡ rằng chìa khóa thành công chính là việc sở hữu tiền giấy do Ngân hàng Dự trữ Cá phát hành.

Thực sự mà nói, nhà vua cũng nhận ra rằng tiền giấy của Usonia được sử dụng trên toàn bộ đại dương. Người Bongobia chấp nhận loại tiền này để thanh toán cho sản phẩm trống bongô, còn dân đảo Dervishia thì nhận tiền để đổi lại các sản phẩm dầu dừa của họ.

Nhận ra rằng việc sở hữu tiền giấy Usonia khiến hòn đảo của mình tiếp cận nhiều hơn với nền kinh tế đại dương, viên đại sứ Sinopia tại Usonia đề

ngộ đem số cá mà cư dân trên hòn đảo của ông ta kiếm được đổi lấy những tờ giấy bạc do Ngân hàng Dự trữ Cá phát hành.

Các ông ngộ của chúng ta nhìn chăm chăm vào phái đoàn Sinopia với vẻ hoài nghi, sau đó lại nhìn nhau... Liệu mọi việc có thể quá dễ dàng suôn sẻ như thế này không? Có người sẵn lòng mang cá tươi đến đây để đổi lấy... một mớ giấy lộn hay sao?

Nhưng không chần chừ gì nữa, Lindy B. bước lên trước và chấp nhận lời đề nghị của những người đến từ Sinopia. Usonia sẵn lòng mở cửa thị trường nội địa để nhập khẩu cá từ Sinopia. Tiện đây, ông ta hỏi luôn, bao giờ thì các quý Ngài có bắt đầu giao cá cho chúng tôi?

Tuy nhiên, trước khi ký giao kèo, vị đại sứ Sinopia cũng yêu cầu bên Usonia tái đảm bảo với họ rằng tiền giấy Usonia luôn có giá trị thực.



Lindy B. cam đoan “ Xin các Ngài an tâm. Bất cứ khi nào muốn đổi những tờ giấy bạc này ra cá thật, xin cứ đến ngân hàng của chúng tôi. Hãy nhìn xem, có vẻ gì là chúng tôi thiếu cá không ạ?”.

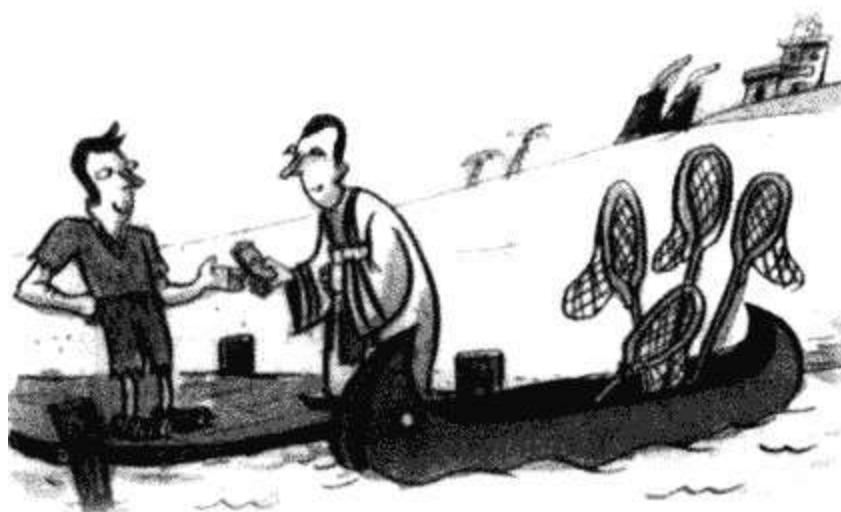
Thế là hiệp ước giữa hai hòn đảo được ký kết, người Sinopia đem cá đến giao cho Usonia. Để thanh toán, Nghị sĩ Lindy giao cho đối tác hai va li đầy tiền mới in, cẩu cạch! Không thể nhịn được tiếng cười khùng khục trong cổ họng, ông ta dặn với theo: “Cẩn thận giữ gìn số tiền này nhé, thưa quý ông. Không dễ có được chừng này tiền đâu đấy!”.

Quay sang ông giám đốc ngân hàng, ông ta nói “Này ông bạn Barnacle, hãy cho người mang cá về kho ngân hàng đi, để chúng ta còn mở cửa giao dịch”.

Viên giám đốc ngân hàng nay đã hoàn toàn cảm thấy thoải mái: “Không có vấn đề gì đâu, thưa Ngài. Tôi có một đội kỹ thuật viên đang sẵn sàng làm việc. Họ sẽ mau chóng xử lý số cá này, và những người ký gửi cá trước kia hôm nay sẽ nhận được phần cá của họ nếu muốn. Và khác với hôm qua, cá hôm nay tất nhiên sẽ có rất nhiều thịt chứ không chỉ toàn là xương!”.

Thế là một chương mới trong lịch sử kinh tế của Usonia ra đời. Mỗi ngày đảo Sinopia lại chuyên chở tới đây một xuồng đầy cá để ký gửi, và đổi lại, họ nhận được một đồng tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Cá.

Vấn đề chính với người Sinopia bây giờ là họ sẽ làm gì với số giấy bạc này. Cách tốt nhất là dùng tiền để mua những hàng hóa do dân Usonia chế tạo ra. Tất nhiên, dân Usonia là những người chế tạo lưới đánh cá giỏi nhất, mà Sinopia thì cần những bộ lưới tốt để cải tạo hiệu suất đánh cá. Hãng sản xuất lưới mang tên Able Net Company luôn nhận được những đơn đặt hàng lớn.



Sau khi mua hàng hóa xong, người Sinopia vẫn còn dư lại một lượng tiền giấy. Do trên đảo của họ chưa có hệ thống ngân hàng, họ quyết định ký gửi phần thặng dư thương mại này tại chính Ngân hàng Dự trữ Cá, bởi để tiền tại đây thì ít ra họ còn được trả tiền lãi.

Những giao dịch kể trên là một cú hích lớn để thúc đẩy kinh tế Usonia. Không chỉ nhu cầu từ bên ngoài thúc đẩy nền kinh tế nội địa, mà việc ký gửi số cá của người Sinopia đã làm tăng khả năng cung tín dụng. Lúc này, bất chấp việc người Usonia đã chi tiêu nhiều hơn những gì họ tiết kiệm được, vẫn còn có rất nhiều cá có thể đem cho vay với lãi suất thấp.

Do đã có thêm nhiều cá thật (từ Sinopia) để đắp thêm thịt vào những con cá chính thức, vấn đề lạm phát cá của Usonia biến mất. Khi những chú cá béo tốt hơn, giá cả ngừng tăng và mức sống tại Usonia một lần nữa lại gia tăng.



Trong khi đó, tình hình ở Sinopia cũng thay đổi.

Nhà vua Sinopia, tuy trẻ, nhưng đã nhận ra những khiếm khuyết chết người trong mô hình kinh tế tại đảo quốc này. Nếu phải nộp toàn bộ số cá bắt được thì dân đảo sẽ không chịu đánh bắt cá nữa. Nhận ra điều đó, nhà vua đưa ra một chính sách rất mới khi mua được lưới đánh cá từ Usonia: những ai mua lưới từ hoàng cung sẽ được phép giữ lại số cá dôi dư khi đánh bắt. Chẳng có gì lạ khi sau đó hoạt động đánh bắt cá của người Sinopia sôi nổi hẳn lên.

Người Sinopia khôn ngoan sử dụng khoản tiết kiệm tích lũy của họ để đầu tư vào tư liệu sản xuất, mở rộng sản xuất. Các doanh nhân Sinopia theo chỉ đạo của nhà vua và sản xuất ra những hàng hóa có thể đem bán để thu tiền giấy Usonia. Do người Usonia nắm giữ loại tiền này, nên các nhà máy mới tại Sinopia hoàn toàn tập trung sản xuất những loại hàng mà dân Usonia có nhu cầu.

Do cuối cùng đã có động lực cá nhân, chẳng mấy chốc người Sinopia đã tích lũy tiết kiệm và mở rộng được sản xuất. Kết quả là các doanh nhân Sinopia nay đã có thể mở nhà máy sản xuất những hàng hóa khác như ly tách, chén đĩa v.v... Và tuy đa phần người dân ở Sinopia vẫn chưa có những

hàng hóa nói trên, các doanh nghiệp lại tiếp tục bán hàng sang Usonia, để thu về những tờ giấy bạc của Ngân hàng Dự trữ Cá.

ĐIỀU CÒN ĐỘNG LẠI

Bao năm qua các nhà kinh tế đã đánh giá sai mối quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc. Đa số họ cho rằng đây là mối quan hệ mà hai bên cùng có lợi: Mỹ có được những sản phẩm giá rẻ, những khoản vay giá rẻ, trong khi Trung Quốc có được việc làm trong ngành chế tạo. Nhưng liệu một sự sắp xếp như vậy thực sự có lợi cho cả hai bên?

Người Mỹ hưởng lợi: họ có hàng hóa mà không phải sản xuất, họ vay tiền và không cần tiết kiệm, về phần mình, người Trung Quốc phải làm việc mà không được tiêu xài những gì họ đã sản xuất ra.

Thế thì lợi ích là ở đâu?

Đa số các chuyên gia kinh tế đương đại cũng không nhận ra mức độ của việc lãi suất thấp tại Mỹ là do mức tiết kiệm cao ở nước ngoài. Hãy nhớ một điều căn bản: **để có tiền cho vay, phải có ai đó tiết kiệm**. May cho nước Mỹ là nền kinh tế toàn cầu tạo điều kiện cho những quan hệ kiểu này phát triển vượt qua phạm vi biên giới quốc gia.

Lá chủ bài của Mỹ cho đến hôm nay chính là địa vị của đồng dollar Mỹ. Là đồng tiền dự trữ chính thức của thế giới, đồng dollar Mỹ được chấp nhận là đồng tiền thanh toán cho mọi giao dịch quốc tế. Điều này có nghĩa là không chỉ Mỹ và các đối tác thương mại của họ, mà tất cả mọi người trên trái đất này đều cần dollar Mỹ để giao dịch thương mại quốc tế. Ngay cả khi chẳng ai mua hàng của Mỹ, thì nhu cầu về đồng dollar Mỹ vẫn tồn tại. Chẳng có quốc gia nào có được “số đồ” về mặt tiền tệ như thế!

Đa phần dollar Mỹ của người ngoại quốc lại được ký gửi tại các ngân hàng Mỹ, tức là có thể dùng để cho dân Mỹ vay. Cách thức này cho phép người Mỹ chúng ta chi tiêu mà chẳng hề phải tiết kiệm.

Hiện nay, với việc neo chặt đồng nội tệ của họ với dollar Mỹ, nhà chức trách Trung Quốc thực chất đã buộc công dân nước này phải giữ lại một phần trong số tiền tiết kiệm của mình dưới hình thức dollar Mỹ.

Không có những khoản tiết kiệm từ Trung Quốc và các nước khác, tất cả mọi người ở Mỹ (kể cả Chính phủ) sẽ khó khăn khi đi vay nợ, phải trả lãi

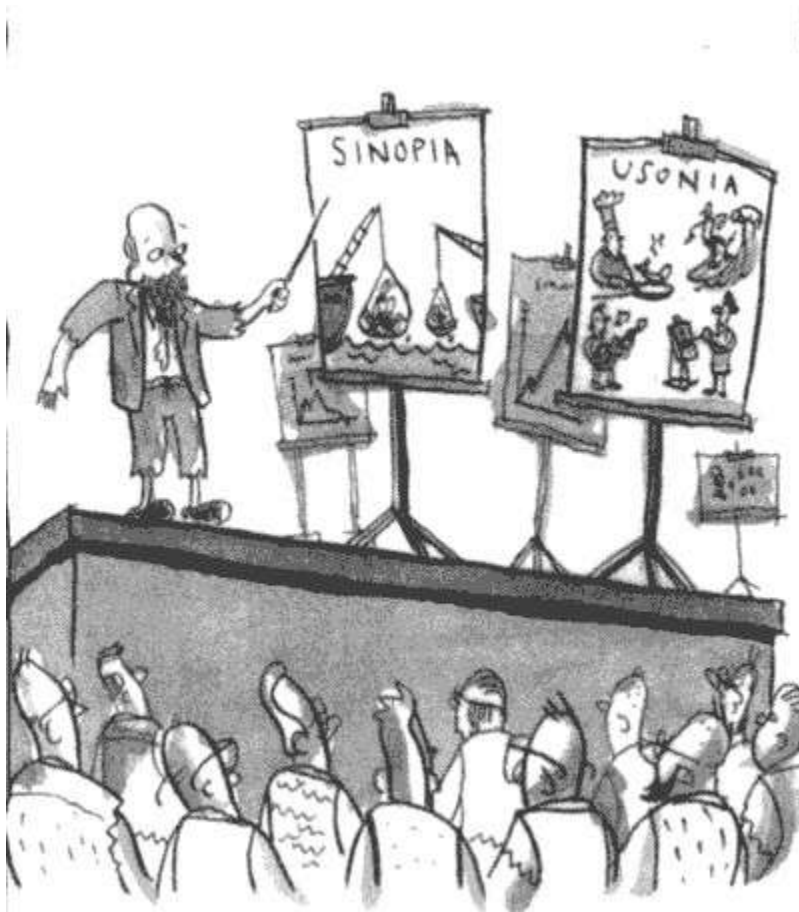
suất cao hơn nhiều. Lãi suất cao và tín dụng khan hiếm sẽ giáng một đòn chết người vào nền kinh tế tràn ngập nợ vay của chúng ta.

Khi các nhà lãnh đạo Mỹ ngày càng mâu thuẫn với Trung Quốc, chúng ta càng phải thấu hiểu sợi dây cứu hộ này trước khi nó tuột khỏi tầm tay. Tất nhiên, vì mối quan hệ kiểu này không thể là mãi mãi, nên càng kết thúc nó sớm thì càng đỡ đau đớn, nhất là với người Mỹ. Nói cách khác, càng ăn “của chùa” lâu thì càng khó tự kiếm ăn khi “của chùa” đó không còn nữa!

CHƯƠNG 12: KHU VỰC DỊCH VỤ BƯỚC LÊN VỮ ĐÀI

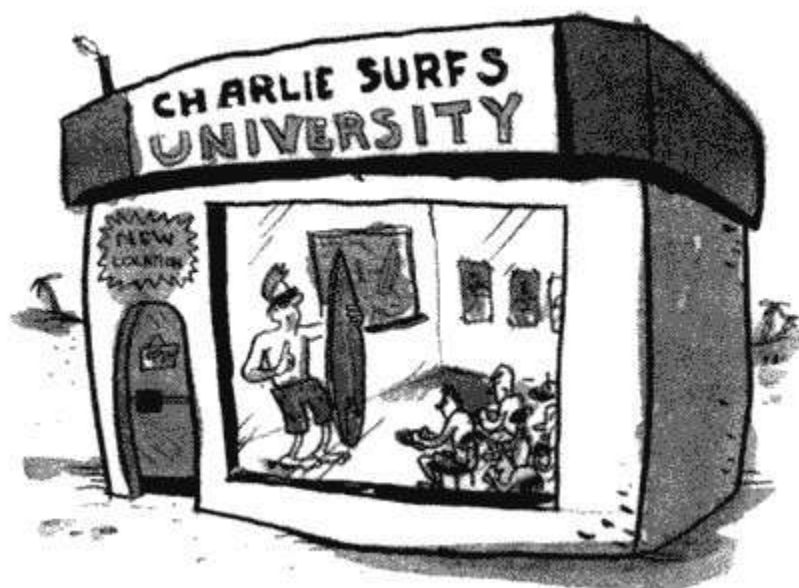
Với dòng tiết kiệm của Sinopia đổ vào làm giảm lãi suất, các doanh nhân Usonia lao đến ngân hàng với những ý tưởng và phương án kinh doanh tốt nhất để vay tiền. Nhưng do việc đánh cá và sản xuất càng lúc càng được thuê ngoài bằng cách giao cho người Sinopia thực hiện, các kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp giờ đây hoàn toàn khác so với trước kia. Đa số phương án kinh doanh hiện giờ đều tạo thuận lợi cho các công ty nào tuyển dụng lao động địa phương để cung cấp một dịch vụ nào đó. Những công việc này không thể thuê nước ngoài làm, và nhìn chung cũng không thâm dụng vốn cho lắm.

Trong bài diễn văn nổi tiếng tại hội nghị kinh tế đầu tiên tại hòn đảo, Brent Barnacle nêu rõ những thay đổi đang diễn ra. Ông ta lập luận rằng nền kinh tế Usonia đã phát triển tới một mức độ cao, nên tiến trình thực hiện ở mức độ thô sơ của việc đánh cá và sản xuất có thể chuyển giao cho các nền kinh tế nghèo hơn, để người Usonia có thể tự do theo đuổi các công việc tinh vi hơn trong cái gọi là *khu vực dịch vụ*, như đầu bếp, diễn giả, nghệ sĩ xăm mình v.v...



Bằng chứng của những thay đổi này có thể thấy qua Charlie Surfs, một cửa hiệu bán ván trượt nước cao cấp, được thành lập từ ngày xưa bởi một trong những công dân đầu tiên của đảo - anh chàng Charlie mà độc giả đã từng gặp trong chương 1.

Sau nhiều thế hệ thành công trong công việc chế tạo ván trượt nước, công ty này đã chuyển sang một hướng kinh doanh khác. Hậu duệ của Charlie thuở nào đã đi vay một khoản vay lớn để mở rộng hoạt động huấn luyện môn trượt nước qua hệ thống đào tạo của họ. Mười hai cơ sở đào tạo trượt nước cực kỳ sang trọng lần lượt được xây dựng trên đảo Usonia.



Cùng thời gian đó, công ty ký được hợp đồng sản xuất ván trượt nước ở Sinopia, tất nhiên họ trả lương cho công nhân nước ngoài (dân đảo Sinopia) ở đó bằng tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Cá. Các hoạt động có giá trị cao hơn như thiết kế ván trượt và đào tạo kỹ năng lướt ván vẫn thực hiện tại quê nhà Usonia.

Chẳng bao lâu sau, nhiều ngành dịch vụ khác ra đời. Các cơ sở chuyên chế tạo và sản xuất trước đây có rất nhiều trên đảo dần dần bị thay thế bởi các cửa hàng bán lẻ, bán những hàng hóa chủ yếu được sản xuất tại những hòn đảo khác.



Xu hướng thuê ngoài này được đẩy mạnh bởi các luật lệ, phí, thuế do Nghị viện ban hành, nhằm hướng doanh nghiệp kinh doanh những gì mà cử tri yêu cầu. Những trở ngại này khiến các doanh nghiệp tại Usonia càng gặp khó khăn hơn trong việc cạnh tranh trong nền kinh tế đại dương.

Trong khi đó, ở bên kia đại dương, Sinopia cũng đang chuyển mình...

Như những gì người ta kỳ vọng, công nghệ lưới đánh cá nhập khẩu, cộng với động lực khích lệ làm giàu vì bản thân, đã khiến năng suất đánh cá tăng vọt. Cuối cùng, người Sinopia đã tiết kiệm đủ để tự chế ra những bộ lưới đánh cá khổng lồ như của Usonia (những vụ kiện vi phạm bản quyền cho thiết kế nguyên thủy của công nghệ này chẳng đi đến đâu cả với hệ thống toàn án tại Sinopia.)



Có công nghệ rồi người Sinopia bèn áp dụng chính sách đánh bắt cá 24/24h, với ba ca liên tục không ngừng nghỉ một giây một phút nào. Lẽ nhiên, một phần lớn số cá sẽ được xuất khẩu sang Usonia.

Khi ngành đánh cá đã có hiệu suất cao, công nhân có thời gian tự do để theo đuổi những công việc khác, nổi bật nhất là chế tạo.

Và khi hết chuyến hàng này đến chuyến hàng khác (gồm cá và các sản phẩm khác) trực chỉ Usonia, thì hàng chông tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Cá Usonia cũng di chuyển theo chiều ngược lại, hướng về Sinopia!



Trong một quan hệ thương mại truyền thống tiêu biểu, giống như việc trao đổi hàng hóa giữa hai đảo Bongobia và Dervishia, hàng hóa của Sinopia phải được đổi lấy những hàng hóa của Usonia mà Sinopia có nhu cầu. Nhưng việc người Sinopia sẵn lòng chỉ nhận về những mớ giấy bạc thay vì hàng hóa đã tạo ra một kiểu quan hệ thương mại đặc biệt, trong đó một bên chủ yếu sản xuất và một bên chủ yếu tiêu dùng.

Lý do tại sao nhà vua xứ Sinopia lại chấp nhận dạng quan hệ thương mại như vậy khiến nhiều người bối rối. Nhưng nếu so với các mô hình kinh tế trước đó của ông ta, thì mô hình này hoàn toàn hợp logic. Chính sách này củng cố quyền lực của nhà vua, trong khi tất nhiên nó chẳng có lợi gì với người lao động Sinopia, những kẻ đang hùng hục sản xuất ván trượt nước mà chẳng có thời gian rảnh để thưởng thức thú tiêu khiển này!



Lẽ dĩ nhiên, dân Sinopia tin rằng phần thưởng tối hậu của họ sẽ đến trong tương lai, khi họ có thể nghỉ ngơi và sống sung sướng với những đồng tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Cá. Vấn đề là họ chẳng nhận ra rằng đảo Usonia thiếu khả năng đánh bắt cá ngay cả để nuôi sống công dân của họ, chứ đừng nói đến việc thanh toán các tờ tiền giấy hiện đang lưu hành!

Tại một hội nghị kinh tế khác, Brent Barnacle tiếp tục tuyên bố rằng hệ thống hiện tại là ví dụ mới nhất, hiệu quả nhất của việc chuyên môn hóa trong kinh tế.

Ông ta lập luận rằng Usonia có lợi thế so sánh về... tiêu dùng, và năng lực đó là một mối lợi lớn cho toàn thể đại dương. Chẳng hòn đảo nào khác có những công dân chi tiêu mạnh tay như chúng ta, và người ta luôn có thể tin tưởng rằng dân Usonia sẽ làm tăng lượng cầu nhiều hơn nữa. Những đại lộ rộng lớn, xe kéo to đùng hay những căn lầu vĩ đại tại Usonia khiến cư dân hòn đảo này trở thành những người tiêu dùng hiệu quả nhất!

Tinh thần lạc quan, dám làm dám chịu của người Usonia cũng có nghĩa là họ không bao giờ chùn tay trong chi tiêu, ngay cả khi họ không có một đồng xu trong túi. Kết quả là những hòn đảo khác có thể thuê người dân Usonia tiêu dùng giùm (outsource consumption)¹⁹!

KIỂM TRA THỰC TẾ

Như đa số nhà kinh tế cùng thế hệ, Barnacle xem tiêu dùng là cái thúc đẩy tăng trưởng. Từ đó, những người tiêu dùng nhiều nhất được coi là động cơ của tăng trưởng.

Nhưng rõ ràng đi siêu thị mua sắm luôn luôn vui hơn đi làm trong nhà máy. Trẻ con lên ba chắc cũng hiểu điều đơn giản ấy!

Về một khía cạnh khác, Ngài Barnacle cũng giải thích thêm rằng người Sinopia chính là những người giỏi nhất về tiết kiệm và chế tạo sản phẩm. Vì thế, theo ông ta thì “Thuê ngoài sản xuất sản phẩm tại Sinopia là vô cùng hiệu quả”.

ĐIỀU CÒN ĐONG LẠI

Trong thập kỷ vừa qua, vấn đề mất cân đối toàn cầu là đề tài thường xuyên nhất tại các sự kiện, hội thảo về kinh tế. Nhưng bất chấp mọi lời kêu gọi và những bài phân tích trên các phương tiện truyền thông, hầu như vẫn chẳng có tiến bộ nào trong việc giải quyết vấn đề này cả.

Con số thống kê dễ thấy nhất về sự mất cân đối chính là thâm hụt thương mại của nước Mỹ. Trong hầu hết chiều dài lịch sử của Mỹ, quốc gia này xuất khẩu nhiều hơn nhập khẩu và luôn duy trì thặng dư thương mại. Trong một số năm, nhất là giai đoạn giữa thế kỷ XX, con số thặng dư này thật sự ấn tượng. Chúng ta sử dụng nguồn vốn thặng dư để xây dựng thêm nhiều tư liệu sản xuất trong nước, cũng như mua thêm tư liệu sản xuất ở nước ngoài. Trong quá trình này, Mỹ trở thành quốc gia giàu có nhất hành tinh. Nhưng từ cuối thập niên 1960, cán cân thương mại bắt đầu thay đổi, và đến năm 1970 thì nước Mỹ bắt đầu rơi vào trạng thái thâm hụt triền miên.

Tình trạng đồng dollar Mỹ được thế giới sử dụng như đồng tiền dự trữ đóng vai trò lớn trong việc để cho thâm hụt phình ra mà không ai kiểm tra. Nếu không có nhu cầu từ bên ngoài dành cho dollar Mỹ do hệ thống kinh tế toàn cầu gây ra, có lẽ không có quốc gia nào chịu đựng nổi tình trạng mất cân đối lâu đến như vậy. Các công ty và Chính phủ khác trên thế giới khi đó sẽ đương nhiên từ chối đổi hàng hóa lấy một đồng tiền không có giá trị.

Trong thập niên 1970 và 1980, thâm hụt thương mại vào khoảng từ 10 tỷ USD đến 50 tỷ USD, tức là vẫn có thể quản lý được. Qua thập niên 1990, con số này chạm đỉnh 100 tỷ USD. Tuy tình hình là đáng báo động, con số

thâm hụt này vẫn là khá nhỏ bé so với quy mô to lớn của nền kinh tế Mỹ. Nhưng sau năm 2000 thì mọi chuyện tồi tệ đi rất nhiều.

Trong thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI, với sự trỗi dậy của Trung Quốc như một nền kinh tế xuất khẩu, thâm hụt thương mại của Mỹ bình quân đạt mức 600 tỷ USD / năm, đỉnh điểm lên tới 703 tỷ USD vào năm 2006. Chia trung bình cho mọi người Mỹ, kể cả trẻ em lẫn người lớn, con số này nghĩa là 2.500 USD cho mỗi đầu người!

Sau khi đợt suy thoái 2008 bắt đầu, con số thâm hụt bắt đầu giảm xuống. Nhưng như chúng ta sẽ thấy, các chính sách của Chính phủ Mỹ chẳng mấy chốc sẽ chặn đứng đà quay đầu tích cực của con số này.

Bình thường thì thâm hụt thương mại sẽ có xu hướng tự điều chỉnh.

Chẳng hạn, một quốc gia có thặng dư thương mại, tức là xuất khẩu nhiều hơn nhập khẩu, sẽ tạo ra một nhu cầu cho đồng tiền của họ, xét trên phạm vi quốc tế. Cụ thể, nếu bạn muốn mua hàng của quốc gia đó, bạn cần phải có tiền của họ. Kết quả là, vị thế thương mại mạnh sẽ dẫn tới đồng nội tệ mạnh. Điều ngược lại cũng xảy ra với vị thế thương mại yếu. Khi không ai muốn mua hàng của một quốc gia, không ai cần đồng nội tệ của quốc gia đó nữa, từ đó đồng nội tệ đó sẽ suy yếu đi.

Nhưng khi một đồng nội tệ mạnh lên, sản phẩm của quốc gia đó sẽ trở nên đắt đỏ hơn trước. Điều này tạo ra cơ hội cạnh tranh, cho phép những quốc gia với đồng tiền yếu hơn bán được một số sản phẩm của họ trên thị trường. Khi những quốc gia này bán được nhiều hàng hóa hơn, nhu cầu về đồng tiền của họ cũng tăng theo. Đối trọng về tiền tệ này giúp sự mất cân bằng về thương mại luôn được kiểm tra, theo dõi.

Nhưng chính địa vị là đồng tiền dự trữ quốc tế, cũng như việc Trung Quốc quyết định neo tỷ giá đồng nhân dân tệ với dollar Mỹ đã chặn đứng cơ chế tự điều chỉnh nói trên và khiến cho tình hình trở nên nguy hiểm ngoài tầm kiểm soát.

CHƯƠNG 13: ĐÓNG CỬA SỔ CÁ

Cuối cùng, sau khi những tờ tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Cá tiếp tục bay ra ngoài lãnh thổ Usonia và chất đầy trên các hòn đảo khác ngoài đại dương, một số người nắm giữ loại tiền này bắt đầu nghi ngờ khả năng Usonia có thể quy đổi tiền giấy lấy cá thật.

Chuck DeBongo, nhà lãnh đạo đầy cuốn hút của đảo Bongoia, giành được sự ủng hộ nồng nhiệt tại đây qua việc thách thức quyền lực và sự cao ngạo của Usonia. Tin rằng việc chấp nhận những tờ giấy bạc của Ngân hàng Dự trữ Cá sẽ làm tăng quyền lực kinh tế của Usonia một cách không cần thiết, ông ta liên tục cử các chuyên gia tài chính của Bongobia đến cửa sổ cá (fish window) - nơi đổi tiền lấy cá của ngân hàng tại Usonia - để đòi cá thật mang về nhà.



Khi việc rút các khoản ký gửi như trên bắt đầu ảnh hưởng đến kho dự trữ cá, các kỹ thuật viên của Usonia lại bắt đầu có việc để làm. Khi họ thao tác trên những chú cá tội nghiệp, cá chính thức giờ đây lại một lần nữa bị nhỏ đi, khiến tình trạng lạm phát cá lại tăng trở lại.

Hậu quả là nền kinh tế Usonia một lần nữa lâm vào suy thoái.

Chủ tịch Nghị viện mới, Ngài Slippery Dickson, được các chuyên gia kinh tế cho biết rằng nếu những hòn đảo khác cũng theo gương người Bongoia, kéo đến đổi tiền giấy lấy cá thật mang về thì ngân hàng sẽ rỗng túi và giá trị của đồng tiền theo đó cũng đi tong! Barnacle và các nghị sĩ bắt đầu lo lắng.



Không đủ can đảm để báo tình hình với công dân Usonia, Slippie (nickname của Ngài Dickson) quyết định đẩy phần thiệt hại về phía người nước ngoài, ông ta đi một nước cờ liều lĩnh: đóng cửa sổ cá đối với những người ký gửi cá thuộc nước ngoài. Từ nay trở đi, giá trị của tiền giấy (do Ngân hàng Dự trữ Cá phát hành) trên thị trường quốc tế sẽ được quyết định bởi những người có nhu cầu, chứ không phải vì việc tiền giấy có thể quy đổi ra cá thật. Trên thực tế, giá trị của tiền giấy sẽ dựa vào vị thế của Usonia như là một cường quốc kinh tế và quân sự.

Việc xóa bỏ “bản vị cá” [20](#) khiến nhiều hòn đảo cạnh Usonia mất niềm tin vào đồng tiền giấy. Chẳng ai ngạc nhiên khi giá trị của nó đi xuống khá

nhiều. Nhưng vì tiền Usonia vẫn là đồng tiền phổ biến nhất trên đại dương, đà đi xuống đó cuối cùng cũng dừng lại. Rất may cho Nghị viện Usonia là quyết định đóng cửa sổ cá với người nước ngoài đã giúp họ vượt qua khủng hoảng tiền tệ mà không phải thay đổi thể chế - đây có lẽ là mối quan tâm duy nhất của các nghị sĩ! Ngài Slippie thở phào nhẹ nhõm.

Chuck DeBongo nổi giận và tuôn ra hàng tràng diễn văn đầy đe dọa, nhưng nỗ lực của ông ta hầu như không có mấy ý nghĩa, bởi quyền lực của Usonia là khó ai phủ nhận được.



Thật không may, sau đó chính Slippie cũng bị hạ bệ vì vụ xì căng đan Watersnake (Rắn Nước), khi Ngài Chủ tịch nghị viện này bị phát hiện ăn cắp một thùng lớn chứa đầy loài bò sát này!

Bỏ lại sau lưng cuộc khủng hoảng tiền tệ, lạm phát cá che giấu, địa vị của tiền được duy trì bất việc đóng cửa sổ cá, kinh tế Usonia ổn định lại. Vài năm sau đó, con đường đi tới thịnh vượng lại mở ra với việc bầu Roughy Redfish vào vị trí Chủ tịch nghị viện.

Roughy thành công trong việc giảm thuế, gỡ bỏ một số quy định, luật lệ phiền phức cũng như những hàng rào cản trở mậu dịch tự do với những hòn

đảo khác. Tuy nhiên, ông ta thất bại trong cam kết giảm chi tiêu của Chính phủ. Bất chấp môi trường kinh doanh thuận lợi mà nghị viện đã tạo nên, thâm hụt ngân sách - chênh lệch giữa chi tiêu của Nghị viện và số tiền thuế thu được - vẫn tiếp tục gia tăng. Thực sự thì dưới nhiệm kỳ của Roughy, thâm hụt ngân sách phình to một cách cực kỳ nguy hiểm.

May mắn là cá tươi từ nước ngoài vẫn đổ vào ngân hàng. Số tiền giấy dùng để thanh toán cho lượng cá này được chuyển ra nước ngoài và không bao giờ được quy đổi lấy cá thật. Với một cơ chế thuận tiện như vậy, Usonia thẳng tiến vào một kỷ nguyên thịnh vượng chưa từng có.

ĐIỀU CÒN ĐONG LẠI

Từ xa xưa, loài người đã sử dụng nhiều vật khác nhau làm tiền tệ, từ muối, vỏ sò, đến ngọc trai, hay gia cầm v.v... Qua thời gian, các kim loại, đặc biệt là vàng và bạc, nổi lên thành những dạng tiền tệ phổ biến nhất. Điều này hoàn toàn không phải ngẫu nhiên mà có. Các kim loại quý có đầy đủ những phẩm chất khiến tiền tệ trở nên có giá trị và hữu ích: khan hiếm, được mọi người thèm muốn, đồng nhất, bền, dễ dát mỏng. Ngay cả nếu con người không muốn dùng kim loại làm tiền thì chúng vẫn có giá trị do những công dụng khác, cũng như tính khan hiếm của chúng.

Ngược lại, tiền giấy chỉ có giá trị khi con người đồng ý nhận chúng khi trao đổi lấy hàng hóa và dịch vụ. Điều này khiến giá trị của tiền giấy là hoàn toàn mang tính chủ quan. Vì tiền giấy có thể được in ra bao nhiêu tùy ý và không có giá trị nội tại, chúng có thể mất giá khi có đủ số người mất lòng tin vào chúng.

Mặc dù các nhà kinh tế cứ làm ra vẻ hiểu biết mọi chuyện, thực tế là loài người chưa hề có tiền lệ nào trong việc hoạt động kinh tế toàn cầu dựa trên chế độ tiền giấy không quy đổi (*chẳng hạn quy đổi ra vàng - ND*).

Lịch sử cho chúng ta thấy nhiều trường hợp trong đó các Chính phủ do tuyệt vọng về tài chính đã in thêm tiền, dẫn tới những đồng tiền mất giá hoàn toàn. Những trường hợp đó đều có kết cục thảm hại, nhất là đối với người dân ở nước đó.

Lý do là vì một quốc gia không thể duy trì một đồng tiền vô giá trị trong khi quốc gia bên cạnh vẫn tiếp tục phát hành những đồng tiền thật, có giá

trị. Đương nhiên, những người nước ngoài sẽ từ chối lấy đồng tiền mất giá, và cuối cùng một thị trường chợ đen cho đồng tiền thật sẽ nảy sinh ngay trong lòng quốc gia đó.

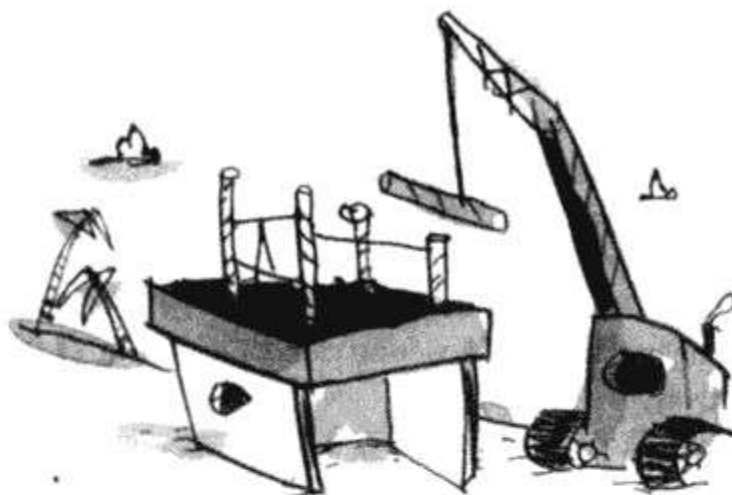
Nhưng ngày nay chúng ta đang sống trong một thế giới kiểu “nhìn qua gương soi [21](#)”, nơi suốt 40 năm nay không có quốc gia nào phát hành tiền thật cả. Đây là một thử nghiệm có quy mô chưa từng có về mặt tiền tệ. Hiện chưa ai biết được thử nghiệm này sẽ kết thúc như thế nào, vào lúc nào. Nhưng chắc chắn là sẽ đến lúc đó!

CHƯƠNG 14: QUÁ NHIỀU LÈU

Bất chấp thành công của công ty Charlie Surf khi chuyển qua khu vực dịch vụ [22](#), các chuyên gia tín dụng ngân hàng vẫn nhìn khu vực này bằng con mắt thận trọng và đôi khi ngờ vực khi quyết định cho vay. Để tìm kiếm sự an toàn, họ mau chóng hướng về thị trường cho vay xây lều ở đảo. Đây có thể được coi là một nguồn cho vay với mức độ rủi ro tương đối thấp.

Cho đến thời điểm đó, thị trường lều chưa bao giờ nổi đình nổi đám trong nền kinh tế. Những căn lều trên hòn đảo chỉ là những công trình xây dựng khiêm tốn, phù hợp với cách sống của người dân vùng nhiệt đới. Tuy nhiên, khi sự thịnh vượng gia tăng trong khi lãi suất thấp, nhu cầu có được những căn lều to đẹp hơn bắt đầu xuất hiện.

Xưa nay, dân đảo vẫn tiết kiệm trong nhiều năm, sau đó mới mua một căn lều, trả ngay bằng những chú cá tươi sống. Qua thời gian, ngân hàng bắt đầu dành những khoản cho vay mua lều cho người dân. Điều này nghĩa là người đi vay không cần phải trì hoãn việc mua lều của họ cho đến khi có đủ cá như trước nữa!



Tuy những khoản cho vay này không hề làm gia tăng năng lực sản xuất của hòn đảo hay khả năng trả nợ của bên đi vay như trong trường hợp cho vay kinh doanh, chúng lại có mức độ bảo đảm cao. Khác với việc cho một doanh nghiệp vay qua một phương án kinh doanh chưa chắc đã thành công, khoản cho vay mua lều luôn có tài sản đảm bảo nợ vay một cách vững chắc đi kèm - chính là bản thân căn lều đó. Nếu người đi vay không trả được nợ, ngân hàng có thể xiết nợ căn lều, đem bán và thu lại vốn vay.

Nhưng ngay cả với tài sản bảo đảm nợ vay vừa nêu thì vẫn chưa đảm bảo rằng ngân hàng có thể thu về toàn bộ số tiền đã cho vay. Do rủi ro này, ngân hàng yêu cầu người đi vay đem đến một lượng cá nhất định để trả trước một phần căn lều. Cam kết này đảm bảo phần nào cho ngân hàng về

việc người đi vay sẽ tiếp tục trả nợ, đồng thời cũng hạn chế bớt những thua - lỗ của ngân hàng khi người đi vay không thể trả toàn bộ nợ vay sau này.

Một số người dân trên đảo không hài lòng do cơ hội tiếp cận các khoản vay mua lều là không ngang bằng nhau. Những người giàu có vay tiền khá dễ, trong khi người nghèo không có nhiều khoản tiết kiệm hay chỉ có một mức độ tín nhiệm thấp trong việc vay nợ và hoàn trả nợ vay sẽ rất khó được vay. Một số người cảm thấy rằng người nghèo bị khước từ khả năng tiếp cận sự thịnh vượng của tầng lớp bên trên. Nghị viện ý thức được rằng đây có thể là một vấn đề lớn khi bầu cử diễn ra, vì thế họ quyết định tìm cách giải quyết vấn đề này.

Lập luận rằng việc sở hữu lều là tâm điểm của Giấc mơ Usonia, Nghị sĩ Cliff Cod lập ra một kế hoạch, theo đó Chính phủ đảm bảo sao cho ai cũng có thể vay mua lều. Chính phủ không chỉ yêu cầu mức lãi suất và khoản trả trước cực thấp với khoản vay này, mà còn đứng ra bảo lãnh và trả nợ vay cho ngân hàng nếu người đi vay không trả được nợ.



Để tạo điều kiện dễ dàng cho quá trình này, ông nghị Cod thành lập hai tổ chức là Finnie Mae và Fishy Mac để mua lại những khoản cho vay mua lều từ ngân hàng. Người mua lều, tức bên đi vay, giờ đây sẽ trả nợ trực tiếp cho hai tổ chức này. Khi bán lại các khoản cho vay nói trên, ngân hàng có

thể thu hồi vốn gốc ngay lập tức và dùng số tiền này để cho vay mới (đồng thời được thu thêm một mức phí rất hời). Khi đã được Nghị viện bảo lãnh, ngân hàng hạ lãi suất xuống, vì họ không còn cần phần lợi tức phụ thêm để phòng khi khách hàng không trả được nợ như trước kia nữa.

Chương trình cho vay mua lều nói trên là món hời vô kể với ngân hàng, vì họ gần như thu được lợi nhuận mà không hề chịu rủi ro gì cả. Chương trình cũng được cử tri ủng hộ, vì giờ đây họ không phải dành dụm cả nửa đời người mới mua được căn lều mơ ước. Với thành tích khôn ngoan này, nghị sĩ Cod được tưởng thưởng một vị trí gần như trọn đời trong Nghị viện.



Một cơ quan nữa là Sushi Mae ²³ cũng được thành lập để bảo lãnh cho những khoản vay của các thanh niên muốn đăng ký học ở trường dạy trượt nước. Các khoản cho vay vì mục đích học tập như vậy khiến càng lúc càng có nhiều cư dân đảo muốn dành thời gian luyện tập các “ngón nghề tuyệt

kỹ” của trượt nước, như thực hiện các cú xoay ván trượt hay đứng trượt trên đầu mũi ván!



Với sự tiếp cận dễ dàng các khoản cho vay từ Sushi Mae của học viên, trường Charlie Surf tăng mạnh mức học phí mà chẳng phải bận tâm tới việc học phí quá cao có thể khiến không ai theo học nữa. Chẳng bao lâu sau, mức học phí này đã tăng nhanh hơn cả mức lạm phát cá bình quân trên đảo. Đa số các nhà kinh tế đều cho rằng mức giá cao này chỉ đơn thuần phản ánh mức giá trị xã hội cao hơn của một bằng cấp về môn trượt nước!

Để theo kịp tốc độ tăng học phí, Sushi Mae liên tục mở rộng quy mô của những khoản cho vay mà họ bảo lãnh. Trong vài năm ngắn ngủi sau đó, học phí tại các trường đào tạo trượt nước trở thành một trong những chi phí chóng mặt nhất của người dân.

Tương tự, với sự xuất hiện của các tổ chức Finnie và Fishy, các ngành xây lều, mua bán lều và trang hoàng lều thực sự “cất cánh”. Những hoạt động này càng lúc càng thu hút nhiều năng lực sản xuất của đảo, trong khi không hề làm gia tăng lượng cá đánh bắt được hay khả năng trả nợ của những người đi vay mua nhà...

KIỂM TRA THỰC TẾ

Tuy những chính sách cho vay nói trên dường như có lợi cho tất cả các bên tham gia, thực tế là hệ thống đó đã tạo ra những nguy cơ rất lớn. Nghị viện đã làm méo mó thị trường tín dụng bằng cách đặt ra những ưu đãi cho các loại hình cho vay nhất định (cho vay mua lều, cho vay học tập) so với các loại hình khác vốn không được bảo lãnh. Do đó, việc cho vay được thực hiện không như một cách sử dụng tối ưu của các khoản tiết kiệm, mà vì các nghị sĩ có được lợi ích chính trị trong việc khuyến khích người dân sở hữu lều và học môn thể thao trượt nước!

Vì lãi suất cho vay mua lều sụt giảm do những khoản vay này được Finnie và Fishy bảo lãnh, người dân có thể vay nhiều hơn. Kết quả là cũng tương tự như những gì xảy ra với học phí môn trượt nước, giá lều cũng gia tăng đáng kể. Khi ấy, người dân bắt đầu nhận ra rằng việc sở hữu lều không chỉ là một chi phí đáng phải bỏ ra mà còn có thể là một khoản đầu tư đáng giá. Để bảo đảm cho một tương lai giàu có, sở hữu một căn lều được xem là hiệu quả hơn việc tiết kiệm.

Nghị viện lại tiếp tục thúc đẩy sự phát triển của ngành kinh doanh lều bằng việc tuyên bố rằng lợi nhuận thu được từ mua bán lều hầu như không phải chịu thuế, tiền lãi vay mua lều có thể được khấu trừ khi tính thuế cá nhân nộp hàng năm. Kết quả là việc kinh doanh mua bán lều trở thành một kế hoạch tài chính dễ dàng được ngân hàng tài trợ hơn là so với việc khởi nghiệp kinh doanh hay tiết kiệm. Chẳng ai ngạc nhiên khi hòn đảo có thêm nhiều căn lều mới mọc lên, nhưng cũng ít doanh nghiệp mới, các khoản tiết kiệm cũng quay đầu đi xuống.

Khi giá lều tăng quá cao, tổng số tín dụng cấp cho việc mua lều chạm trần giới hạn mà Nghị viện đã giành cho Finnie và Fishy. Khi đó, nghị sĩ Cod buộc lòng phải nhảy vào, tuyên bố rằng hai tổ chức này vẫn đang có tình hình kinh doanh lành mạnh, thúc giục Nghị viện gia tăng hạn mức cho vay của họ để các khoản vay mua lều vẫn được duy trì. Như thường lệ, ông ta vẫn tiếp tục thắng thế.

Những nhà lãnh đạo tại Finnie và Fishy, vốn đều là những *bồ tào* của Ngài Cod, trả ơn ông nghị này bằng những đóng góp hào phóng vào chiến

dịch tái tranh cử của ông ta, cũng như một khoản cho vay rất hời để ông nghị mua lều cho gia đình mình.

Do Finnie và Fishy trả lãi suất cao hơn cho các nhà đầu tư so với Ngân hàng Dự trữ Cá, dân Sinopia bèn ký gửi một số tiền giấy đôi dư vào hai tổ chức này. Họ tin rằng Nghị viện Usonia dường như chống lưng cho hai tổ chức cho vay nói trên, xét về phương diện thanh khoản.

Dòng vốn đầu tư từ dân Sinopia đi vào thị trường cho vay mua lều, khiến nguồn cung tín dụng tăng lên, còn lãi suất tiếp tục hạ xuống. Điều này có nghĩa là các khoản cho vay với giá trị lớn hơn nay cũng sẵn có trên thị trường. Đến lượt mình, việc dễ dàng vay được những món tiền lớn khiến người mua lều chẳng còn biết thận trọng là gì, đẩy giá lều lên cao hơn nữa.

Ngửi thấy mùi tiền, Manny Fund VII nhảy ngay vào thị trường béo bở này. Kẻ hậu duệ của nhà đầu tư mạo hiểm tiên phong trên hòn đảo nhận thấy rằng có một số món cho vay quá ư rủi ro, đến mức ngay cả Finnie và Fishy cũng không buồn đếm xỉa tới. Tuy nhiên, trong cơn điên đầu tư vào lều, Manny tin rằng anh ta có thể dựa vào uy tín của quỹ Manny Fund ²⁴ để thuyết phục người mua rằng những khoản cho vay đó vẫn an toàn.



Manny bắt đầu giới thiệu cho dân đảo một loại cho vay mới mang tên “rút cá từ lều” ²⁵. Theo đó, những chủ sở hữu lều thay các khoản vay thế chấp trước đó bằng các khoản vay lớn hơn, thế chấp bằng căn lều mà họ đang có. Khoản vay mới dùng để trả khoản vay cũ, phần còn lại sẽ rơi vào túi người đi vay! Giá lều ngày một tăng sẽ giúp những khoản vay lớn hơn này thành hiện thực ²⁶. Với những khoản vay lươn lẹo như thế, ai sở hữu lều cũng có cơ hội kiếm được cá ngay lập tức!



Do Manny tính lãi suất cao với những người đi vay theo phương thức trên, quỹ đầu tư của ông ta có thể trả lợi tức nhiều hơn cho nhà đầu tư. Không muốn mất phần, Fishy và Fannie đề nghị nghị sĩ Cod cho phép họ mua vào những khoản cho vay lãi suất cao, rủi ro cao này. Khi được Nghị viện chấp thuận, hai tổ chức này trở thành những nhà cho vay lớn nhất trên thị trường “rút cá từ lều”.

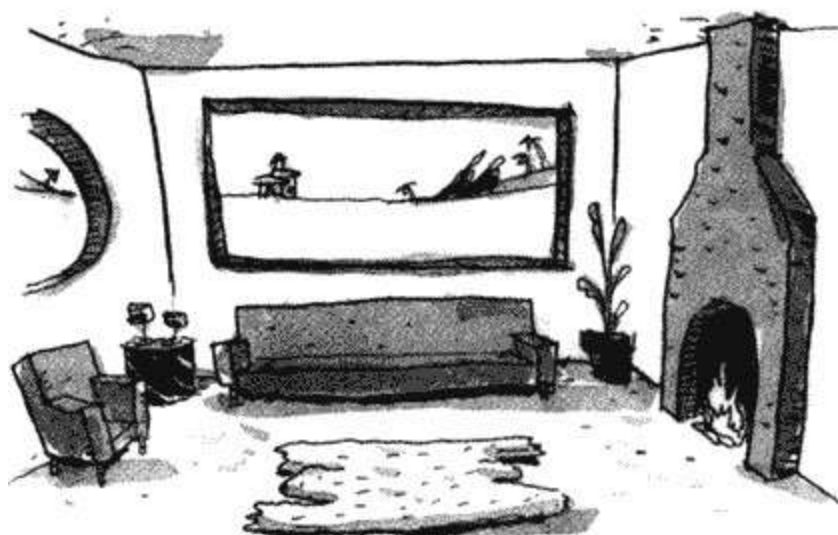
Hình thức vay “rút cá từ lều” này kích thích sự phát triển của ngành sửa chữa lều, biến ngành này trở thành một hoạt động kinh tế trọng tâm. Hut Depot, một công ty chuyên bán dụng cụ sửa chữa lều với mạng lưới rộng khắp trên đảo, thuê hàng tá chuyên gia để chỉ cho người dân biết cách kiếm tiền từ việc sửa chữa và trang hoàng những căn lều của họ. Nhìn chung mọi

người thừa nhận rằng cứ chi một con cá vào việc sửa chữa và nâng cấp lều thì bạn sẽ thu được thêm hai con cá khi bán căn lều đó. Chẳng ai biết rõ tại sao mọi việc lại dễ dàng như vậy, nhưng... ai mất công nghi ngờ các chuyên gia làm chi?



Những căn lều trở nên xa hoa hơn bao giờ hết. Bếp lửa trong lều được lát bằng vỏ sò xung quanh, các thùng mức nước được treo bằng những sợi dây lụa đẹp nhất. Nhiều căn lều còn được thiết kế mái riêng, với những cửa sổ mở rộng...

Chẳng bao lâu sau, dân đảo bắt đầu đòi hỏi không chỉ những căn lều để ở, mà còn cả những căn lều để đầu tư và nghỉ ngơi. Một số người dựng thêm những lều để nghỉ ngơi ngay bên trên căn lều để ở của mình.



Nhưng vào lúc đó, một chuyện lạ xảy ra. Nhu cầu về lều tăng lên do các khoản vay “rút cá từ lều”, việc phải trả trước rất ít hay thậm chí là không phải trả trước khi vay mua lều, việc không phải nộp thuế khi kiếm lời từ mua bán lều, và hàng đông cá ngân hàng trút lên đầu người đi vay do việc bảo lãnh từ Finnie và Fishy, dẫn đến việc giá lều tăng chóng mặt. Trước đây, giá lều vẫn đều đặn tăng hàng năm vài điểm phần trăm, song nay thì giá tăng hàng tháng. Người ta tranh nhau mua ngay cả những căn lều tồi tệ nhất.

Mọi việc đi xa tới mức độ mà “mức giá phải chăng” không còn tồn tại nữa. Thông thường, người ta không trả quá mức thu nhập hai hay ba năm cho một căn lều, nhưng nay giá lều đã vọt lên tương đương mức 10 hay 20 lần thu nhập hàng năm. Người ta mua những căn lều mà họ biết là không đủ sức thanh toán, vì tin rằng trong vài năm nữa có thể bán lại kiếm lời. Với tiềm năng lợi nhuận như thế, không có rủi ro giảm giá, lại được Chính phủ hỗ trợ qua các khoản cho vay dễ dàng với lãi suất thấp một cách giả tạo, không ai có thể cưỡng lại sức hấp dẫn của loại kinh doanh này.



Việc giá lều tăng chóng mặt cũng có lợi cho các nghị sĩ. Những món hời dễ dàng khiến cử tri cảm thấy họ đang giàu lên, đồng thời đây là bằng chứng cho sự lãnh đạo kinh tế khôn ngoan và hiệu quả. Đương nhiên các ông nghị phải nỗ lực để trò chơi đu quay vui vẻ này tiếp tục mãi. Hết Ben Bamacle đến Ngài Ally Greenfin đáng kính đều lên tiếng trấn an rằng sẽ chẳng thể có sự dư thừa về lều, đơn giản vì giá lều không thể nào giảm được!



Mà đâu chỉ các chính trị gia góp phần vào cơn sốt điên loạn này. Những nhà tư tưởng giỏi nhất của khu vực tư nhân cũng là những kẻ vỗ tay to nhất. Một vị tên là Barry Cordoe tổ chức một chương trình tọa đàm khá nổi tiếng, nơi dân đảo bàn luận về những vấn đề đương thời, ông Cordoe luôn lạc quan này gọi kỷ nguyên bùng nổ kinh tế của hòn đảo là “Nền kinh tế Cá vàng”. Một chuyên gia khác là Carp Gaffer khẳng định ông ta không thấy khả năng nào về tình hình kinh tế khó khăn, cũng như chính sách ngân hàng chưa bao giờ tốt như hiện nay. Một vị nữa tên Dom Luskfin lại khuyên mọi người tích cực mua lều hơn. Cuối cùng là Piker Skiff, vị khách mời của chương trình tọa đàm có nhiệm vụ... chọc cười khán giả. Ông này cảnh báo mọi người về nguy cơ sụp đổ của giá lều, và điều này gây ra những tràng cười vui vẻ không dứt trong khán phòng hôm đó.

ĐIỀU CÒN ĐỘNG LẠI

Ngày nay, sau khi tất cả mọi người đều thấy rõ nước Mỹ đã trải qua cả niềm vui và nỗi đau của một bong bóng nhà đất bùng phát rồi sau đó vỡ tung như thế nào, chúng ta cần phải đau lòng nhận ra rằng đại đa số các nhà kinh tế, quan chức Chính phủ, chuyên gia tài chính v.v... đã không nhận ra thảm họa này, ngay cả khi nó đến rất gần chúng ta.

Điều này cũng giống như việc tất cả các chuyên gia khí tượng trên toàn quốc không dự báo nổi một cơn bão cấp 5 ngay cả khi nó chỉ cách bờ biển Miami chỉ chừng 10 dặm! cần phải có thêm bằng chứng gì nữa để chứng minh sự ngu ngốc thậm tệ của các nhà kinh tế chính thống của chúng ta?

Dù định giá một cách có lý trí bằng bất cứ thước đo nào, thì giá nhà vào năm 2006 cũng đã vọt lên mức không tưởng. Việc định giá nhà lúc đó đã bị cắt rời khỏi mọi tiêu chuẩn được thiết kế để đo lường mức độ hợp lý của nó. Chẳng có con số nào trong các thước đo có thể lên tới những mức độ như vậy cả. Nhưng bằng một cách nào đó, các nhà kinh tế vẫn đưa ra được những lập luận để biện minh cho luồng tăng giá vô tội vạ nói trên.

Người dân không nhìn ra được những kế hoạch đằng sau việc tung hô vui vẻ này. Các chính trị gia muốn duy trì lòng tin của cử tri qua cảm giác phồn vinh giả tạo, các doanh nghiệp muốn người tiêu dùng tiếp tục chi tiêu

vào các sản phẩm / dịch vụ mà họ không đủ khả năng thanh toán, các mạng lưới truyền thông muốn duy trì các mức đánh giá cao và đầy lạc quan, còn ngân hàng, những người khởi tạo các khoản cho vay thế chấp và những nhà môi giới bất động sản thì muốn tiếp tục kiếm lời từ phí và tiền lãi. Tất cả các nhóm lợi ích nói trên đều có những kẻ đánh thuê, những người có khả năng che giấu động cơ xấu xa đằng sau những mỹ từ đẹp nhất. Đáng ngạc nhiên là những lập luận của họ lại được người ta chấp nhận.

Tuy nhiên, tin tốt lành là dường như hiện nay chúng ta rốt cuộc đã học được cách phải thực tế hơn, đúng không? Câu trả lời vẫn là Không! Ngay cả sau sự sụp đổ của thị trường cho vay thế chấp, người dân vẫn chưa hiểu được giá nhà đất đã bị ảnh hưởng bởi các chính sách của Chính phủ như thế nào. Do đó, trong khi các Chính phủ của Bush rồi Obama cam kết sử dụng những nguồn lực khổng lồ để vực dậy thị trường đang suy thoái, người dân vẫn không nhận ra là những khoản giải cứu hay chống đỡ này thực ra chỉ làm tăng thêm khó khăn và tạo điều kiện cho một đợt sụp đổ nặng hơn sau này mà thôi.

CHƯƠNG 15: GIÁ LỀU BỐ NHÀO

Thật khó nói chính xác về thời điểm đầu tiên khi thị trường quay đầu. Có lẽ đó là sự thất bại ầm tởng của dự án Crater View Condominium Huts. Bất chấp những tiện nghi xa hoa, diện tích rộng rãi của các căn lều cũng như tầm nhìn tuyệt đẹp hướng ra biển và những dãy nham thạch, dự án này không thu hút được người mua.



Do Manny Fund là nhà tài trợ chính của dự án, công ty đầu tư này bị thiệt hại nặng khi công ty khai thác địa ốc không trả được nợ vay xây dựng.

Khi các nhà đầu tư địa ốc thấy sự thua lỗ của dự án nói trên, họ trở nên thận trọng với các khoản đầu tư địa ốc rủi ro khác. Một nỗi lo lắng rõ rệt mau chóng lan rộng trên thị trường.

Chẳng mấy chốc, cả những người mua lớn và nhỏ đều nhận ra rằng thị trường đã đạt đỉnh của nó. Nhiều người quyết định nên bán tài sản đang nắm giữ để kiếm lời, rồi đợi một thời điểm thuận lợi hơn mới tái đầu tư tiếp.

Chỉ có một vấn đề: mọi người đều nghĩ giống nhau ở cùng một thời điểm. Hầu hết những người sở hữu lều trên thị trường chưa bao giờ có ý định nắm giữ tài sản quá lâu, do đó khi thị trường quay đầu, mọi người đều muốn nhảy ra! Một cách nhanh chóng, hòn đảo trở nên đầy rẫy kẻ bán mà quá ít người mua. Khi tình hình diễn ra như vậy, điều chưa ai nghĩ tới đã xảy ra: giá lều không giảm từ từ, giảm một cách có trật tự, mà thực sự đã đổ nhào. Từ chỗ có quá nhiều lều, nay mọi người trở nên điên loạn bán tổng bán tháo lều!

Một cách cực kỳ đột ngột, việc sở hữu lều từ chỗ là một phương tiện làm giàu dễ dàng nay trở thành một hình thức đầu tư rủi ro. Vì giá không tăng, lều không tạo ra cơ hội nào để “rút cá” nữa, đồng thời lợi nhuận mau chóng từ việc bán lại cũng không còn khả thi. Khi không còn những viễn cảnh xán lạn nơi chân trời, các khoản trả nợ vay cũng trở thành những gánh nặng không ai muốn chịu!

Tình hình nói trên lại phức tạp hơn khi lãi suất vay mới chào lúc đầu nay được điều chỉnh lại cho cao hơn. Các khoản vay mua lều, vì thế, trở nên không thể trả được với những kẻ đi vay vốn chỉ hy vọng vào việc bán lại nhanh để kiếm lời, hay “rút cá từ lều”. Khi căn lều được thế chấp có giá trị thấp hơn tiền vay, nhu cầu thoát ra khỏi những khoản nợ này ngày càng lớn. Điều này đặc biệt đúng với những người đi vay trước đó chưa từng thanh toán trước một phần giá trị căn lều. Không trả trước nghĩa là không có cam kết gì về nguồn tiền, những người đi vay dạng này chẳng mất gì khi không trả tiền vay thế chấp và chấp nhận cho Ngân hàng tịch biên tài sản.



Khi càng lúc càng nhiều người vay không trả được nợ, việc kinh doanh các khoản cho vay được chứng khoán hóa của Manny Fund chẳng bao lâu sau bị tuyên bố phá sản. Đồng thời, các khoản thua lỗ cũng tràn ngập các tổ chức dễ bị tổn thương khác. Chẳng bao lâu sau, cả Fishy và Finnie đều thừa nhận rằng họ đang ở trong tình trạng nguy khốn đến nơi.

Khi những người sở hữu lều không còn có thể vay thêm bằng cách “rút cá từ lều” được nữa, những ngành phát triển xung quanh cơn sốt lều trước đây cũng rơi vào khủng hoảng. Thợ làm lều, tư vấn thiết kế, những người trang trí nội thất và buôn bán đồ gia dụng bị sa thải hàng loạt!



Ngay cả những ngành có vẻ chẳng mấy dính dáng đến lều cũng bị ảnh hưởng. Những nhà sản xuất xe do lừa kéo vốn hưởng lợi khá nhiều từ việc người ta “rút cá từ lều” trước đó, vì những người sở hữu lều khi vay được thêm cá (do giá trị căn lều tức tài sản thế chấp, liên tục gia tăng) có khả năng mua được những chiếc xe to hơn. Trong những ngày huy hoàng đó, những chiếc xe kéo ngày càng to lớn hơn, cần 4-5 chú lừa mới kéo nổi (đây cũng là vấn đề vì đa số lừa phải nhập khẩu từ nước ngoài về). Giờ đây, khi nguồn tài chính không còn, việc bán xe và lừa giảm hẳn, các công ty xe kéo cũng phá sản luôn.

Hòn đảo Usonia rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế tồi tệ nhất kể từ đợt gió mùa kinh hoàng ngày xưa, thời của Franky Deep. Ngày càng tuyệt vọng, những người thất nghiệp bao vây quanh Nghị viện để đòi hỏi những giải pháp.



Kích cầu để giải cứu

Sau bao nhiêu năm từ chối không thừa nhận bất kỳ yếu kém nào của nền kinh tế, Chủ tịch Nghị viện Jim W. Bass tuy muộn nhưng cũng phải bắt tay vào giải quyết vấn đề.

Với sự nhất trí cao độ, các chuyên gia của Ngài Chủ tịch đề xuất những biện pháp khuyến khích táo bạo để khiến người dân chi tiêu trở lại, nhất là chi tiêu vào lều.

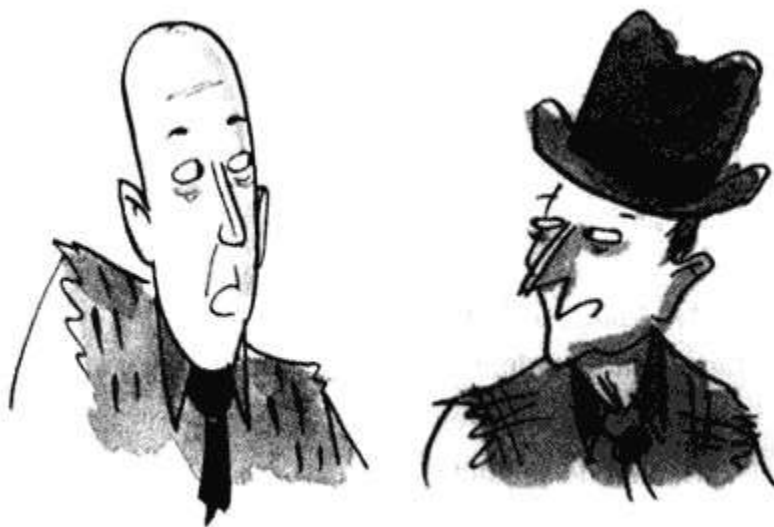
Dù không có một sự hiểu biết nào về việc tại sao tiết kiệm và sản xuất lại thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, Nghị viện vẫn quyết định triển khai một chương trình giải cứu và kích thích.

Cuộc giải cứu đầu tiên dành cho Finnie và Fishy, do Nghị viện trực tiếp thực hiện, khi họ bơm đầy giấy bạc mới của Ngân hàng Dự trữ Cá vào hai tổ chức này để bù đắp những khoản thua lỗ. Hai tổ chức này được tái tổ chức, được Ban lãnh đạo mới (chính là Nghị viện) yêu cầu phải cung cấp những khoản cho vay mua lều với lãi suất cực thấp cho bất kỳ ai có thể nộp đơn xin vay.

Người ta hy vọng rằng bằng việc tiếp tục duy trì nguồn cung tín dụng dễ dàng, nhu cầu về lều sẽ tăng, từ đó chặn đứng đà giảm giá.

Khi những chính sách này rốt cuộc cũng không ngăn được giá tiếp tục giảm, Bass triệu tập một cuộc họp khẩn cấp với các cố vấn của ông ta, trong đó có cả Brent Barnacle, người từng đảm bảo trước đó rằng sự thịnh vượng của Usonia sẽ kéo dài mãi mãi.

“Nè, Barney”, ông Chủ tịch Nghị viện nói với cái giọng suồng sã bình dân đã thành “thương hiệu” của mình, “Bồ đã xí gạt tôi về vụ này rồi. Tôi từng nghĩ mấy trò kinh tế này đơn giản hơn nhiều chứ. Kinh tế là người này làm, người kia ăn, rồi ai cũng có một hai căn lầu! Ý tôi là làm sao để người ta thấy được mỗi lợi này bây giờ đây nè?”.



Các nghị sỹ khác cố gắng hiểu những ẩn ý đằng sau câu nói của Ngài Chủ tịch, nhưng vô ích. Có lẽ cũng chẳng có ẩn ý gì cả!

Hank Plankton, phụ trách mới về kế toán, nói “Thưa Ngài, vấn đề là rất giản dị. Giá lầu giảm mạnh nên mọi người không cảm thấy giàu có như trước. Do đó, họ ngừng chi tiêu.

Nếu chúng ta có cách làm giá lầu tăng trở lại, thì dân chúng cũng sẽ chi tiêu trở lại”.

“Tốt lắm, Plankie, tôi biết là sẽ có cách mà”, Bass nói. “Chúng ta sẽ làm điều đó như thế nào? Đã có ai lo vụ này chưa, có vẻ đây là một việc thú vị

đấy! Có thể tôi sẽ chỉ định một trong những nhà tài trợ lớn nhất của tôi vào vị trí này”.

“Thưa Ngài, không đơn giản tới mức đó đâu”, Plankton trả lời. “Chúng ta không thể đơn giản ra lệnh cho giá lều tăng lên. Như Ngài đã biết, chúng ta đã duy trì việc cho vay tại Fishy và Finnie, nhưng thật không may, điều đó vẫn chưa đủ. Vì lý do nào đó, người dân vẫn chưa muốn vay, có thể là do thủ tục còn quá phức tạp. Nhưng giờ đây, chúng ta cần giảm lãi suất sâu hơn nữa, đồng thời giảm thuế nhiều hơn để người dân mua lều. Điều này giúp tăng nhu cầu đi vay, từ đó chặn đà đi xuống của giá lều và giúp ngành xây lều phát triển trở lại”.

Plankton tiếp tục trình bày kế hoạch của mình “Chúng ta cũng cần đảm bảo khả năng chi trả của Manny Fund. Hiện nay họ đang thiếu nợ một lượng cá rất lớn với rất nhiều người. Nếu họ phá sản, nền kinh tế cũng sẽ sụp đổ. Chúng ta cũng cần đảm bảo là bất cứ ai đầu tư vào Manny Fund sẽ không phải mất đi bất kỳ con cá nào. Nếu chúng ta không làm điều đó, tôi chắc rằng tất cả đều chết đói, nhất là bọn trẻ con”.

“Ồ, điều đó sẽ không xảy ra đâu, Plankie”, Bass trả lời.

KIỂM TRA THỰC TẾ

Những căn lều là thứ mà hòn đảo này ít cần nhất, vì thực ra trên đảo đã có quá nhiều lều rồi. Bất cứ nguồn lực nào dùng để xây thêm lều cũng sẽ là hoang phí.

Tương tự, giá lều thực ra đã quá cao, tiến lên những mức phi lý do sự kết hợp của nhiều yếu tố mà sẽ không bao giờ có khả năng lặp lại. Cố giữ giá lều không giảm cũng vô ích như việc cố chống giữ một cây cầu khỏi sụp sau khi các trụ cầu đã gục ngã trước đó.

Mặc dù rất nhiều người sẽ bức tức vì đã phải trả giá quá cao cho những căn lều của họ, nền kinh tế của hòn đảo sẽ thực sự tốt hơn nếu giá lều giảm và việc xây dựng lều mới dừng lại, ít ra là cho đến khi nhu cầu thực về lều xuất hiện trở lại. Theo đó, mọi người có thể chi tiêu ít hơn vào lều, còn lại nhiều tiền hơn để chi tiêu vào những thứ khác mà nền kinh tế đang thiếu hụt - các dự án kinh doanh mới, hay các xe kéo mới chỉ do một con lừa

kéo. Những nguồn lực dùng cho việc xây dựng lều, chẳng hạn như tre nứa và dây, có thể được dùng trong những dự án kinh doanh khác.

Thật không may, sự can thiệp của Chính phủ sẽ ngăn cản việc tái phân bổ tự nhiên của các nguồn lực như vừa nêu ở trên.

“Hãy nói cho họ biết rằng chúng ta sẽ giải cứu. Mà này, trước đây anh đã từng làm ở đó, đúng không?”.

“Đúng, thưa Ngài Chủ tịch, tôi từng làm Tổng Giám đốc công ty đó. Nhưng tôi không thấy điều đó liên quan gì đến cuộc họp ngày hôm nay, và xin nói thẳng là tôi không thích sự ám chỉ đó”.

“Thôi nào, Hank, tôi chỉ đùa vui thôi mà”, Bass tiếp tục. “Sau khi làm cho giá lều tăng lên, đồng thời giải cứu Manny, làm sao để có thể khiến cho dân chúng chi tiêu trở lại? Họ sẽ kiếm ra cá ở đâu? Lần trước khi tôi kiểm tra, chúng ta đã sử dụng cá ngừ. Phải chăng vì thế mà người ta đang tụ tập ngoài kia Với những cây chĩa ba dùng để cào cỏ?”

“Thưa Ngài, chúng tôi dự định phát tiền giấy mới của Ngân hàng Dự trữ Cá cho tất cả mọi công dân. Như thế sẽ khiến họ chi tiêu trở lại!”.

“Tốt lắm, nhưng chúng ta lấy đâu ra cá? Không phải đội ngũ kỹ thuật viên đã kéo hết cỡ những chú cá tầm của hòn đảo này rồi hay sao?”

“Thưa, chúng ta vừa có những cam kết mới từ người Sinopia. Họ đề nghị mua hệ thống Water Works của chúng ta với giá 100.000 con cá!”.

“Bán hệ thống Water Works? Rủi ro quá cao cho an ninh quốc gia, anh có biết không? Người ta sẽ bôi tro trát trấu vào mặt tôi nếu tôi đồng ý bán thứ đó cho nước ngoài. Sao bọn Sinopia không thể cho chúng ta vay?”.



Sau nhiều tháng thương lượng căng thẳng, các đại sứ của Bass thuyết phục người Sinopia rằng việc bán đứt dự án Water Works là bất khả thi, xét về phương diện chính trị. Thay vào đó, Sinopia, dù khá cay đắng, đành phải chấp nhận cho Usonia vay một khoản trị giá 100.000 con cá.

“Này, Hank”, Bass nói, sau khi biết tin tức thành công về khoản vay này. “Tuyệt vời, chúng ta đã vay được cá. Nhưng... làm sao chúng ta trả được món nợ này?”.

“Theo tôi, chúng ta sẽ lại phải in ra một lô tiền mới nữa, lần này sẽ sử dụng chất liệu giấy thượng hạng”.

“Đúng, nhưng liệu họ có chịu nhận tiền giấy của chúng ta hay không? Chẳng phải chúng ta đã nghe rất nhiều lời cảm ràm từ người Sinopia về giá trị tờ giấy bạc của chúng ta hay sao? Giống như giọng điệu của gã Chuck DeBongo vài năm trước đây vậy. Nếu chúng ta phát hành quá nhiều tiền, liệu họ có bán tiền Usonia ra hay không?”.

“Khó có khả năng đó, thưa Ngài! Họ đang nắm giữ quá nhiều tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Cá. Nếu họ từ chối nhận thêm tiền, những tờ giấy bạc này sẽ mau chóng giảm giá trị. Chúng ta đã đẩy họ vào thế khó! Nếu tình hình xấu đi, chúng ta chỉ cần nhắc lại cho họ về “Chính sách Cá mạnh mẽ” của chúng ta mà thôi”.

“Ồ, đúng vậy, tôi suýt quên điều đó. Có chính sách đó trong túi áo thì thật là thoải mái. Phải chăng anh muốn nói tới việc nỗ lực đánh bắt cá nhiều hơn để hỗ trợ cho giá trị tờ tiền giấy của chúng ta?”.

Brent Barnacle trả lời “Không, thưa Ngài. Cái gọi là *Chính sách Cá mạnh mẽ* chỉ là lời nói suông mà thôi, chứ thực sự chúng ta chẳng làm gì cả. Cùng lắm, đó chỉ là một dạng hô khẩu hiệu mà thôi”.

“Anh nói phải, Barney à! Giờ có thể nói tôi đã biết chút ít về hành động cứng rắn. Nhiệm vụ đã xong, nào các Ngài, giờ chúng ta cùng đi trượt nước!”.

ĐIỀU CÒN ĐỌNG LẠI

Thật khó mà cường điệu về ảnh hưởng của đợt bùng nổ địa ốc đối với nền kinh tế nói chung. Trong giai đoạn cơn điên loạn địa ốc đạt đến đỉnh điểm, toàn bộ hoạt động tài trợ, xây dựng và trang trí nhà cửa đã trở thành động cơ chính của nền kinh tế Mỹ. Tuy tất cả mọi người đều thấy được vận may của mình, hầu như chẳng có ai quan tâm tới cái giá phải trả trong tương lai.

Ngoài lợi nhuận kiếm được của những kẻ đầu cơ địa ốc theo kiểu mua bán liền tay, những người sở hữu nhà còn rút ra hàng trăm tỷ dollar hàng năm từ việc vay thêm do giá trị căn nhà (tài sản thế chấp) của họ gia tăng. Quá trình này, nói một cách tượng hình, đã biến nhà đất thành những chiếc máy ATM rút tiền mà không phải trả thuế! Người dân dùng tiền mới vay được để sửa sang nhà cửa, đi du lịch, trang trải học phí, mua xe hơi và hàng điện tử, nói chung là sống dư dật hơn hẳn so với khi giá trị căn nhà của họ không tăng.

Nhưng tất cả những sự sung túc đó chỉ là ảo ảnh.

Trong cuốn sách *Irrational Exuberance* (tạm dịch: *Sự phồn thịnh vô lý* - ND), Robert Shiller cho biết trong suốt thế kỷ XX, giá nhà ở Mỹ tăng trung bình 3,4%/năm, cao hơn không đáng kể so với tỷ lệ lạm phát bình quân. Có những lý do hợp lý cho việc này: giá nhà gắn liền với khả năng hoàn trả của mọi người, khả năng này phụ thuộc vào thu nhập và mức độ sẵn sàng cung ứng của tín dụng.

Nhưng từ 1997 đến 2000, trung bình hàng năm giá nhà tăng tới 19,4%, trong khi thu nhập cá nhân hầu như không thay đổi. Vậy tại sao người ta có thể sẵn lòng trả nhiều tiền như vậy? Lý do ở đây chính là tín dụng, được các chính sách của Chính phủ làm cho trở nên dễ dàng hơn, với lãi suất thấp hơn. Nhưng tín dụng không thể phình to mãi, và cuối cùng các điều kiện vay tiền đã thắt chặt trở lại. Khi tín dụng bị thắt chặt, chẳng còn gì khiến giá nhà có thể tiếp tục tăng được nữa.

Như vậy, khi thị trường đã đạt đỉnh của nó, nguồn tiền dễ dàng từng đổ vào nền kinh tế trong những năm trước nay dừng lại. Ngay cả khi không có những đảo lộn nào về kinh tế sau khi bong bóng nhà đất vỡ tung (thực tế là có!), nền kinh tế chắc chắn phải co lại về quy mô khi không còn có thêm tiền mặt đầu tư vào nữa. Một đợt suy thoái không chỉ là đương nhiên, mà còn hết sức cần thiết để tái cân bằng nền kinh tế.

Nhưng khi nền kinh tế bắt đầu co lại, những nhà làm luật và nhà kinh tế không xem điều này là hậu quả tất yếu của giai đoạn đầu tư dễ dãi và chi tiêu quá mức trước đó, mà lại coi bản thân sự suy thoái là vấn đề cần giải quyết. Nói cách khác, họ nhầm lẫn cách chữa bệnh với chính bản thân căn bệnh.

Mục tiêu chính sách của cả hai Chính phủ dưới thời Bush và Obama đều là thúc đẩy người tiêu dùng chi tiêu như họ đã từng chi tiêu trước khi bong bóng nhà đất vỡ tan. Nhưng bằng cách nào? Nếu thất nghiệp gia tăng, thu nhập và giá nhà đều giảm, người ta lấy tiền đâu ra mà tiêu xài?

Các nhà kinh tế bèn tuyên bố rằng nếu người dân không thể chi tiêu, Chính phủ phải bước ra và làm việc đó! Nhưng Chính phủ làm gì có tiền! Tiền của Chính phủ là tiền thuế, tiền đi vay hay... in ra mà thôi.

Hiện nay, quá trình này đơn giản chỉ làm gia tăng khoản nợ công khổng lồ (khoảng 1,6 ngàn tỷ USD mỗi năm, và còn tiếp tục). Và mặc dù những con số là khá tồi tệ, chúng ta vẫn có thể bán hầu hết số nợ này ra thị trường mở, chủ yếu là bán cho người nước ngoài.

Nhưng vận may của nước Mỹ không thể kéo dài mãi mãi. Sẽ đến lúc Chính phủ Mỹ chỉ còn vòn vẹn hai lựa chọn: tuyên bố vỡ nợ với các chủ nợ và thương lượng cách giải quyết, hoặc chấp nhận lạm phát bằng cách in

tiền để trả nợ. Cả hai cách này đều dẫn đến những hậu quả đau đớn. Tuyên bố vỡ nợ đem lại khả năng “phán xử” thật sự và một khởi đầu mới hoàn toàn, thực ra là lựa chọn tốt hơn. Thật không may là tuy lạm phát là lựa chọn kém hơn, nhưng đó lại là giải pháp tốt hơn xét về mặt chính trị.

CHƯƠNG 16: VỘI VÃ

Bất chấp những cuộc giải cứu và biện pháp kích thích của Bass và Plankton, nền kinh tế Usonia tiếp tục suy thoái trong thời gian mọi người tháo chạy khỏi việc kinh doanh lều. Thật lạ lùng khi chẳng còn ai quan tâm tới việc mua thêm những căn lều mới nữa. Thay vì chi tiêu số cá nhận được trong gói kích thích, một số người lại chọn cách tiết kiệm chúng. Khi chi tiêu ngưng trệ, các công ty sản xuất xe kéo gần như đứng trên bờ vực phá sản. Hut Depot, công ty chuyên bán dụng cụ sửa chữa lều, cũng lâm vào tình cảnh tương tự. Thất nghiệp trở nên tồi tệ hơn, dẫn đến sự bất mãn của công chúng ngày càng tăng cao.

Cuộc bầu cử kế tiếp có tầm quan trọng cốt yếu. Ứng cử viên cho chức chủ tịch Nghị viện, ông Barry Ocuda, quy lỗi cho nhóm của Bass về việc thiếu năng lực khi đối mặt với những tình hình khẩn cấp ở mức quốc gia. Ông chỉ trích các biện pháp của Bass chỉ mang tính nửa vời, hời hợt. Tranh cử với khẩu hiệu “*cải tổ và thay đổi triệt để*”, Ocuda cam kết Chính phủ sẽ nỗ lực nhiều hơn để thay đổi tình hình kinh tế của hòn đảo.



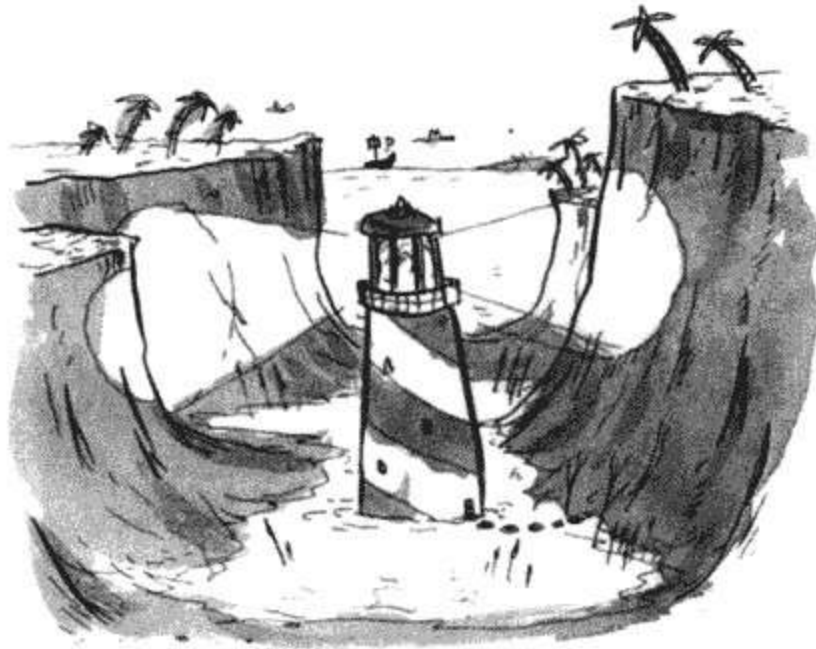
Sau khi trúng cử, Ngài tân Chủ tịch Nghị viện trẻ trung bắt tay vào việc, ông ta cải tổ các chính sách của Bass bằng cách... tăng quy mô của chúng lên gấp ba lần!!! ông ta thiết kế ra những chương trình mới để đẩy những đồng tiền giấy mới in ra của Ngân hàng Dự trữ Cá vào nền kinh tế.

Ocuda cũng nâng mức hỗ trợ của Chính phủ cho những người mua lều: đầu tiên chỉ trợ cấp cho những người lần đầu mua lều, sau đó áp dụng cả cho những người kinh doanh lều. Và một lần nữa, ông ta giảm lãi suất các khoản cho vay của Finnie và Fishy.

Đồng thời, nhận thấy số học viên tại các trường dạy trượt nước sụt giảm thê thảm, ông ta cũng tăng mức trợ cấp trực tiếp cho các trường này, tạo điều kiện dễ dàng hơn cho các khoản vay học tập.

Ông ta chấp thuận việc xây dựng một hải đăng mới ở Shady Swamp. Khi các kỹ sư nói rằng thực sự chưa cần có thiết bị này cho lắm, Ocuda nhắc họ

nhớ rằng chỉ riêng các công việc do dự án xây dựng này tạo ra cũng sẽ là một cú hích cho nền kinh tế!



Ocuda cũng đặt nhiều niềm tin vào việc triển khai những nguồn năng lượng thay thế. Ông ta lập luận “Xã hội chúng ta đã phụ thuộc quá nhiều vào sức kéo của lửa. Theo tôi, loài lạc đà không bướu có lẽ phù hợp hơn với khí hậu và địa hình của đảo. Chúng ăn ít cỏ hơn, mà lại vững vàng khỏe mạnh hơn, sinh sản nhiều hơn lũ lừa. Hơn nữa, phân lạc đà cũng... có mùi dễ chịu hơn!”.



Ocuda lập nên một kế hoạch tổng thể gồm nhiều bước để cải tổ và chuyển đổi nền kinh tế cũ.

Một là, ông ta thúc đẩy việc áp dụng cơ sở hạ tầng dựa trên sức kéo của lạc đà qua những gói kích thích chi tiêu khổng lồ. Để đạt mục đích này, ông kêu gọi một chương trình chăn nuôi lạc đà quyết liệt, do Nhà nước thực hiện, ông cũng ra lệnh cho các nhà sản xuất xe kéo (hiện nay đã do Nghị viện tiếp quản và điều hành trực tiếp) phải thiết kế lại và điều chỉnh kích cỡ xe sao cho vừa với lạc đà. Rồi ông ta cũng cho nâng mặt đường dành cho xe kéo, phủ lên trên một lớp đất phù hợp hơn với chân lạc đà!

Hai là, Ocuda đưa ra chương trình Đổi Xe Kéo, theo đó khuyến khích người dân đổi xe lừa kéo lấy những chiếc xe tiết kiệm nhiên liệu hơn do lạc

đà kéo. Đây đúng là tin tốt lành cho các công ty xe kéo của Sinopia, vốn chỉ sản xuất các cỗ xe cỡ nhỏ hơn.



KIỂM TRA THỰC TẾ

Với nhiều người, tác động tích cực của các chương trình như Shady Swamp và Đổi Xe Kéo nói trên là đương nhiên. Rất dễ dàng để nhận thấy những ý tưởng này thúc đẩy việc bán hàng và tạo công ăn việc làm cho người dân ra sao.

Nhưng cũng tương tự như với các chương trình cho vay mua lều được Nghị viện tài trợ, còn lâu mới chắc chắn được những khoản chi tiêu này là việc sử dụng tốt nhất các nguồn lực của đảo. Thực tế thì không có hoạt động nào trong số này làm tăng năng lực sản xuất của đảo.

Ngay cả những việc làm bị mất đi hay không được tạo ra do sự dịch chuyển các nguồn tư bản và lao động vào những hoạt động mà Nghị viện cho là đủ quan trọng để tài trợ thì cũng không hoàn toàn rõ ràng hay đương nhiên.

Thông qua phương thức "thử và sai", các lực lượng thị trường lẽ ra đã quyết định cách sử dụng tốt nhất với các nguồn vốn đầu tư còn lại. Các doanh nghiệp không nắm bắt được thời cơ thị trường sẽ thua lỗ, nhà đầu tư

sẽ quay đi. Các doanh nghiệp nắm được cơ hội sẽ thu được lợi nhuận, thu hút thêm được vốn và tăng trưởng tốt.

Có lẽ các nỗ lực chi tiêu sẽ hiệu quả hơn nếu hướng về việc làm lưới, các thiết bị đánh cá, hay xuồng. Dự án thành công nhất sẽ là dự án cho người ta cái họ cần vào đúng lúc họ cần. Nhưng khi cơ chế thị trường không được sử dụng, mọi người đành phải đặt lòng tin vào một nhóm nhỏ lãnh đạo đưa ra những quyết định ảnh hưởng đến toàn bộ hòn đảo.

Khi Ocuda và đồng minh của ông ta trong Nghị viện là Nan ShallowSea chuẩn bị tung ra hàng chồng giấy bạc mới, họ đã bỏ qua một chi tiết nhỏ: Usonia đã hoàn toàn hết cá! Nguồn tài trợ cho các khoản chi tiêu mà họ đã hoạch định sẽ phải đến từ nước ngoài.

Người Usonia đã có thể tiêu dùng nhiều hơn những gì họ làm ra chẳng qua là do người nước ngoài sẵn lòng đổi hàng hóa của họ lấy những tờ tiền giấy! Trên thực tế, các lựa chọn vào lúc này của họ là rất đơn giản:

1. Tiêu dùng ít đi và dùng khoản tiết kiệm để hoàn trả các món nợ
2. Sản xuất nhiều hơn và dùng lượng hàng hóa dôi dư để hoàn trả nợ
3. Tiếp tục vay mượn để duy trì mức độ tiêu dùng hiện tại

Hai lựa chọn trước đều kéo theo những hậu quả không vui vẻ gì cho người Usonia. Họ phải làm nhiều hơn hay ăn ít đi, hoặc cả hai! Lựa chọn thứ 3 hoàn toàn nhờ vào người nước ngoài. Không có gì lạ khi các nghị sỹ dửng dưng cảm chọn cách... đưa hậu quả ra nước ngoài! Làm như vậy, họ hy vọng rằng việc chi tiêu mới sẽ phục hồi nền kinh tế tại đảo.

KIỂM TRA THỰC TẾ

Nhưng, xin hãy nhớ rằng nền kinh tế không thể tăng trưởng vì người dân chi tiêu, ngược lại mới đúng: người dân chi tiêu vì kinh tế tăng trưởng. Các nghị sỹ và những người tư vấn cho họ không nhận ra sự thật này. Cùng lúc đó, những đồng tiền mới in tạo ra ảo giác về sự thịnh vượng.

Những người thất nghiệp biết rằng việc làm tại Sinopia đang được tạo ra nhanh như chúng đang được mất đi tại quê nhà Usonia của họ. Điều này là do Sinopia mua vào lượng tiền giấy của Usonia, khiến tiền Usonia tăng giá, còn các sản phẩm của Sinopia ngày càng rẻ đi và làm cho mọi người không thể nào mà không mua chúng! Do đó, Ocuda và ShallowSea công khai vận

động người Sinopia giảm bớt khối lượng tiền Usonia mua vào, giúp cho tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Cá giảm giá trị và sản phẩm của Usonia cạnh tranh hơn.



Tất nhiên, chẳng ai biết làm sao mà Sinopia có thể làm hai việc cùng lúc: vừa cung cấp lượng cá cần thiết để tài trợ cho chương trình chi tiêu của Ocuda, lại vừa giảm lượng giấy bạc của Ngân hàng Dự trữ Cá - phương tiện của quá trình tài trợ đó. Chẳng có ai buồn đặt câu hỏi này ra cả! Ngay cả khi chuẩn bị vay mượn nhiều hơn bao giờ hết, các nghị sỹ của chúng ta vẫn quên rằng khi mình đi vay thì cần phải có ai đó... cho vay!

Sinopia thức tỉnh

Bên kia đại dương, người Sinopia không nhiệt tình lắm trước kế hoạch của Nghị viện Usonia. Mọi việc bắt đầu hơi rắc rối khi người lao động lờ mờ biết được họ sẽ phải cung cấp thêm bao nhiêu con cá nữa để lấy về những đồng tiền giấy Usonia.



Đa số dân Sinopia bức tức trước thực tế “làm nhiều mà hưởng ít”. Do Chính phủ nơi đây không cung cấp mạng lưới an sinh xã hội tốt như tại Usonia, người dân nói chung để dành rất nhiều tiền phòng khi tuổi già đến, không còn lao động được. Mọi người đều chăm chỉ làm việc, chẳng ai mua lừa chứ đừng nói tới việc tậu xe kéo, cũng rất ít người dám đi chơi trượt nước. Có đi thì họ cũng đi theo nhóm, 4-5 người thuê một chiếc ván trượt để cùng chơi!



Vua Sinopia cũng bắt đầu bức bối với tình trạng này, ông ta đặc biệt lo âu trước kế hoạch chi tiêu chóng mặt của Ocuda. Các nhà tư vấn của

ông ta, đa số từng là “môn đệ” của Ally Greenfin, bắt đầu lo ngại rằng đồng tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Cá mà họ đang giữ sẽ mất giá trị nếu họ ngừng mua vào loại tiền này. Và nếu điều đó xảy ra, người Usonia sẽ không còn mua các sản phẩm của Sinopia nữa.

Họ lập luận rằng nếu không có lượng cầu khổng lồ từ Usonia, các nhà máy xuất khẩu của Sinopia sẽ phải đóng cửa, gây ra thất nghiệp, bất mãn xã hội và thậm chí là các cuộc biểu tình phản đối, điều vẫn bị cấm xưa nay ở đảo quốc này. Lâm vào tình thế tiến thoái lưỡng nan, vị vua Sinopia đành giữ nguyên hiện trạng và hy vọng sẽ có một giải pháp nào đó.

Một ngày nọ, trong khi nhà vua đang trầm ngâm suy nghĩ, còn hội đồng tư vấn kinh tế thì đang bận đi nghiên cứu, một người nông dân lên vào cung điện gặp ông ta.

“Tâu bệ hạ, xin tha cho sự đường đột của hạ thần, song hạ thần nghe nói rằng bệ hạ đang lo âu về lũ cá. Hạ thần có thể giúp bệ hạ được!”.

“Đó là những vấn đề lớn, liên quan đến thương mại, tiết kiệm, đầu tư và kế hoạch. Nhà ngươi biết gì về chúng?”, vị vua gầm lên.



“Hạ thần biết rất ít”, người nông dân thú nhận. “Nhưng trong làng của hạ thần, dân làng chỉ sản xuất những chiếc bát bằng gỗ để đem xuất khẩu, đổi lấy những tờ tiền giấy, thứ mà mọi người dành dụm cho tương lai. Chúng thần hy vọng sẽ dùng tiền để mua thứ gì đó, nhưng hiện nay thì chẳng có gì. Khi đem bán những chiếc bát mà mình làm ra, hạ thần tự hỏi sao mình không thể có chúng, mà hiện nay vẫn phải ăn cá để trên nền nhà, vô cùng mất vệ sinh! Sao chúng ta không thể tự làm ra bát gỗ để dùng, như vậy cuộc sống không phải sẽ tốt hơn sao?”.

“Không được”, nhà vua nói - “Dân chúng sẽ chết đói nếu không có xuất khẩu. Còn có cách nào khác để điều hành nền kinh tế đâu?”.

“Tâu bệ hạ, như thần đã nói, chúng ta chuyên nghề làm chén bát. Dưới sự cai trị anh minh của bệ hạ, dân ta cũng đánh bắt cá ngày một nhiều hơn. Do đó, cái chúng ta cần là những người dân trong nước đồng ý trao đổi cá lấy chén bát. Mọi năng suất của chúng ta đều được giữ lại trong nước, người dân sẽ có nhiều chén bát hơn, mà cũng có nhiều cá hơn để bỏ vào những chén bát đó!”.

Nhà vua lúng túng: “Nhưng hợm đã, dân Usonia giàu có hơn chúng ta nhiều. Làm sao chúng ta có thể trả nhiều tiền hơn họ khi mua những sản phẩm này? Họ có thể mua với giá cao hơn, họ có tiền của Ngân hàng Dự trữ Cá”.

“Xin bệ hạ tha tội, nhưng thần không hiểu tại sao chúng ta lại cần những đồng tiền của họ! Chúng có giá trị chẳng qua chỉ vì các sản phẩm của chúng ta, tức là cá và chén bát. Chúng ta làm ra sản phẩm, tức là chúng ta đủ khả năng tiêu thụ chúng. Chỉ cần dừng ngay việc bán sản phẩm miễn phí này lại mà thôi”.



Lập luận đơn giản của người nông dân khiến nhà vua bị ấn tượng và sau đó quyết định thay đổi chính sách. Từ nay Sinopia không bán hàng để lấy tiền giấy nữa, mà chỉ trao đổi hàng hóa để lấy cá thật mà thôi!

Tuy nhiên, nhà vua cũng không thoải mái lắm với đề xuất thay đổi triệt để như người nông dân đề xuất, nên ông ta áp dụng một lộ trình từ tốn hơn. Nói gì thì nói, bản thân nhà vua đã có quá nhiều ly tách chén bát, mà chẳng có cái nào trong số đó làm bằng gỗ cả!

ĐIỀU CÒN ĐONG LẠI

Sau vài quý có tình hình thống kê GDP tích cực hơn, các nhà kinh tế hồ hởi cho rằng Đại Suy thoái đã qua. Nhưng với tỷ lệ thất nghiệp hơn 10% và tỷ lệ “lao động dôi dư do thiếu công ăn việc làm” (những người đã từ bỏ hy vọng kiếm được việc làm, hay chỉ làm bán thời gian) hơn 17%, nhiều người Mỹ hẳn sẽ ngạc nhiên khi nghe những tin tốt lành.

Thực tế thì cuộc Đại Suy Thoái đã khởi động công việc đau đớn nhưng chưa hoàn thành của việc tái cân bằng nền kinh tế. Năm 2009, tỷ lệ tiết kiệm quốc gia tăng lần đầu tiên sau nhiều năm, thâm hụt thương mại bắt đầu co lại sau khi tăng chóng mặt trong suốt thập kỷ. Nhưng các chương trình kích cầu của chính quyền Bush rồi Obama đã làm ngừng quá trình đó. Việc tạo ra những khoản nợ lớn hơn bao giờ hết đã ngăn chúng ta quay lại với các tiêu chuẩn sống tương xứng với năng suất của nền kinh tế.

Nhưng đến một thời điểm trong tương lai gần, có thể là vài năm tới, chúng ta sẽ gặp rắc rối với nợ nần. Cho đến nay chúng ta vẫn né tránh được mọi thứ tệ hại, hay những *viên đạn*. Không may là do thâm hụt ngân sách hàng năm ngày càng tăng, cũng như khả năng phá sản của hệ thống An sinh Xã hội và Chăm sóc sức khỏe Medicare (một phần do sự dịch chuyển nhân khẩu của những người thuộc thế hệ ra đời sau Thế chiến II nay đến tuổi về hưu), *những viên đạn* sẽ hướng thẳng vào chúng ta với tốc độ cao hơn, với tần suất nhiều hơn!

Washington không thể hiện bất cứ sự sẵn sàng nào để giải quyết vấn đề này. Việc cắt giảm chi tiêu của Chính phủ chưa từng được xem xét, chứ đừng nói tới việc thực hiện. Khi mới nhậm chức, Tổng thống Obama từng khá màu mè khi thực hiện việc “soi từng dòng” trong chi tiêu ngân sách liên bang lên tới 3.000 tỷ USD để tìm ra “những khoản chi lãng phí”. Rốt cuộc quá trình này giúp tiết kiệm được một khoản nhỏ nhoi là 17 tỷ USD, tức là chưa tới 0,5% ngân sách! Ngay cả những người đề xuất khoản cắt giảm này cũng nhận được hàng tràng phản đối từ cả hai Đảng Cộng hòa và Dân chủ.

Nếu Chính phủ không vận dụng những nguyên tắc tài chính, thì các chủ nợ của chúng ta, lớn nhất là Trung Quốc và Nhật Bản, sẽ làm điều đó với nước Mỹ. Tuy có rất nhiều cách để áp dụng chế tài tài chính, song cách đơn giản nhất sẽ là những chủ nợ này sẽ thôi không mua những khoản nợ của Mỹ nữa.

Cho đến nay thì những chủ nợ của Mỹ đang rơi vào cái bẫy như những người Sinopia trong câu chuyện của chúng ta. Nhưng một khi nhận ra việc tiếp tục cho vay với một con nợ mất khả năng chi trả chỉ là một sự lãng phí

nguồn lực thì chắc chắn những nước này sẽ thay đổi. Khi đó họ sẽ tái tập trung năng suất vào nhu cầu của người tiêu dùng nội địa, những người nay có cơ hội hưởng thụ thực sự thành quả lao động của mình.

Hiện nay, bất chấp những lời than phiền và những kêu gọi cải cách tiền tệ quốc tế, những chủ nợ này vẫn tiếp tục cho (Mỹ) vay. Nhưng điều đó không thể kéo dài mãi mãi.

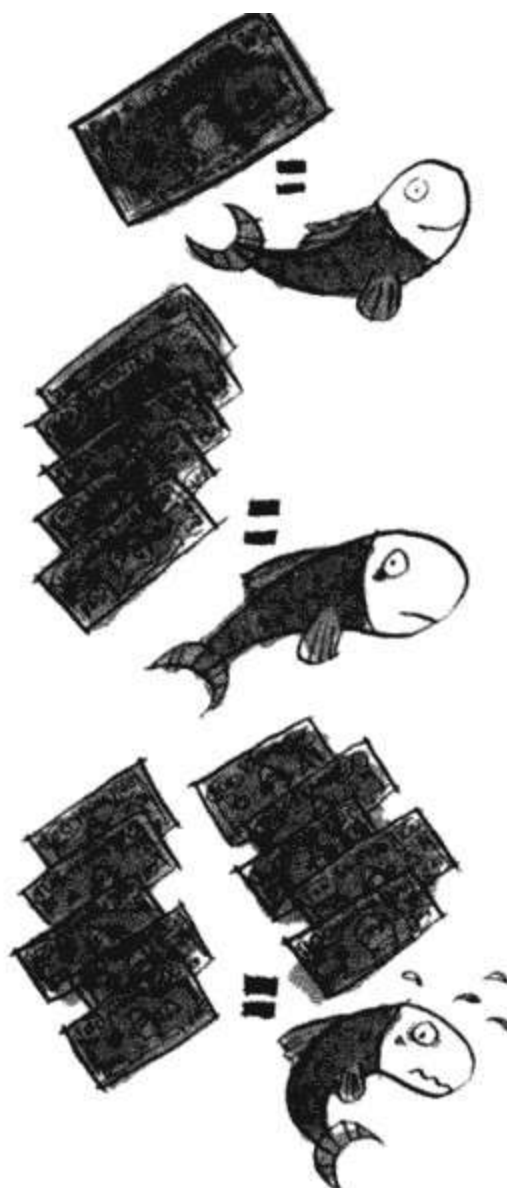
Với hơn 50% nợ Chính phủ của chúng ta được bán cho các Chính phủ nước ngoài, ai có thể bù đắp được khi các quốc gia này không mua nợ của Mỹ nữa (*tức là mua trái phiếu Chính phủ Mỹ - ND*). Nguồn tiết kiệm trong nước quá nhỏ, nên chỉ riêng dân Mỹ sẽ không thể gánh nổi cục nợ đó!

Đến ngày đó, chúng ta chỉ có hai lựa chọn: tuyên bố mất khả năng trả nợ hay chấp nhận lạm phát. Cả hai đều làm giảm mức sống của người dân qua việc mất sức mua và lãi suất tăng cao.

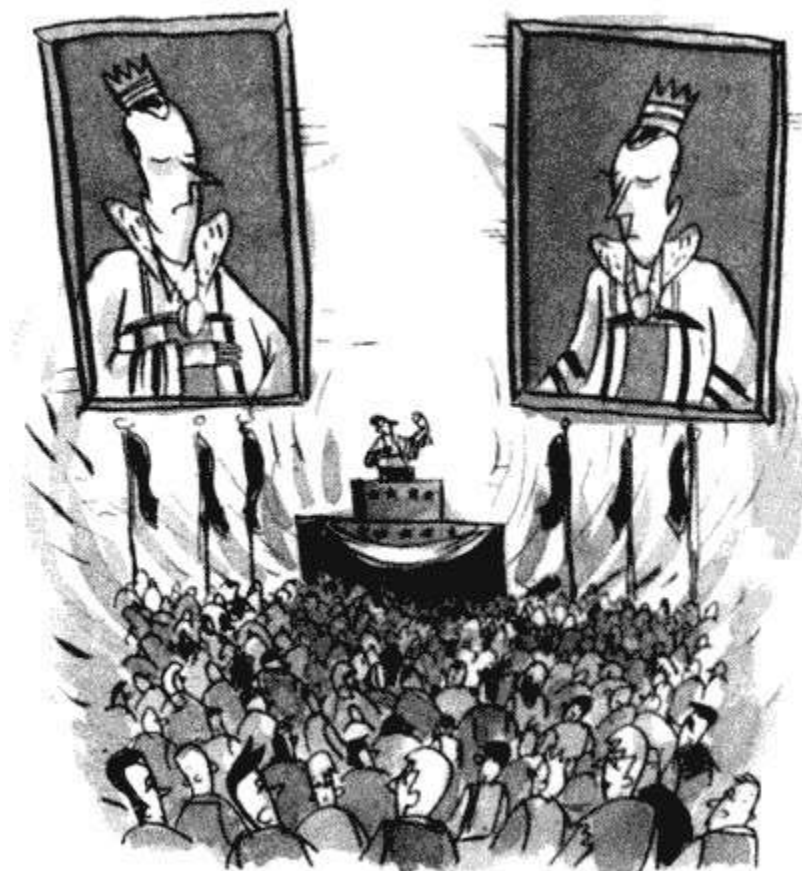
CHƯƠNG 17: MỌI CHUYỆN VỒ LỎ

Khi số lượng cá hàng ngày giao từ Sinopia giảm đi, mọi chuyện bắt đầu thay đổi.

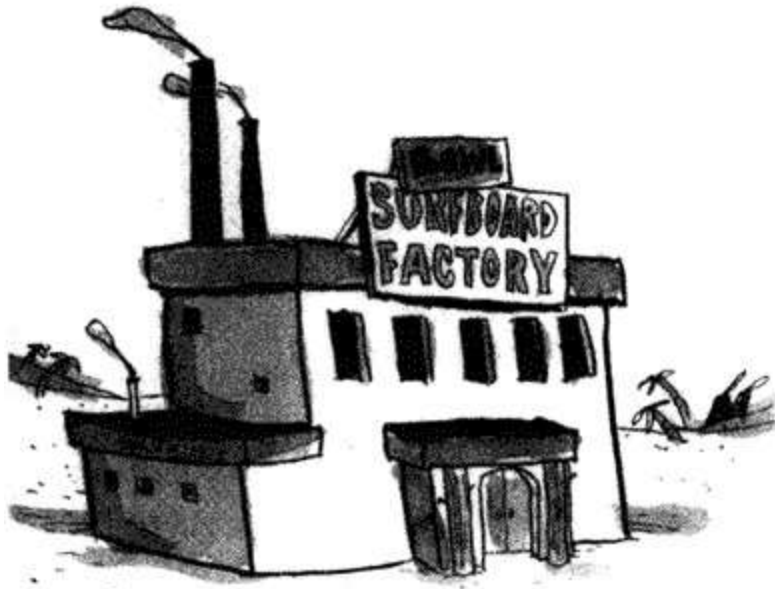
Khi những người Sinopia, vốn là nguồn tiêu thụ lớn nhất của số lượng tiền giấy do Ngân hàng Dự trữ Cá phát hành, hạ thấp lượng mua của họ, nguồn cung loại tiền giấy này trên thị trường vượt trội so với lượng cầu của nó. Khi cung vượt cầu thì giá phải giảm, và khi giá của đồng tiền Usonia giảm thì chẳng ai dại gì mà muốn nắm giữ nó cả. Người Bongobia và người Derishia nổi gót người Sinopia trong việc cắt giảm số lượng tiền Usonia mà họ nắm giữ. Với quá nhiều người bán ra và quá ít người mua vào, tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Cá như rơi tõm vào một vòng xoáy tử thần.



Bị mắc kẹt với một đồng tiền giấy càng lúc càng giảm giá trị mà không thể bán cho ai được, nhà vua Sinopia cảm thấy rõ tình hình đã vượt ra ngoài tầm kiểm soát của ông ta. Hiểu rằng lượng dự trữ bằng tiền giấy Usonia sớm muộn sẽ là... giấy lộn, ông ta chuẩn bị tinh thần sẵn sàng “chịu đòn” cho các thần dân của vương quốc. Tại một cuộc diễu hành lớn, nhà vua tuyên bố như đinh đóng cột Với dân chúng rằng khó khăn trước mắt sẽ sớm qua đi, sau đó là những thành công về lâu dài!



Đúng như tất cả dự đoán, ở Sinopia lượng dự trữ bằng tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Cá Usonia đã mất hoàn toàn giá trị. Nền kinh tế Sinopia rơi vào hỗn loạn, một số doanh nghiệp phải đóng cửa. Nhưng đúng như những gì người nông dân trong chương trước tiên đoán, một số doanh nghiệp mới hình thành, sử dụng năng lực sản xuất còn dư để cung cấp những hàng hóa mà dân Sinopia thực sự có nhu cầu sử dụng.



Như trước kia, người Sinopia vẫn có khả năng bắt cá, làm ra sản phẩm và hình thành những khoản tiết kiệm. Do đó là những "nguyên liệu" chủ yếu để kinh tế phát triển, không có lý do gì mà Sinopia rơi vào khủng hoảng được cả. Trên thực tế, với nhiều sản phẩm trên thị trường nội địa và lượng tiết kiệm dồi dào nằm tại ngay các ngân hàng trong nước, mức sống nói chung bắt đầu đi lên. Nguồn tiết kiệm trước kia bị đóng băng chết cứng trong lượng dự trữ bằng tiền Usonia, nay được giải phóng và đem cho các nhà máy địa phương vay, giúp họ sản xuất phục vụ nhu cầu tiêu thụ trong nước. Khi người ta làm ra nhiều sản phẩm cho khách hàng nội địa có nhiều, các cửa hàng nay đầy ắp hàng hóa. Tồn kho tăng nghĩa là giá cả có thể giảm trở lại. Đúng như người nông dân đã dự đoán, bất chấp những thiệt hại do việc dự trữ bằng tiền giấy Usonia, nền kinh tế Sinopia đã thịnh vượng trở lại.

Còn ở Usonia, tình hình diễn biến theo chiều ngược lại. Do lượng cá đánh bắt được tại đây quá nghèo nàn, những kỹ thuật viên của Ngân hàng phải làm việc vất vả và *sáng tạo* hơn bao giờ hết. Những chú cá chính thức teo tóp đến mức báo động, và lạm phát cá quay trở lại. Khác với những lần trước, vòng xoáy lần này không thể kiểm soát được.



Chẳng mấy chốc những con cá chính thức nhỏ đi đến mức chúng phải được kẹp thành từng bó 50 con, rồi 100 con. Mỗi người phải ăn tới 200 con cá một ngày mới đủ no! Mọi khoản dự trữ bằng tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Cá trở nên vô giá trị: chúng ta có tình trạng lạm phát cá phi mã!

Với hàng hóa nhập về từ Sinopia ngày một ít đi, các cửa hàng bán lẻ ở Usonia không còn nhiều hàng tồn kho nữa. Kết quả của những chú cá teo tóp (*tức là đồng tiền mất giá -ND*) chạy theo lượng hàng hóa ít ỏi là giá cả tăng vọt.

Qua một chiến dịch rầm rộ trước công chúng, các nghị sỹ Usonia lên án các nhà bán lẻ đã “làm giá” với hàng hóa, đẩy giá lên vô lý. Họ cho rằng lạm phát cá có thể được kiềm chế nếu các nhà bán lẻ chấp thuận chế độ kiểm soát giá cả hàng hóa dịch vụ. Nhưng vì các biện pháp đó chỉ tập trung vào triệu chứng chứ không phải căn nguyên của lạm phát, chúng chỉ khiến mọi chuyện tệ hơn mà thôi. Kiểm soát giá cả trong khi không làm gì để chặn đà đi xuống của giá trị đồng tiền chẳng qua chỉ ngăn cản khả năng kiếm lời của nhà sản xuất hay nhà bán lẻ mà thôi. Khi đó, tất nhiên họ sẽ không bán hàng hóa nữa, và một thị trường chợ đen sẽ xuất hiện với mức giá cao hơn quy định.

Nhận thấy rủi ro với Ngân hàng Dự trữ Cá, một số công dân Usonia đã chọn cách bảo toàn khoản tiết kiệm còn lại của mình bằng việc ký gửi cá

vào các ngân hàng ở nước ngoài, nơi đó cá của họ không còn bị những ông nghị quý hóa ăn dần ăn mòn như ở trong nước.



Nhưng khi Nghị viện nhận ra xu hướng này, họ bèn cấm người dân không được ký gửi cá ra nước ngoài nữa.

Nỗi sợ về việc cá ký gửi bị xẻ nhỏ lan rộng đến mức người dân không dám để cá ở ngân hàng nữa, mà sẽ tiêu thụ ngay bất cứ con cá nào vừa bắt được. Đến đây, tình trạng như trước khi nền kinh tế phát triển lại xuất hiện trở lại: không có tiết kiệm, nên không có tín dụng và đầu tư.

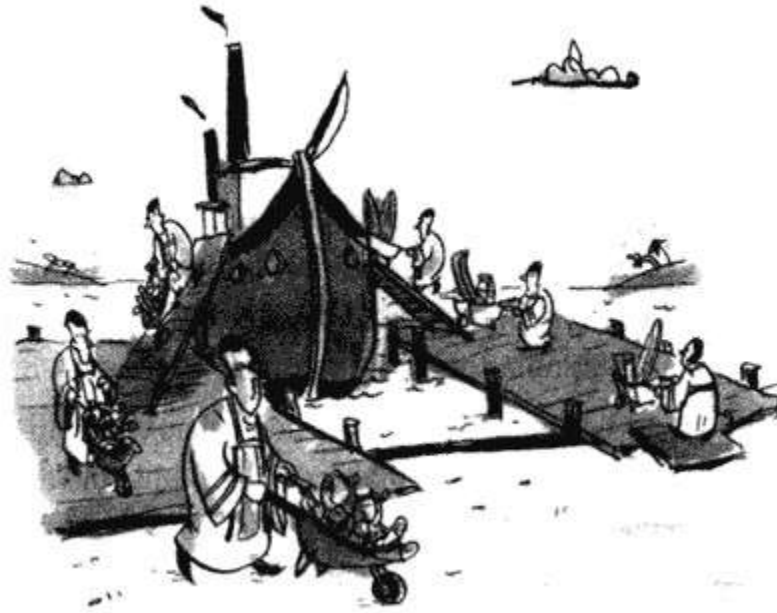


Không nghĩ ra thứ gì mới, các Nghị sỹ lại nhai lại chiêu thức cũ của họ: một chương trình kích cầu! Rõ ràng là những nỗ lực trước đó để hồi sức cho nền kinh tế dường như chưa đủ mạnh. Lần kích cầu này chỉ cần có quy mô và cường độ lớn hơn là ổn! Nhưng không ai biết tác nhân kích thích giờ đây sẽ là gì nữa. Vào thời điểm đen tối này, tinh thần của dân chúng được nâng lên khi nhìn thấy một chuyến tàu đầy ắp hàng hóa từ Sinopia thấp thoáng ngoài khơi xa!

Các Nghị sỹ hết sức vui sướng. Họ thông báo với nhân dân rằng hẳn là người Sinopia đã nhận ra sai lầm khi vội vã tháo chạy khỏi tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Cá Usonia. Họ sẽ lại ký gửi cá ở Ngân hàng Dự trữ Cá của chúng ta mà thôi!

Nhưng khi con tàu Sinopia cập bến, một câu chuyện hoàn toàn khác diễn ra.

Một đoàn người Sinopia lên đảo, đem theo những xe chở đầy cá thật và hàng chồng tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Cá, sau đó hỏi mua mọi thứ trên đảo, kể cả những thứ nhỏ nhất. Do chẳng ai ở Usonia còn cá thật, dân Sinopia có thể trả giá cao và mua được mọi thứ!



Họ mua dự án Water Works, dỡ tung ra và chất lên thuyền chở về. Ngọn hải đăng cũng chịu số phận tương tự. Người Sinopia còn mua cả xe lửa kéo, ván trượt nước, lưới đánh cá thủ công và những bộ lưới lớn hơn. Họ mua cả những khu căn hộ để công nhân Sinopia có thể dùng làm nhà nghỉ mát!

Sau đợt mua hàng khổng lồ này, dân Sinopia kéo đi với hầu như tất cả mọi thứ có giá trị trên đảo, để lại những đồng tiền giấy của Ngân hàng Dự trữ Cá mà họ đã tích lũy trong suốt bao nhiêu năm. Dân Usonia chỉ còn diêm để nổi lửa nấu ăn, nhưng có kiếm ra thứ gì để nấu lên mà ăn hay không thì... chưa chắc!

Các nghị sỹ kiểm tra lại tình hình và cố nghĩ xem họ đã sai ở chỗ nào.

Chúng ta đã chi tiêu, vậy tại sao kinh tế không tăng trưởng?

Cuối cùng mọi chuyện trở nên rõ ràng, và hóa ra đơn giản hơn họ nghĩ rất nhiều.

Đứng trước đám đông dân chúng mong chờ một lời giải đáp, Nghị sỹ Ocuda thốt ra một câu nói trung thực nhất từ một chính trị gia:

“Có ai ở đây còn nhớ cách làm ra một cái lưới hay không? Tôi nghĩ giờ đã đến lúc tất cả chúng ta phải đi đánh bắt cá trở lại!”



ĐIỀU CÒN ĐONG LẠI

Trong suốt chiều dài lịch sử, các Chính phủ đã tự làm khó mình bằng cách chi tiêu nhiều hơn những gì họ có. Khi thâm hụt trở nên quá lớn, những lựa chọn và giải pháp sẽ rất khó khăn.

Một giải pháp là tăng thu nhập của Chính phủ qua việc tăng thuế. Việc này rất khó được nhân dân hưởng ứng và được thông qua tại các nền dân chủ. Ngay cả ở các chế độ toàn trị, việc tăng thuế cũng là vấn đề. Thuế cao luôn làm giảm năng suất và suy yếu các hoạt động kinh tế. Luôn có một giới hạn cho mức thuế. Nâng thuế suất lên cao quá, người ta sẽ không làm việc. Nâng nó lên cao nữa, người ta có thể sẽ làm loạn!

Một giải pháp tốt hơn nhiều là cắt giảm chi tiêu của Chính phủ. Tuy nhiên, cách này còn khó khăn hơn là tăng thuế. Những người có quyền lợi bị ảnh hưởng sẽ không ngần ngại gì bày tỏ thái độ chống đối, trong các kỳ bầu cử và cả ở trên đường phố. Điều này đặc biệt đúng khi những người hưởng lợi từ việc chi tiêu của Chính phủ cảm thấy họ xứng đáng được như vậy. Các chính trị gia đã hứa hẹn nhiều điều khi tranh cử, và các cử tri hầu như chẳng bận tâm về khả năng chính những người đóng thuế mới là người chịu mọi chi phí thật sự cho điều này.

Để tránh cả hai giải pháp bất lợi về chính trị nói trên, một số Chính phủ bèn... tuyên bố vỡ nợ, tức là tuyên bố với các nước chủ nợ rằng nước mình không thể hoàn thành các nghĩa vụ liên quan tới khoản nợ! Nếu đa phần khoản nợ là nợ nước ngoài, thì đây là một quyết định tương đối dễ dàng. Nói theo kiểu chính trị thì lừa dối người nước ngoài vẫn dễ làm hơn là tăng thuế hay từ chối những lợi ích đã hứa cho công dân trong nước mình!

Với các nhà lãnh đạo chính trị, tuyên bố vỡ nợ có thể gây lúng túng, vì đó là một tuyên bố chính thức về việc mất khả năng chi trả. Để tránh điều này, nhiều Chính phủ chọn cách đơn giản là in thêm tiền để trả nợ, nghĩa là né tránh nghĩa vụ trả nợ bằng cách chấp nhận lạm phát. Do lạm phát là thứ dễ chấp nhận nhất, đó sẽ là giải pháp thường xảy ra nhất! Nhưng tuy dễ dàng trước mắt, về dài hạn hậu quả sẽ là khôn lường nhất.

Lạm phát giúp các Chính phủ né tránh những lựa chọn khó khăn và xử lý các khoản nợ một cách bí mật. Bằng cách in thêm tiền, về danh nghĩa Chính phủ trả được nợ, nhưng thực tế là họ đã pha loãng đồng tiền của quốc gia. Chủ nợ được thanh toán, nhưng số tiền họ nhận được có giá trị chẳng đáng là bao vì lạm phát (còn trong trường hợp lạm phát phi mã thì số tiền đó trở nên hoàn toàn vô giá trị!).

Lạm phát chẳng qua là một biện pháp dịch chuyển tài sản từ những người đang có khoản tiết kiệm bằng một loại tiền tệ sang những ai đang có những khoản nợ bằng loại tiền tệ ấy. Khi siêu lạm phát, hay lạm phát phi mã, xảy ra, toàn bộ những gì tiết kiệm được sẽ biến mất, ngược lại toàn bộ khoản nợ (*bằng loại tiền tệ đang bị lạm phát - ND*) cũng sẽ biến mất theo. Những ai sở hữu các loại tài sản khác sẽ không bị ảnh hưởng, vì khi lạm phát diễn ra thì giá trị danh nghĩa của những tài sản khác, chẳng hạn bất động sản, sẽ tăng lên.

Điều này đã từng xảy ra nhiều lần, tại nhiều quốc gia trong chiều dài lịch sử Pháp (thập niên 1790), các bang miền Nam nước Mỹ trong thời Nội chiến (1861-1865), Đức (thập niên 1920), Hungary (thập niên 1940), Argentina và Brazil (thập niên 1970 và 1980), và gần đây nhất là Zimbabwe. Trong mọi trường hợp, những tình huống và điều kiện gây nên lạm phát và sau đó kéo theo sự sụp đổ về kinh tế là hoàn toàn tương tự

nhau. Các quốc gia giải quyết đồng nợ cao ngất của mình bằng cách giảm giá trị đồng nội tệ. Kết quả là chính người dân của nước họ sẽ bị rơi tõm vào cảnh ngộ khốn cùng!

Nước Mỹ ngày này là quốc gia lớn nhất, tiên tiến nhất mà chưa từng trải qua nạn siêu lạm phát, nhưng “chưa” không có nghĩa là “không bao giờ”! Con át chủ bài của chúng ta, cho đến ngày nay, vẫn là việc đồng dollar Mỹ được dùng làm đồng tiền dự trữ quốc tế, bất chấp những chỉ số cơ bản của kinh tế Mỹ tồi tệ tới đâu đi nữa. Nhưng một khi vị thế này không còn thì đồng nội tệ của chúng ta cũng dễ tổn thương như bất cứ đồng tiền nào khác.

Chúng ta cần nhìn nhận các khả năng này và có giải pháp ngăn chặn trước khi chúng ta không thể tự mình quyết định mọi thứ.

LỜI BẠT

Kết cục buồn thảm của hòn đảo Usonia trong câu chuyện mà chúng tôi vừa kể không nhất thiết phải là số phận của một hòn đảo lớn hơn rất nhiều - Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Không may là nếu các nhà lãnh đạo Mỹ càng tiếp tục theo đuổi những chính sách tương tự với những gì đã gây ra khủng hoảng tài chính, thì khả năng kết cục đó diễn ra lại càng cao!

Tuy ý tưởng dùng sự can thiệp và kích thích của Chính phủ như là liều thuốc giải độc trước những thất bại của chủ nghĩa tư bản thị trường là do Keynes khai sinh và Tổng thống Roosevelt tiếp tục phát triển, song phải đến thời kỳ của các ngài Alan Greenspan, George Bush, Ben Bernanke và Barack Obama thì ý tưởng đó mới thực sự đi vào cuộc sống. Trước năm 2002, chúng ta chưa bao giờ có thâm hụt ngân sách liên bang ở mức kinh khủng như hiện nay (vượt mức 1.500 tỷ USD mỗi năm), cũng như chưa bao giờ chứng kiến lãi suất thấp kỷ lục và thị trường tín dụng bị làm méo mó như hiện nay.

Những lỗi lầm về chính sách là hết sức cơ bản, thế mà chúng ta vẫn tiếp tục mắc phải.

Năm 2002, sau vụ khủng hoảng đầu tư vào các công ty công nghệ cao (bong bóng “dot-com”), với hàng tỷ dollar đổ vào những công ty sau đó hoàn toàn vô vọng, nền kinh tế bước vào giai đoạn lẽ ra phải là đợt suy thoái kéo dài hơn dự đoán. Nhưng tân Tổng thống George Bush không muốn nền kinh tế ảm đạm vì nó sẽ ảnh hưởng đến việc tái đắc cử của chính ông ta. Thế là ngài Tổng thống và các nhà tư vấn của ông ta bốc lại thang thuốc cũ của Keynes, Với những khoản chi tiêu của Chính phủ và việc nới lỏng chính sách tiền tệ ở mức độ cao chưa từng thấy qua nhiều thế hệ.

Kết quả, giai đoạn 2002-2003 là giai đoạn suy thoái ngắn kỷ lục, tuy nhiên cái lợi trước mắt đó kéo theo cái giá phải trả về lâu dài là rất nặng nề. Nước Mỹ kết thúc đợt suy thoái nói trên với sự mất cân bằng lớn hơn rất nhiều so với trước đó. Điều này lẽ ra không được phép xảy ra.

Thay vì thúc đẩy tăng trưởng thực, chúng ta lại thúc đẩy một bong bóng tài sản khác (lần này là bong bóng nhà đất) để tạm thời vượt qua đợt suy thoái do bong bóng công nghệ đã vỡ tung gây ra. Giá nhà đất tăng cao đem lại nhiều lợi ích khiến người ta lầm tưởng là sức mạnh kinh tế, song thực sự đó chỉ là những ảo ảnh mà thôi.

Thảm họa thật sự xảy đến sáu năm sau đó, khi bong bóng vỡ tiếp một lần nữa, mà chúng ta vẫn không học được gì từ những bài học quá khứ. Trong việc chẩn bệnh và kê đơn cho đợt suy thoái 2008, các nhà kinh tế và các nhà chính trị vẫn tiếp tục lầm đường lạc lối một cách cực kỳ nguy hiểm.

Trong những tháng sau khi nền tài chính thế giới nổ tung, có một sự nhất trí cao rằng việc thiếu các quy định quản lý phù hợp là nguyên nhân gây ra khủng hoảng. Vai trò của Chính phủ và nhất là của Fed (Hệ thống Dự trữ Liên bang) hầu như không được tính đến khi tìm hiểu nguyên nhân khủng hoảng. Chính vì lẽ đó, chúng ta tăng cường thực hiện những thứ thực ra không cần làm (chi tiêu và siết chặt việc điều tiết, quản lý của Nhà nước), trong khi không thực hiện đủ những việc thực sự cần thiết (tiết kiệm và tự do kinh doanh).

Những nhà lãnh đạo phố Wall cũng hết sức vô trách nhiệm. Trong những năm kinh tế phát triển tốt, các ngân hàng lớn thu được những khoản lợi nhuận kếch sù. Khi khủng hoảng diễn ra, lẽ ra họ phải trả giá nhiều hơn những gì họ đang gánh chịu. Nhưng các ngân hàng đã tận dụng bàn tay điều tiết méo mó của Chính phủ. Một cách phi lý trí, những nhà lãnh đạo của chúng ta tiếp tục khuyến khích mua nhà, chi tiêu và tín dụng, trong khi không khuyến khích tiết kiệm. Tất cả những điều đó làm xói mòn thị trường.

Các chính sách của Fed (Hệ thống Dự trữ Liên bang), Cơ quan quản lý Nhà đất Liên bang, rồi Fannie Mae và Freddie Mac (thực chất cũng là những tổ chức của Chính phủ) đã tạo ra những lợi thế cho việc kinh doanh nhà đất, đồng thời loại bỏ mọi rào cản với việc cho vay / đi vay. Kết quả là chúng ta có bong bóng tín dụng và nhà đất - một bong bóng chỉ có thể phình to, cho đến khi nào... không thể phình to hơn mà thôi!

Lãi suất thấp một cách giả tạo khiến nền kinh tế có vẻ khỏe mạnh hơn, tạo điều kiện cho các khoản cho vay mua nhà thế chấp. Với lãi suất điều chỉnh theo thời gian và các khoản cho vay với lãi suất đầy vẻ mời mọc bùng nổ, khiến giá nhà dù cao vô lý mà trông vẫn có vẻ chấp nhận được. Chính ngài Chủ tịch Fed - Alan Greenspan - cũng khuyến khích người dân tham gia mua nhà. Các cơ quan Chính phủ và những định chế được Chính phủ bảo trợ làm vấn đề trầm trọng hơn bằng việc bảo lãnh các khoản cho vay thế chấp với lãi suất có thể điều chỉnh (Adjustable-rate mortgage, hay ARM) mà chỉ căn cứ vào khả năng trả nợ của người vay ở mức lãi suất chào mời ban đầu (*teaser rate: lãi suất ban đầu, thường thấp để mời chào người ta vay nhiều hơn* - ND). Không có những bảo lãnh này thì rất nhiều khoản vay thế chấp sẽ không bao giờ trở thành hiện thực!

Cũng giống như giá cả trên thị trường tự do được quyết định bởi cung và cầu, thị trường tài chính và bất động sản được quyết định bởi hai yếu tố đối lập nhau là lòng tham và nỗi sợ. Nhưng Chính phủ đã làm mọi cách để gạt bỏ hoàn toàn nỗi sợ của các thành viên thị trường!

Đầu năm 2008, khi những yếu tố thị trường làm xẹp hai bong bóng tài chính và nhà đất, thì Chính phủ lại bước vào để thổi phồng chúng lên một lần nữa. Đầu tiên là việc giải cứu Bear Stearns và AIG, sau đó là những bảo lãnh dành cho các định chế phố Wall như Bank of America và Goldman Sachs. Tiếp đến là chương trình mua lại những tài sản có vấn đề (TARP: Troubled Asset Relief Program) với ngân sách 700 tỷ USD của Bộ Tài chính Mỹ để mua lại các tài sản thế chấp mà lúc đó chẳng có ai trong khu vực tư nhân dám đụng vào! Rồi Chính phủ giải cứu tổ chức cho vay học tập Sallie Mae và thực tế đã quản lý toàn bộ thị trường cho vay học tập này. Các cuộc giải cứu các đại gia xe hơi ở Detroit diễn ra sau đó.

Các ngân hàng và doanh nghiệp lẽ ra đã phá sản nay lại được Chính phủ chống lưng để tiếp tục hoạt động. Nguồn vốn và lao động lẽ ra được thị trường huy động vào những mục đích khác có lợi hơn, thì nay lại được trao vào tay những hoạt động không thực sự cần thiết.

Khi người tiêu dùng dừng chi tiêu (điều này hoàn toàn hợp logic!) sau khi bong bóng nhà đất vỡ, thì Chính phủ lại nhảy vào với gói kích thích

không lồ lên tới 700 tỷ USD nhằm duy trì mức chi tiêu như trước. Khoản chi tiêu này, thực chất là được Chính phủ vay mượn từ các thế hệ con cháu trong tương lai, đã ngăn người dân không phải chịu đựng những khó khăn của việc “có tới đâu tiêu xài tới đó”.

Bằng việc ngăn cản các lực lượng thị trường ghìm cương cơn sốt chi tiêu, thanh lý các khoản đầu tư kém, nâng cao nguồn tiết kiệm trở lại, tài trợ cho việc đầu tư vào tư liệu sản xuất và thúc đẩy dịch chuyển lao động từ khu vực dịch vụ sang khu vực sản xuất, Chính phủ đã củng cố lại những liệu pháp trị bệnh, đồng thời làm căn bệnh trầm kha hơn. Trong quá trình này, chúng ta đã chuyển hóa hầu như mọi loại nợ nần thành nợ công (nợ của Chính phủ) và gây ra một bong bóng khác - bong bóng Trái phiếu Chính phủ Mỹ.

Thật không may là bong bóng này đe dọa sẽ làm lu mờ mọi loại bong bóng tài sản trước đây. Khi bong bóng này cuối cùng nổ tung, sẽ làm giá tiêu dùng và lãi suất tăng vọt, gây ra những hậu quả nghiêm trọng hơn nhiều lần so với các bong bóng công nghệ cao và bong bóng nhà đất cộng lại.

Nhưng chúng ta vẫn còn thời gian để dừng đoàn tàu lại trước khi nó trật bánh khỏi đường ray và lao đầu xuống vực. Chúng ta cần có những nhà lãnh đạo dám dũng cảm trung thực với cử tri. Chúng ta cần những cử tri dám chấp nhận đương đầu với thực tế khó khăn của quá trình phục hồi và làm mới lại nền kinh tế.

Trong nhiều năm, người Mỹ chúng ta đã vung tay quá trán, chi tiêu vô tội vạ. Nay chúng ta phải nỗ lực để chi tiêu cho vừa phải, trong phạm vi những gì mình làm ra mà thôi. Nếu làm được điều này, đồng thời để thị trường tự do vận hành mà không bị ngăn trở, chúng ta có thể tái cân bằng nền kinh tế và bước vào một giai đoạn tăng trưởng mới, tăng trưởng thực sự.

Tuy nhiên, nếu chúng ta vẫn tiếp tục đặt niềm tin mù quáng vào nợ nần, vào cỗ máy in tiền và những giải pháp không đau đớn của Chính phủ, thì tất cả chúng ta rồi sẽ đến lúc phải... bắt cá bằng tay không trở lại.

LỜI CẢM ƠN

Ý tưởng trung tâm của câu chuyện ngụ ngôn trong cuốn sách này được lấy từ tác phẩm *How an Economy Grows and Why It Doesn't* của Irwin A.Schiff, xuất bản năm 1985. Tác giả cuốn sách đó đã để lại ý tưởng nói trên cho chúng tôi, những hậu duệ của ông.

Các tác giả cảm ơn sự đóng góp của Brendan Leach trong việc minh họa nhanh chóng và sáng tạo cho cuốn sách, ông đã làm phong phú thêm về mặt hình ảnh cho khía cạnh hài hước của cuốn sách.

Chúng tôi cảm ơn các nhân viên của John Wiley & Sons, nhất là Kelly O'Connor, đã giúp biên tập cuốn sách thành một câu chuyện nhất quán, trôi chảy và vui tươi. Chúng tôi cảm ơn Mike Finger (công ty Euro Pacific Capital) về những phản hồi của ông về mặt triết lý cũng như mỹ thuật. Sau cùng, chúng tôi cảm ơn tất cả những độc giả đã hỗ trợ bằng cách gửi thư và trao đổi với cha chúng tôi, Irwin, trong nhiều năm qua. Điều này vô cùng có ý nghĩa đối với ông.

VỀ CÁC TÁC GIẢ

Peter D.Schiff là một tác giả ăn khách, với các tác phẩm được nhiều người biết tới như *Crash Proof* và *The Little Book of Bull Moves in Bear Markets*, cả hai đều được John Wiley & Sons xuất bản. Ông là một chuyên gia dự báo nhiều kinh nghiệm ở Phố Wall, được biết tới như là người dự đoán chính xác cuộc Đại Khủng hoảng tài chính năm 2008. Năm 1996 ông bắt đầu sự nghiệp tại Shearson Lehman, sau đó tham gia Euro Pacific Capital - một công ty kinh doanh và môi giới chứng khoán chuyên về thị trường và chứng khoán nước ngoài, nơi ông trở thành Tổng Giám đốc vào năm 2000. Ý kiến của ông thường xuyên được trích dẫn trên các ấn phẩm tài chính quan trọng như *Wall Street Journal*, *Barron's*, *Financial Times*, *New York Times*, ông cũng tham gia các chương trình *Rhu Squawk Box*, *Closing Bell*, *Fox News*, và nhiều chương trình khác. Năm 2009, ông thông

báo ra ứng cử vào Thượng nghị viện Mỹ tại tiểu bang Connecticut. Hiện ông sống tại Weston, CT với người vợ Martha và cậu con trai Spencer. Xem thêm thông tin về ông tại trang web chính thức www.peterschiffonline.com.

Andrew J.Schiff là Giám đốc Truyền thông của Euro Pacific Capital, từng đảm nhiệm vị trí người phát ngôn và người biên soạn của công ty này trong một thời gian dài. Là một chuyên gia về quan hệ truyền thông và truyền thông tài chính, Andrew từng diễn thuyết tại nhiều hội nghị quan trọng và trên truyền hình, nơi ông thể hiện quan điểm ủng hộ chủ nghĩa tư bản thị trường tự do và hạn chế sự can thiệp của Chính phủ. Hiện ông sống ở Brooklyn, NY với người vợ Paxton và hai con là Ethan và Eliza. Thời gian rảnh rỗi của ông dành cho việc đọc sách lịch sử, tham quan các công trình kiến trúc và chơi madolin.

VỀ NGƯỜI MINH HỌA

Brendan Leach là nhà minh họa và viết ý tưởng truyện tranh tại New York. Tác phẩm của ông xuất hiện trên các báo chí như *Time Out New York*, *Time Out New York Kids*, *The L magazine*, *SVA Visual Arts Journal*, *Paracinema Magazine*, *Smoke Journal*, *Rabid Rabbit*, ông nhận bằng Thạc sỹ từ School of Visual Arts tại New York. Xem tác phẩm của ông tại www.iknowashortcut.com. Ông hiện sống ở Brooklyn, New York.

CHÚ THÍCH

1. Tức Financial Industry Regulatory Authority, là tổ chức tư nhân lớn nhất có chức năng điều tiết và quản lý các công ty môi giới chứng khoán tại Mỹ, hiện đang giám sát hơn 4.500 công ty chứng khoán - ND.
2. Tức là có hai bộ luật chi phối kinh tế học, một ở tầm vi mô và một ở tầm vĩ mô như đã nói ở trên - ND.
3. Để xem toàn bộ phần điều trần của Irwin, xin đọc phụ lục A của cuốn sách *The biggest con: how the Government is fleecing you* (Freedom Books, 1978)
4. Fed Funds Rate: Đây là lãi suất mà các tổ chức tín dụng (thường là các ngân hàng) cho nhau vay phần vốn dự trữ bắt buộc dư thừa (hoặc thiếu hụt tạm thời) đang nằm trong quỹ dự trữ liên bang theo yêu cầu đảm bảo tỷ lệ dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng (có thể gọi là lãi suất điều hòa vốn dự trữ qua đêm, hay lãi suất qua đêm liên ngân hàng).
5. Nhân vật nổi tiếng trong truyện ngắn *Giáng Sinh yêu thương* (A Christmas Carol) của Charles Dickens - ND.
6. Ở đây nói tới dự án xây cầu Gravina Island Bridge, thường được nhắc tới với cái tên “Cây cầu không tới đâu” (Bridge to Nowhere). Cây cầu này được người ta đề xuất xây dựng để nối liền thị trấn Ketchikan, Alaska với đảo Gravina, nơi chỉ có vón vện... 50 người dân! Dự toán lên tới gần 400 triệu USD! - ND
7. Ý nói khi đó mọi người lo kiếm ăn còn chưa xong, chẳng hơi sức đâu mà nghĩ đến những việc khác - ND.
8. Usonia là thuật ngữ của kiến trúc sư người Mỹ Frank Lloyd Wright, nói về tầm nhìn tương lai cho phong cảnh kiến trúc và cả nội thất các công

trình xây dựng ở vùng đất mới này, khác biệt hoàn toàn với các thiết kế kiến trúc và xây dựng trước đó trên thế giới, ở đây, “Cộng hòa Usonia” chính là cách nói ám chỉ đến Hợp chủng quốc Hoa Kỳ - ND.

9. Tạm dịch là “Người cá xuất hiện”. Tác giả nhại theo tên vở kịch nổi tiếng *The Iceman Cometh* của tác giả Eugene O’Neill năm 1939 - ND.

10. Tác giả nhại theo tên gọi chính thức của đồng dollar Mỹ, tức là Federal Reserve Note - ND.

11. Ở đây nói tới những dự án đầu tư công mà Franky Deep đã hứa hẹn với cử tri khi ra ứng cử - ND.

12. Tư duy theo nhiệm kỳ - ND

13. Tác giả muốn nói tới Bảo hiểm tiền gửi Liên bang tại Mỹ, cũng viết tắt là FDIC (Federal Deposit Insurance Corporation) - ND.

14. Tác giả nhại theo tên Alan Greenspan, cựu chủ tịch Fed - ND.

15. Nhại theo tên của Hệ thống dự trữ Liên bang (Federal Reserve Bank) - ND.

16. Ý nói là chế ra những con cá giả như đã nói ở chương trước, ám chỉ việc in thêm tiền - ND.

17. Nguyên văn: fishflation, nói nhại theo inflation - ND

18. Nguyên văn là “one-half of a fish belly”, ở đây tác giả giễu nhại cách đưa ra những lý thuyết kinh tế rối rắm của những người như Cựu Chủ tịch Fed, ông Alan Greenspan, trong việc bào chữa cho tình trạng lạm phát kéo dài của nước Mỹ - ND.

19. Nguyên văn “Other islands could efficiently outsource consumption to Usonia” là một câu châm biếm của tác giả: trong khi Usonia thuê người dân

đảo khác sản xuất giùm cho Usonia, thì các đảo khác có thể “thuê” người dân Usonia tiêu dùng giùm họ, vì dân Usonia là những người tiêu dùng hiệu quả nhất! - ND.

[20.](#) Nguyên văn là fish Standard, nhại theo gold Standard - bản vị vàng của đồng dollar Mỹ - ND.

[21.](#) “Through the looking glass”, tên một tác phẩm văn học của Lewis Carroll. Đây là phần tiếp theo của tác phẩm nổi tiếng Alice lạc vào xứ thần tiên - ND.

[22.](#) Xem lại chương 12 - ND.

[23.](#) Sushi Mae là từ tác giả ám chỉ Student Loan Marketing Association - SLMA (có nickname là Sallie Mae) - Hiệp hội kinh doanh giấy vay nợ của sinh viên. Đây là công ty kinh doanh những loại giấy vay nợ được giao dịch trong công chúng, bảo đảm cho các khoản nợ của sinh viên được giao dịch trên thị trường thứ cấp. Hiệp hội này được thành lập theo một nghị định năm 1972 của Chính phủ Mỹ để nâng cao khả năng sử dụng các khoản tiền cho vay để học tập, cấp cho sinh viên các trường Cao đẳng và Đại học theo các chương trình được chính phủ Liên bang bảo trợ.

[24.](#) Xem lại câu chuyện về quỹ đầu tư mạo hiểm này ở chương 6 - ND.

[25.](#) Nguyên văn là “hut fish extraction”, thực ra tác giả muốn nói tới cơ chế MEW tại Mỹ. MEW (*mortgage equity withdrawal*) là cơ chế gấn giá trị bất động sản với khả năng vay nợ: cụ thể hơn, mỗi hộ gia đình có quyền vay thêm tiền nếu giá trị ngôi nhà mà họ thế chấp tăng lên cao so với số tiền mà họ vay trước đó. Nói cách khác, người ta dẫn dụ những người muốn mua nhà - dù những người này ít có khả năng chi trả - vay tiền không những để mua nhà, mà còn để có tiền mặt chi tiêu vào việc khác, tất cả cơ chế đó dựa trên một tiền đề là giá nhà cửa chỉ có thể tiếp tục tăng cao - ND.

[26](#). Khi giá lên tăng tức là giá trị tài sản thế chấp tăng, cho phép người đi vay vay được nhiều tiền hơn - ND.